# VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

## BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

**Thông tư số 04/2023/TT-BKHĐT ngày 26 tháng 6 năm 2023 hướng dẫn yêu cầu nội dung và kỹ thuật của cơ sở dữ liệu hồ sơ quy hoạch và sơ đồ, bản đồ quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh**

(Tiếp theo Công báo số 815 + 816)

## Phụ lục III

## QUY CÁCH ĐẶT TÊN, GÁN MÃ NHẬN DẠNG VÀ DANH MỤC ĐỐI TƯỢNG ĐỊA LÝ CỦA CƠ SỞ DỮ LIỆU ĐỊA LÝ QUY HOẠCH TỔNG THỂ QUỐC GIA, QUY HOẠCH VÙNG, QUY HOẠCH TỈNH

*(Kèm theo Thông tư số 04/2023/TT-BKHĐT ngày 26 tháng 6 năm 2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)*

**2. Xây dựng**

| TT | Kiểu đối tượng địa lý | | | | Tên lớp | Trường thuộc tính | Kiểu dữ liệu thuộc tính | Yêu cầu | Tên (nhãn)/Mô tả thuộc tính | Phạm vi áp dụng và kiểu dữ liệu hình học | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Mã tên kiểu đối tượng địa lý | | Tên | Mô tả | | | | | | Quy hoạch tổng thể quốc gia | Quy hoạch vùng | Quy hoạch tỉnh |
| | Dữ liệu hiện trạng | Dữ liệu định hướng phát triển | | | | | | | | | | |
| 1 | | MQ01 | Định hướng phát triển | Là định hướng phát triển vùng đô | VungDoThiLon | maDoiTuong | CharacterString | Bắt buộc | Mã đối tượng | GM_polygon | | |
| | | | | | | ten | CharacterString | Bắt buộc | Tên vùng đô thị lớn | | | |

| TT | Kiểu đối tượng địa lý | | | | Tên lớp | Trường thuộc tính | Kiểu dữ liệu thuộc tính | Yêu cầu | Tên (nhãn)/Mô tả thuộc tính | Phạm vi áp dụng và kiểu dữ liệu hình học | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Mã tên kiểu đối tượng địa lý | | Tên | Mô tả | | | | | | Quy hoạch tổng thể quốc gia | Quy hoạch vùng | Quy hoạch tỉnh |
| | Dữ liệu hiện trạng | Dữ liệu định hướng phát triển | | | | | | | | | | |
| | | | vùng đô thị lớn | thị lớn được định hướng trong quy hoạch | | quyHoachBatDau | Date | Bắt buộc | Ngày quy hoạch được quyết định hoặc phê duyệt | | | |
| | | | | | | quyHoachKetThuc | Date | Bắt buộc | Ngày cuối cùng của thời kỳ quy hoạch | | | |
| | | | | | | nguon | | Có thể Null | Nguồn gốc dữ liệu | | | |
| 2 | MH01 | | Hiện trạng hệ thống đô thị | Là đô thị hiện trạng được phân tích, đánh giá trong quy hoạch.<br>- Đối với quy hoạch tổng thể quốc gia: Thể hiện trung tâm tỉnh lỵ, thành phố trực thuộc Trung ương.<br>- Đối với quy hoạch vùng: Thể hiện đô thị loại đặc biệt, I, II.<br>- Đối với quy hoạch tỉnh: Thể hiện đô thị loại đặc biệt, I, II, III, IV, V. | HienTrangDoThi | maDoiTuong | CharacterString | Bắt buộc | Mã đối tượng | GM_Point | GM_Point | GM_Point |
| | | | | | | ten | CharacterString | Bắt buộc | Tên đô thị | | | |
| | | | | | | phanLoaiDoThi | CharacterString | Bắt buộc | Đặc biệt | | | |
| | | | | | | | | | Cấp I | | | |
| | | | | | | | | | Cấp II | | | |
| | | | | | | | | | Cấp III | | | |
| | | | | | | | | | Cấp IV | | | |
| | | | | | | | | | Cấp V | | | |
| | | | | | | loaiDoiTuong | CharacterString | Có thể Null | Thành phố trực thuộc Trung ương | | | |
| | | | | | | | | | Thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương | | | |
| | | | | | | | | | Thị xã | | | |
| | | | | | | | | | Thị trấn | | | |
| | | | | | | | | | Khu vực dự kiến hình thành đô thị trong tương lai | | | |
| | | | | | | dienTich | Real | Có thể Null | Diện tích của đô thị (ha) | | | |
| | | | | | | danSo | Long Integer | Có thể Null | Quy mô dân số đô thị (người) | | | |
| | | | | | | loaiHienTrang | CharacterString | Bắt buộc | Hiện trạng được giữ nguyên | | | |
| | | | | | | | | | Hiện trạng dự kiến điều chỉnh trong kỳ quy hoạch | | | |
| | | | | | | | | | Hiện trạng dự kiến loại bỏ trong kỳ quy hoạch | | | |

| TT | Kiểu đối tượng địa lý | | | | Tên lớp | Trường thuộc tính | Kiểu dữ liệu thuộc tính | Yêu cầu | Tên (nhãn)/Mô tả thuộc tính | Phạm vi áp dụng và kiểu dữ liệu hình học | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Mã tên kiểu đối tượng địa lý | | Tên | Mô tả | | | | | | Quy hoạch tổng thể quốc gia | Quy hoạch vùng | Quy hoạch tỉnh |
| | Dữ liệu hiện trạng | Dữ liệu định hướng phát triển | | | | | | | | | | |
| | | | | | | nam | Integer | Có thể Null | Năm cập nhật | | | |
| | | | | | | nguon | CharacterString | Có thể Null | Nguồn gốc dữ liệu | | | |
| 3 | | MQ02 | Định hướng phát triển hệ thống đô thị | Là định hướng phát triển đô thị được xác định trong quy hoạch.<br>- Đối với quy hoạch tổng thể quốc gia: Thể hiện trung tâm tỉnh lỵ, thành phố trực thuộc Trung ương.<br>- Đối với quy hoạch vùng: Thể hiện đô thị loại đặc biệt, I, II.<br>- Đối với quy hoạch tỉnh: Thể hiện đô thị loại đặc biệt, I, II, III, IV, V. | DinhHuongPhatTrienDoThi | maDoiTuong | CharacterString | Bắt buộc | Mã đối tượng | GM_Point | GM_Point | GM_Point |
| | | | | | | ten | CharacterString | Bắt buộc | Tên đô thị | | | |
| | | | | | | phanLoaiDoThi | CharacterString | Bắt buộc | Đặc biệt | | | |
| | | | | | | | | | Cấp I | | | |
| | | | | | | | | | Cấp II | | | |
| | | | | | | | | | Cấp III | | | |
| | | | | | | | | | Cấp IV | | | |
| | | | | | | | | | Cấp V | | | |
| | | | | | | loaiDoiTuong | CharacterString | Có thể Null | Thành phố trực thuộc Trung ương | | | |
| | | | | | | | | | Thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương | | | |
| | | | | | | | | | Thị xã | | | |
| | | | | | | | | | Thị trấn | | | |
| | | | | | | | | | Khu vực dự kiến hình thành đô thị trong tương lai | | | |
| | | | | | | dienTich | Real | Có thể Null | Diện tích dự kiến của đô thị (ha) | | | |
| | | | | | | danSo | Long Integer | Có thể Null | Quy mô dân số dự kiến của đô thị (người) | | | |
| | | | | | | loaiQuyHoach | CharacterString | Bắt buộc | Quy hoạch mới | | | |
| | | | | | | | | | Quy hoạch trên cơ sở điều chỉnh hiện trạng | | | |
| | | | | | | quyHoachBatDau | Date | Bắt buộc | Ngày quy hoạch được quyết định hoặc phê duyệt | | | |
| | | | | | | quyHoachKetThuc | Date | Bắt buộc | Ngày cuối cùng của thời kỳ quy hoạch | | | |
| | | | | | | nguon | CharacterString | Có thể Null | Nguồn gốc dữ liệu | | | |

| TT | Kiểu đối tượng địa lý | | | | Tên lớp | Trường thuộc tính | Kiểu dữ liệu thuộc tính | Yêu cầu | Tên (nhãn)/Mô tả thuộc tính | Phạm vi áp dụng và kiểu dữ liệu hình học | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Mã tên kiểu đối tượng địa lý | | Tên | Mô tả | | | | | | Quy hoạch tổng thể quốc gia | Quy hoạch vùng | Quy hoạch tỉnh |
| | Dữ liệu hiện trạng | Dữ liệu định hướng phát triển | | | | | | | | | | |
| 4 | | MQ03 | Phương án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện | Là vùng liên huyện được xác định trong phương án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện của quy hoạch tỉnh. | PhuongAnVungLienHuyen | maDoiTuong | CharacterString | Bắt buộc | Mã đối tượng | | | GM_Point hoặc GM_Polygon |
| | | | | | | ten | CharacterString | Bắt buộc | Tên vùng liên huyện | | | |
| | | | | | | dienTich | Real | Có thể Null | Diện tích vùng liên huyện (ha) | | | |
| | | | | | | quyHoachBatDau | Date | Bắt buộc | Ngày quy hoạch được quyết định hoặc phê duyệt | | | |
| | | | | | | quyHoachKetThuc | Date | Bắt buộc | Ngày cuối cùng của thời kỳ quy hoạch | | | |
| | | | | | | nguon | CharacterString | Có thể Null | Nguồn gốc dữ liệu | | | |
| 5 | | MQ04 | Định hướng phân vùng cấp nước | Là định hướng phân vùng cấp nước được xác định hướng trong quy hoạch | DinhHuongPhanVungCapNuoc | maDoiTuong | CharacterString | Bắt buộc | Mã đối tượng | | GM_Polygon | GM_Polygon |
| | | | | | | ten | CharacterString | Bắt buộc | Tên phân vùng | | | |
| | | | | | | nguonNuoc | CharacterString | Có thể Null | Tên nguồn nước được khai thác, sử dụng của phân vùng | | | |
| | | | | | | chucNangNguonNuoc | CharacterString | Bắt buộc | Chức năng của nguồn nước | | | |
| | | | | | | | | | Sinh hoạt | | | |
| | | | | | | | | | Sản xuất nông nghiệp | | | |
| | | | | | | | | | Nuôi trồng thủy sản | | | |
| | | | | | | | | | Thủy điện | | | |
| | | | | | | | | | Sản xuất công nghiệp | | | |
| | | | | | | | | | Giao thông thủy | | | |
| | | | | | | | | | Du lịch, dịch vụ | | | |
| | | | | | | | | | Các mục đích khác | | | |
| | | | | | | quyHoachBatDau | Date | Bắt buộc | Ngày quy hoạch được quyết định hoặc phê duyệt | | | |
| | | | | | | quyHoachKetThuc | Date | Bắt buộc | Ngày cuối cùng của thời kỳ quy hoạch | | | |
| | | | | | | nguon | CharacterString | Có thể Null | Nguồn gốc dữ liệu | | | |
| 6 | MH02 | | Hiện trạng nhà máy nước | Là nhà máy nước được phân tích, | HienTrangNhaMayNuoc | maDoiTuong | CharacterString | Bắt buộc | Mã đối tượng | | GM_Point | GM_Point |
| | | | | | | ten | CharacterString | Bắt buộc | Tên nhà máy nước | | | |

| TT | Kiểu đối tượng địa lý | | | | Tên lớp | Trường thuộc tính | Kiểu dữ liệu thuộc tính | Yêu cầu | Tên (nhãn)/Mô tả thuộc tính | Phạm vi áp dụng và kiểu dữ liệu hình học | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Mã tên kiểu đối tượng địa lý | | Tên | Mô tả | | | | | | Quy hoạch tổng thể quốc gia | Quy hoạch vùng | Quy hoạch tỉnh |
| | Dữ liệu hiện trạng | Dữ liệu định hướng phát triển | | | | | | | | | | |
| | | | | đánh giá trong quy hoạch.<br>- Đối với quy hoạch vùng: Thể hiện nhà máy nước liên tỉnh trở lên.<br>- Đối với quy hoạch tỉnh: Thể hiện nhà máy nước liên huyện trở lên. | | diaDiem | CharacterString | Có thể Null | Địa điểm của nhà máy nước.<br>- Đối với quy hoạch vùng: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp tỉnh;<br>- Đối với quy hoạch tỉnh: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp huyện. | | | |
| | | | | | | phanLoai | CharacterString | Có thể Null | Nội tỉnh | | | |
| | | | | | | | | | Liên tỉnh | | | |
| | | | | | | phamViCapNuoc | CharacterString | Có thể Null | Phạm vi cấp nước của nhà máy nước.<br>- Đối với quy hoạch vùng: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp tỉnh;<br>- Đối với quy hoạch tỉnh: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp huyện. | | | |
| | | | | | | nguonNuoc | CharacterString | Có thể Null | Tên nguồn nước (sông, hồ…) được khai thác, sử dụng | | | |
| | | | | | | loaiNguonNuoc | CharacterString | Có thể Null | Nước mặt | | | |
| | | | | | | | | | Nước dưới đất | | | |
| | | | | | | | | | Nước khác | | | |
| | | | | | | congSuat | Real | Bắt buộc | Công suất của nhà máy nước ($m^3$/ngày đêm) | | | |
| | | | | | | loaiHienTrang | CharacterString | Bắt buộc | Hiện trạng được giữ nguyên | | | |
| | | | | | | | | | Hiện trạng dự kiến điều chỉnh trong kỳ quy hoạch | | | |
| | | | | | | | | | Hiện trạng dự kiến loại bỏ trong kỳ quy hoạch | | | |
| | | | | | | nam | Integer | Bắt buộc | Năm cập nhật | | | |
| | | | | | | nguon | CharacterString | Bắt buộc | Nguồn gốc dữ liệu | | | |
| 7 | | MQ05 | Định hướng phát triển | Là nhà máy nước được định hướng | DinhHuongNhaMayNuoc | maDoiTuong | CharacterString | Bắt buộc | Mã đối tượng | | GM_Point | GM_Point |
| | | | | | | ten | CharacterString | Bắt buộc | Tên công trình nhà máy nước | | | |

| TT | Kiểu đối tượng địa lý | | | | Tên lớp | Trường thuộc tính | Kiểu dữ liệu thuộc tính | Yêu cầu | Tên (nhãn)/Mô tả thuộc tính | Phạm vi áp dụng và kiểu dữ liệu hình học | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Mã tên kiểu đối tượng địa lý | | Tên | Mô tả | | | | | | Quy hoạch tổng thể quốc gia | Quy hoạch vùng | Quy hoạch tỉnh |
| | Dữ liệu hiện trạng | Dữ liệu định hướng phát triển | | | | | | | | | | |
| | | | nhà máy nước | phát triển trong quy hoạch.<br>- Đối với quy hoạch vùng: Thể hiện nhà máy nước liên tỉnh trở lên.<br>- Đối với quy hoạch tỉnh: Thể hiện nhà máy nước liên huyện trở lên. | | diaDiem | CharacterString | Có thể Null | Địa điểm dự kiến của nhà máy nước.<br>- Đối với quy hoạch vùng: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp tỉnh;<br>- Đối với quy hoạch tỉnh: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp huyện. | | | |
| | | | | | | phanLoai | CharacterString | Có thể Null | Nội tỉnh | | | |
| | | | | | | | | | Liên tỉnh | | | |
| | | | | | | phamViCapNuoc | CharacterString | Có thể Null | Phạm vi cấp nước dự kiến của nhà máy nước.<br>- Đối với quy hoạch vùng: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp tỉnh;<br>- Đối với quy hoạch tỉnh: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp huyện. | | | |
| | | | | | | nguonNuoc | CharacterString | Có thể Null | Tên nguồn nước (sông, hồ…) được khai thác, sử dụng | | | |
| | | | | | | loaiNguonNuoc | CharacterString | Có thể Null | Nước mặt | | | |
| | | | | | | | | | Nước dưới đất | | | |
| | | | | | | | | | Nước khác | | | |
| | | | | | | congSuat | Real | Có thể Null | Công suất dự kiến của nhà máy nước ($m^3$/ngày đêm) | | | |
| | | | | | | loaiQuyHoach | CharacterString | Bắt buộc | Quy hoạch mới | | | |
| | | | | | | | | | Quy hoạch trên cơ sở điều chỉnh hiện trạng | | | |
| | | | | | | quyHoachBatDau | Date | Bắt buộc | Ngày quy hoạch được quyết định hoặc phê duyệt | | | |
| | | | | | | quyHoachKetThuc | Date | Bắt buộc | Ngày cuối cùng của thời kỳ quy hoạch | | | |
| | | | | | | nguon | CharacterString | Có thể Null | Nguồn gốc dữ liệu | | | |

| TT | Kiểu đối tượng địa lý | | | | Tên lớp | Trường thuộc tính | Kiểu dữ liệu thuộc tính | Yêu cầu | Tên (nhãn)/Mô tả thuộc tính | Phạm vi áp dụng và kiểu dữ liệu hình học | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Mã tên kiểu đối tượng địa lý | | Tên | Mô tả | | | | | | Quy hoạch tổng thể quốc gia | Quy hoạch vùng | Quy hoạch tỉnh |
| | Dữ liệu hiện trạng | Dữ liệu định hướng phát triển | | | | | | | | | | |
| 8 | MH03 | | Hiện trạng khu xử lý chất thải | Là hiện trạng khu xử lý chất thải được phân tích, đánh giá trong quy hoạch.<br>- Đối với quy hoạch vùng: Thể hiện khu xử lý chất thải liên tỉnh trở lên.<br>- Đối với quy hoạch tỉnh: Thể hiện khu xử lý chất thải liên huyện trở lên. | HienTrangKhuXuLyChatThai | maDoiTuong | CharacterString | Bắt buộc | Mã đối tượng | | GM_Point | GM_Point hoặc GM_Polygon |
| | | | | | | ten | CharacterString | Bắt buộc | Tên khu xử lý chất thải | | | |
| | | | | | | diaDiem | CharacterString | Bắt buộc | Địa điểm của khu xử lý chất thải.<br>- Đối với quy hoạch vùng: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp tỉnh;<br>- Đối với quy hoạch tỉnh: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp huyện. | | | |
| | | | | | | dienTich | Real | Có thể Null | Diện tích của khu xử lý chất thải (ha). | | | |
| | | | | | | loaiChatThai | CharacterString | Có thể Null | Khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt | | | |
| | | | | | | | | | Khu xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường | | | |
| | | | | | | | | | Khu xử lý chất thải y tế nguy hại hoặc khu xử lý chất thải tập trung có hạng mục xử lý chất thải y tế | | | |
| | | | | | | | | | Khu xử lý chất thải nguy hại | | | |
| | | | | | | hinhThucXuLy | CharacterString | Có thể Null | Công nghệ chế biến phân hữu cơ | | | |
| | | | | | | | | | Công nghệ đốt | | | |
| | | | | | | | | | Công nghệ chôn lấp hợp vệ sinh | | | |
| | | | | | | | | | Các công nghệ tái chế, thu hồi năng lượng, sản xuất sản phẩm từ các thành phần có ích trong chất thải rắn sinh hoạt; các công nghệ thân thiện với môi trường | | | |
| | | | | | | | | | Các công nghệ khác | | | |
| | | | | | | phanLoai | CharacterString | Có thể Null | Nội tỉnh | | | |
| | | | | | | | | | Liên tỉnh | | | |
| | | | | | | congSuat | Real | Có thể Null | Công suất của khu xử lý chất thải (tấn/năm). | | | |
| | | | | | | loaiHienTrang | CharacterString | Bắt buộc | Hiện trạng được giữ nguyên | | | |

| TT | Kiểu đối tượng địa lý | | | | Tên lớp | Trường thuộc tính | Kiểu dữ liệu thuộc tính | Yêu cầu | Tên (nhãn)/Mô tả thuộc tính | Phạm vi áp dụng và kiểu dữ liệu hình học | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Mã tên kiểu đối tượng địa lý | | Tên | Mô tả | | | | | | Quy hoạch tổng thể quốc gia | Quy hoạch vùng | Quy hoạch tỉnh |
| | Dữ liệu hiện trạng | Dữ liệu định hướng phát triển | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | Hiện trạng dự kiến điều chỉnh trong kỳ quy hoạch | | | |
| | | | | | | | | | Hiện trạng dự kiến loại bỏ trong kỳ quy hoạch | | | |
| | | | | | | nam | Integer | Bắt buộc | Năm cập nhật | | | |
| | | | | | | nguon | CharacterString | Có thể Null | Nguồn gốc dữ liệu | | | |
| 9 | | MQ06 | Định hướng phát triển khu xử lý chất thải | Là khu xử lý chất thải được định hướng phát triển trong quy hoạch.<br>- Đối với quy hoạch vùng: Thể hiện khu xử lý chất thải liên tỉnh trở lên.<br>- Đối với quy hoạch tỉnh: Thể hiện khu xử lý chất thải liên huyện trợ lên. | DinhHuongKhuXuLyChatThai | maDoiTuong | CharacterString | Bắt buộc | Mã đối tượng | | GM_Point | GM_Point hoặc GM_Polygon |
| | | | | | | ten | CharacterString | Bắt buộc | Tên khu xử lý chất thải rắn | | | |
| | | | | | | diaDiem | CharacterString | Có thể Null | Địa điểm dự kiến của khu xử lý chất thải.<br>- Đối với quy hoạch vùng: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp tỉnh;<br>- Đối với quy hoạch tỉnh: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp huyện. | | | |
| | | | | | | dienTich | Real | Có thể Null | Diện tích dự kiến của khu xử lý chất thải (ha). | | | |
| | | | | | | loaiChatThai | CharacterString | Có thể Null | Khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt | | | |
| | | | | | | | | | Khu xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường | | | |
| | | | | | | | | | Khu xử lý chất thải y tế nguy hại hoặc khu xử lý chất thải tập trung có hạng mục xử lý chất thải y tế | | | |
| | | | | | | | | | Khu xử lý chất thải nguy hại | | | |
| | | | | | | hinhThucXuLy | CharacterString | Có thể Null | Công nghệ chế biến phân hữu cơ | | | |
| | | | | | | | | | Công nghệ đốt | | | |
| | | | | | | | | | Công nghệ chôn lấp hợp vệ sinh | | | |
| | | | | | | | | | Các công nghệ tái chế, thu hồi năng lượng, sản xuất sản phẩm từ các thành phần có ích trong chất thải rắn sinh hoạt; các công nghệ thân thiện với môi trường | | | |

| TT | Kiểu đối tượng địa lý | | | | Tên lớp | Trường thuộc tính | Kiểu dữ liệu thuộc tính | Yêu cầu | Tên (nhãn)/Mô tả thuộc tính | Phạm vi áp dụng và kiểu dữ liệu hình học | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Mã tên kiểu đối tượng địa lý | | Tên | Mô tả | | | | | | Quy hoạch tổng thể quốc gia | Quy hoạch vùng | Quy hoạch tỉnh |
| | Dữ liệu hiện trạng | Dữ liệu định hướng phát triển | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | Các công nghệ khác | | | |
| | | | | | | phanLoai | CharacterString | Có thể Null | Nội tỉnh | | | |
| | | | | | | | | | Liên tỉnh | | | |
| | | | | | | congSuat | Real | Có thể Null | Công suất dự kiến của khu xử lý chất thải (tấn/năm) | | | |
| | | | | | | loaiQuyHoach | CharacterString | Bắt buộc | Quy hoạch mới | | | |
| | | | | | | | | | Quy hoạch trên cơ sở điều chỉnh hiện trạng | | | |
| | | | | | | quyHoachBatDau | Date | Bắt buộc | Ngày quy hoạch được quyết định hoặc phê duyệt | | | |
| | | | | | | quyHoachKetThuc | Date | Bắt buộc | Ngày cuối cùng của thời kỳ quy hoạch | | | |
| | | | | | | nguon | CharacterString | Có thể Null | Nguồn gốc dữ liệu | | | |
| 10 | MH04 | | Hiện trạng nghĩa trang | Là khu nghĩa trang liên huyện (trừ nghĩa trang liệt sỹ) được phân tích, đánh giá trong quy hoạch | HienTrangNghiaTrang | maDoiTuong | CharacterString | Bắt buộc | Mã đối tượng | | | GM_Point hoặc GM_Polygon |
| | | | | | | ten | CharacterString | Bắt buộc | Tên khu nghĩa trang | | | |
| | | | | | | diaDiem | CharacterString | Có thể Null | Địa điểm của khu nghĩa trang chi tiết đến đơn vị hành chính cấp huyện | | | |
| | | | | | | dienTich | Real | Có thể Null | Diện tích khu nghĩa trang (ha) | | | |
| | | | | | | hinhThucTang | CharacterString | Có thể Null | Mai táng | | | |
| | | | | | | | | | Hỏa táng | | | |
| | | | | | | | | | Hình thức táng khác | | | |
| | | | | | | loaiHienTrang | CharacterString | Bắt buộc | Hiện trạng được giữ nguyên | | | |
| | | | | | | | | | Hiện trạng dự kiến điều chỉnh trong kỳ quy hoạch | | | |
| | | | | | | | | | Hiện trạng dự kiến loại bỏ trong kỳ quy hoạch | | | |
| | | | | | | nam | Integer | Bắt buộc | Năm cập nhật | | | |
| | | | | | | nguon | CharacterString | Bắt buộc | Nguồn gốc dữ liệu | | | |

| TT | Kiểu đối tượng địa lý | | | | Tên lớp | Trường thuộc tính | Kiểu dữ liệu thuộc tính | Yêu cầu | Tên (nhãn)/Mô tả thuộc tính | Phạm vi áp dụng và kiểu dữ liệu hình học | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Mã tên kiểu đối tượng địa lý | | Tên | Mô tả | | | | | | Quy hoạch tổng thể quốc gia | Quy hoạch vùng | Quy hoạch tỉnh |
| | Dữ liệu hiện trạng | Dữ liệu định hướng phát triển | | | | | | | | | | |
| 11 | | MQ07 | Định hướng phát triển nghĩa trang | Là khu nghĩa trang liên huyện (trừ nghĩa trang liệt sỹ) được định hướng phát triển trong quy hoạch | DinhHuongNghiaTrang | maDoiTuong | CharacterString | Bắt buộc | Mã đối tượng | | | GM_Point hoặc GM_Polygon |
| | | | | | | ten | CharacterString | Bắt buộc | Tên nghĩa trang | | | |
| | | | | | | diaDiem | CharacterString | Bắt buộc | Địa điểm dự kiến của khu nghĩa trang chi tiết đến đơn vị hành chính cấp huyện | | | |
| | | | | | | dienTich | Real | Có thể Null | Diện tích dự kiến của khu nghĩa trang (ha) | | | |
| | | | | | | hinhThucTang | CharacterString | Có thể Null | Mai táng | | | |
| | | | | | | | | | Hỏa táng | | | |
| | | | | | | | | | Hình thức táng khác | | | |
| | | | | | | loaiQuyHoach | CharacterString | Bắt buộc | Quy hoạch mới | | | |
| | | | | | | | | | Quy hoạch trên cơ sở điều chỉnh hiện trạng | | | |
| | | | | | | quyHoachBatDau | Date | Bắt buộc | Ngày quy hoạch được quyết định hoặc phê duyệt | | | |
| | | | | | | quyHoachKetThuc | Date | Bắt buộc | Ngày cuối cùng của thời kỳ quy hoạch | | | |
| | | | | | | nguon | CharacterString | Có thể Null | Nguồn gốc dữ liệu | | | |

### 3. Công nghiệp và thương mại

| TT | Kiểu đối tượng địa lý | | | | Tên lớp/nhóm lớp | Trường thuộc tính | Kiểu dữ liệu thuộc tính | Yêu cầu | Tên (nhãn)/Mô tả thuộc tính | Phạm vi áp dụng và kiểu dữ liệu hình học | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Mã tên kiểu đối tượng địa lý | | Tên | Mô tả | | | | | | Quy hoạch tổng thể quốc gia | Quy hoạch vùng | Quy hoạch tỉnh |
| | Dữ liệu hiện trạng | Dữ liệu định hướng phát triển | | | | | | | | | | |
| 1 | NH01 | | Hiện trạng cụm công nghiệp | Là cụm công nghiệp hiện trạng được phân tích, đánh giá trong quy hoạch | HienTrangCumCongNghiep | maDoiTuong | CharacterString | Bắt buộc | Mã đối tượng | | | GM_Point hoặc GM_Polygon |
| | | | | | | ten | CharacterString | Bắt buộc | Tên cụm công nghiệp | | | |
| | | | | | | dienTich | Real | Có thể Null | Diện tích cụm công nghiệp (ha) | | | |
| | | | | | | diaDiem | CharacterString | Có thể Null | Địa điểm của cụm công nghiệp chi tiết đến đơn vị hành chính cấp huyện | | | |
| | | | | | | nganhNghe | CharacterString | Có thể Null | Ngành nghề hoạt động chủ yếu của cụm công nghiệp | | | |

| TT | Kiểu đối tượng địa lý | | | | Tên lớp/nhóm lớp | Trường thuộc tính | Kiểu dữ liệu thuộc tính | Yêu cầu | Tên (nhãn)/Mô tả thuộc tính | Phạm vi áp dụng và kiểu dữ liệu hình học | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Mã tên kiểu đối tượng địa lý | | Tên | Mô tả | | | | | | Quy hoạch tổng thể quốc gia | Quy hoạch vùng | Quy hoạch tỉnh |
| | Dữ liệu hiện trạng | Dữ liệu định hướng phát triển | | | | | | | | | | |
| | | | | | | thoiHan | Short Integer | Có thể Null | Năm hết hạn hoạt động của cụm công nhiệp | | | |
| | | | | | | tyLeLapDay | CharacterString | Có thể Null | Tỷ lệ lấp đầy cụm công nghiệp (%) | | | |
| | | | | | | loaiHienTrang | CharacterString | Bắt buộc | Đối tượng hiện trạng được giữ nguyên trong quy hoạch | | | |
| | | | | | | | | | Đối tượng hiện trạng dự kiến được nâng cấp, điều chỉnh trong quy hoạch | | | |
| | | | | | | | | | Đối tượng hiện trạng không đưa vào quy hoạch | | | |
| | | | | | | nam | Integer | Bắt buộc | Năm cập nhật | | | |
| | | | | | | nguon | CharacterString | Bắt buộc | Nguồn gốc dữ liệu | | | |
| 2 | | NQ01 | Định hướng phát triển cụm công nghiệp | Là cụm công nghiệp được định hướng phát triển trong quy hoạch | DinhHuongCumCongNghiep | maDoiTuong | CharacterString | Bắt buộc | Mã đối tượng | | | GM_Point hoặc GM_Polygon |
| | | | | | | ten | CharacterString | Bắt buộc | Tên cụm công nghiệp | | | |
| | | | | | | dienTich | Real | Có thể Null | Diện tích dự kiến của cụm công nghiệp (ha) | | | |
| | | | | | | diaDiem | CharacterString | Có thể Null | Địa điểm dự kiến của cụm công nghiệp chi tiết đến đơn vị hành chính cấp huyện | | | |
| | | | | | | nganhNghe | CharacterString | Có thể Null | Định hướng ngành nghề hoạt động chủ yếu của cụm công nghiệp | | | |
| | | | | | | loaiQuyHoach | CharacterString | Bắt buộc | Đối tượng hiện trạng được nâng cấp, điều chỉnh trong quy hoạch | | | |
| | | | | | | | | | Đối tượng được xác định mới trong quy hoạch | | | |
| | | | | | | quyHoachBatDau | Date | Bắt buộc | Ngày quy hoạch được quyết định hoặc phê duyệt | | | |
| | | | | | | quyHoachKetThuc | Date | Bắt buộc | Ngày cuối cùng của thời kỳ quy hoạch | | | |
| | | | | | | nguon | CharacterString | Có thể Null | Nguồn gốc dữ liệu | | | |
| 3 | NH02 | | Hiện trạng chợ | Là chợ quan trọng của tỉnh (hạng I) được phân tích, đánh giá trong quy hoạch | HienTrangCho | maDoiTuong | CharacterString | Bắt buộc | Mã đối tượng | | | GM_Point |
| | | | | | | ten | CharacterString | Bắt buộc | Tên chợ | | | |
| | | | | | | dienTich | Real | Có thể Null | Diện tích chợ (ha) | | | |
| | | | | | | diaDiem | CharacterString | Có thể Null | Địa điểm của chợ chi tiết đến đơn vị hành chính cấp huyện | | | |
| | | | | | | loaiHienTrang | CharacterString | Bắt buộc | Đối tượng hiện trạng được giữ nguyên trong quy hoạch | | | |

| TT | Kiểu đối tượng địa lý | | | | Tên lớp/nhóm lớp | Trường thuộc tính | Kiểu dữ liệu thuộc tính | Yêu cầu | Tên (nhãn)/Mô tả thuộc tính | Phạm vi áp dụng và kiểu dữ liệu hình học | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Mã tên kiểu đối tượng địa lý | | Tên | Mô tả | | | | | | Quy hoạch tổng thể quốc gia | Quy hoạch vùng | Quy hoạch tỉnh |
| | Dữ liệu hiện trạng | Dữ liệu định hướng phát triển | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | Đối tượng hiện trạng dự kiến được nâng cấp, điều chỉnh trong quy hoạch | | | |
| | | | | | | | | | Đối tượng hiện trạng không đưa vào quy hoạch | | | |
| | | | | | | nam | Integer | Bắt buộc | Năm cập nhật | | | |
| | | | | | | nguon | CharacterString | Có thể Null | Nguồn gốc dữ liệu | | | |
| 4 | | NQ02 | Định hướng phát triển chợ | Là chợ quan trọng của tỉnh (hạng I) được định hướng phát triển trong quy hoạch | DinhHuongPhatTrienCho | maDoiTuong | CharacterString | Bắt buộc | Mã đối tượng | | | GM_Point |
| | | | | | | ten | CharacterString | Bắt buộc | Tên chợ | | | |
| | | | | | | dienTich | Real | Có thể Null | Diện tích dự kiến của chợ (ha) | | | |
| | | | | | | diaDiem | CharacterString | Có thể Null | Địa điểm dự kiến của chợ chi tiết đến đơn vị hành chính cấp huyện | | | |
| | | | | | | loaiQuyHoach | CharacterString | Bắt buộc | Đối tượng hiện trạng được nâng cấp, điều chỉnh trong quy hoạch | | | |
| | | | | | | | | | Đối tượng được xác định mới trong quy hoạch | | | |
| | | | | | | quyHoachBatDau | Date | Bắt buộc | Ngày quy hoạch được quyết định hoặc phê duyệt | | | |
| | | | | | | quyHoachKetThuc | Date | Bắt buộc | Ngày cuối cùng của thời kỳ quy hoạch | | | |
| | | | | | | nguon | CharacterString | Có thể Null | Nguồn gốc dữ liệu | | | |
| 5 | NH03 | | Hiện trạng nhà máy điện | Là nhà máy điện được phân tích, đánh giá trong quy hoạch<br>- Đối với quy hoạch tổng thể quốc gia: Thể hiện các nhà máy điện có quy mô công suất của công trình cấp đặc biệt trở lên.<br>- Đối với quy hoạch vùng: Thể hiện các nhà máy | HienTrangNhaMayDien | maDoiTuong | CharacterString | Bắt buộc | Mã đối tượng | GM_Point | GM_Point | GM_Point hoặc GM_Polygon |
| | | | | | | ten | CharacterString | Bắt buộc | Tên nhà máy điện | | | |
| | | | | | | dienTich | Real | Có thể Null | Diện tích nhà máy điện | | | |
| | | | | | | diaDiem | CharacterString | Có thể Null | Địa điểm của nhà máy điện.<br>- Đối với quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp tỉnh;<br>- Đối với quy hoạch tỉnh: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp huyện | | | |
| | | | | | | loaiDien | CharacterString | Có thể Null | Thủy điện | | | |
| | | | | | | | | | Điện gió | | | |
| | | | | | | | | | Điện mặt trời | | | |

| TT | Kiểu đối tượng địa lý | | | | Tên lớp/nhóm lớp | Trường thuộc tính | Kiểu dữ liệu thuộc tính | Yêu cầu | Tên (nhãn)/Mô tả thuộc tính | Phạm vi áp dụng và kiểu dữ liệu hình học | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Mã tên kiểu đối tượng địa lý | | Tên | Mô tả | | | | | | Quy hoạch tổng thể quốc gia | Quy hoạch vùng | Quy hoạch tỉnh |
| | Dữ liệu hiện trạng | Dữ liệu định hướng phát triển | | | | | | | | | | |
| | | | | điện đã được xác định trong quy hoạch cấp quốc gia trên địa bàn vùng.<br>- Đối với quy hoạch tỉnh: Thể hiện các nhà máy điện đã được xác định trong quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng; nguồn điện vừa và nhỏ trên địa bàn tỉnh. | | | | | Điện địa nhiệt | | | |
| | | | | | | | | | Điện thủy triều | | | |
| | | | | | | | | | Nhiệt điện | | | |
| | | | | | | | | | Điện hạt nhân | | | |
| | | | | | | | | | Nguồn khác | | | |
| | | | | | | congSuat | Real | Có thể Null | Công suất của nhà máy điện (MW) | | | |
| | | | | | | loaiHienTrang | CharacterString | Bắt buộc | Đối tượng hiện trạng được giữ nguyên trong quy hoạch | | | |
| | | | | | | | | | Đối tượng hiện trạng dự kiến được nâng cấp, điều chỉnh trong quy hoạch | | | |
| | | | | | | | | | Đối tượng hiện trạng không đưa vào quy hoạch | | | |
| | | | | | | nam | Integer | Bắt buộc | Năm cập nhật | | | |
| | | | | | | nguon | CharacterString | Bắt buộc | Nguồn gốc dữ liệu | | | |
| 6 | | NQ03 | Định hướng phát triển nhà máy điện | Là nhà máy điện được định hướng phát triển trong quy hoạch.<br>- Đối với quy hoạch tổng thể quốc gia: Thể hiện các nhà máy điện có quy mô công suất của công trình cấp đặc biệt trở lên.<br>- Đối với quy hoạch vùng: Thể hiện các nhà máy điện đã được các định trong quy hoạch cấp quốc gia trên địa bàn vùng.<br>- Đối với quy hoạch tỉnh: Thể hiện các nhà máy điện đã được xác | DinhHuongNhaMayDien | maDoiTuong | CharacterString | Bắt buộc | Mã đối tượng | GM_Point | GM_Point | GM_Point hoặc GM_Polygon |
| | | | | | | ten | CharacterString | Bắt buộc | Tên nhà máy điện | | | |
| | | | | | | dienTich | Real | Có thể Null | Diện tích dự kiến nhà máy điện | | | |
| | | | | | | diaDiem | CharacterString | Có thể Null | Địa điểm dự kiến của nhà máy điện.<br>- Đối với quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp tỉnh;<br>- Đối với quy hoạch tỉnh: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp huyện | | | |
| | | | | | | loaiDien | CharacterString | Có thể Null | Thủy điện | | | |
| | | | | | | | | | Điện gió | | | |
| | | | | | | | | | Điện mặt trời | | | |
| | | | | | | | | | Điện địa nhiệt | | | |
| | | | | | | | | | Điện thủy triều | | | |
| | | | | | | | | | Nhiệt điện | | | |
| | | | | | | | | | Điện hạt nhân | | | |
| | | | | | | | | | Nguồn khác | | | |

| TT | Kiểu đối tượng địa lý | | | | Tên lớp/nhóm lớp | Trường thuộc tính | Kiểu dữ liệu thuộc tính | Yêu cầu | Tên (nhãn)/Mô tả thuộc tính | Phạm vi áp dụng và kiểu dữ liệu hình học | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Mã tên kiểu đối tượng địa lý | | Tên | Mô tả | | | | | | Quy hoạch tổng thể quốc gia | Quy hoạch vùng | Quy hoạch tỉnh |
| | Dữ liệu hiện trạng | Dữ liệu định hướng phát triển | | | | | | | | | | |
| | | | | định trong quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng; nguồn điện vừa và nhỏ trên địa bàn tỉnh. | | congSuat | Real | Có thể Null | Công suất dự kiến của nhà máy điện (MW) | | | |
| | | | | | | loaiQuyHoach | CharacterString | Bắt buộc | Đối tượng hiện trạng được nâng cấp, điều chỉnh trong quy hoạch | | | |
| | | | | | | | | | Đối tượng được xác định mới trong quy hoạch | | | |
| | | | | | | quyHoachBatDau | Date | Bắt buộc | Ngày quy hoạch được quyết định hoặc phê duyệt | | | |
| | | | | | | quyHoachKetThuc | Date | Bắt buộc | Ngày cuối cùng của thời kỳ quy hoạch | | | |
| | | | | | | nguon | CharacterString | Có thể Null | Nguồn gốc dữ liệu | | | |
| 7 | NH04 | | Hiện trạng trạm biến áp | Là trạm biến áp của lưới điện truyền tải, lưới điện phân phối được phân tích, đánh giá trong quy hoạch.<br>- Quy hoạch tổng thể quốc gia: Thể hiện các trạm siêu cao áp (trên 220 KV);<br>- Quy hoạch vùng: Thể hiện trạm biến áp của lưới điện truyền tải đã được xác định trong quy hoạch cấp quốc gia.<br>- Quy hoạch tỉnh: Thể hiện các trạm biến áp của lưới điện truyền tải đã được xác định trong quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng; lưới điện phân phối cao áp và trung áp phạm vi liên huyện trở lên. | HienTrangTramBienAp | maDoiTuong | CharacterString | Bắt buộc | Mã đối tượng | GM_Point | GM_Point | GM_Point hoặc GM_Polygon |
| | | | | | | ten | CharacterString | Bắt buộc | Tên trạm biến áp | | | |
| | | | | | | luoiDien | CharacterString | Bắt buộc | Lưới điện bao gồm: | | | |
| | | | | | | | | | Lưới điện truyền tải | | | |
| | | | | | | | | | Lưới điện phân phối | | | |
| | | | | | | capDienApDanhDinh | CharacterString | Bắt buộc | Cấp điện áp danh định của lưới điện: | | | |
| | | | | | | | | | 500 kV | | | |
| | | | | | | | | | 220 kV | | | |
| | | | | | | | | | 110 kV | | | |
| | | | | | | | | | 35 kV | | | |
| | | | | | | | | | 22 kV | | | |
| | | | | | | | | | 15 kV | | | |
| | | | | | | | | | 10 kV | | | |
| | | | | | | | | | 06 kV | | | |
| | | | | | | diaDiem | CharacterString | Có thể Null | Địa điểm của trạm biến áp.<br>- Đối với quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp tỉnh.<br>- Đối với quy hoạch tỉnh: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp huyện. | | | |
| | | | | | | congSuat | Real | Có thể Null | Công suất của trạm biến áp (MVA) | | | |
| | | | | | | loaiHienTrang | CharacterString | Bắt buộc | Đối tượng hiện trạng được giữ nguyên trong quy hoạch | | | |
| | | | | | | | | | Đối tượng hiện trạng dự kiến được nâng cấp, điều chỉnh trong quy hoạch | | | |

| TT | Kiểu đối tượng địa lý | | | | Tên lớp/nhóm lớp | Trường thuộc tính | Kiểu dữ liệu thuộc tính | Yêu cầu | Tên (nhãn)/Mô tả thuộc tính | Phạm vi áp dụng và kiểu dữ liệu hình học | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Mã tên kiểu đối tượng địa lý | | Tên | Mô tả | | | | | | Quy hoạch tổng thể quốc gia | Quy hoạch vùng | Quy hoạch tỉnh |
| | Dữ liệu hiện trạng | Dữ liệu định hướng phát triển | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | Đối tượng hiện trạng không đưa vào quy hoạch | | | |
| | | | | | | nam | Integer | Bắt buộc | Năm cập nhật | | | |
| | | | | | | nguon | CharacterString | Bắt buộc | Nguồn gốc dữ liệu | | | |
| 8 | | NQ04 | Định hướng phát triển trạm biến áp | Là trạm biến áp của lưới điện truyền tải, lưới điện phân phối được định hướng phát triển trong quy hoạch.<br>- Quy hoạch tổng thể quốc gia: Thể hiện các trạm siêu cao áp (trên 220 kV);<br>- Quy hoạch vùng: Thể hiện trạm biến áp của lưới điện truyền tải đã được xác định trong quy hoạch cấp quốc gia.<br>- Quy hoạch tỉnh: Thể hiện các trạm biến áp của lưới điện truyền tải đã được xác định trong quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng; lưới điện phân phối cao áp và trung áp phạm vi liên huyện trở lên. | DinhHuongTramBienAp | maDoiTuong | CharacterString | Bắt buộc | Mã đối tượng | GM_Point | GM_Point | GM_Point hoặc GM_Polygon |
| | | | | | | ten | CharacterString | Bắt buộc | Tên trạm biến áp | | | |
| | | | | | | luoiDien | CharacterString | Bắt buộc | Lưới điện bao gồm: | | | |
| | | | | | | | | | Lưới điện truyền tải | | | |
| | | | | | | | | | Lưới điện phân phối | | | |
| | | | | | | capDienApDanhDinh | CharacterString | Bắt buộc | Cấp điện áp danh định của lưới điện: | | | |
| | | | | | | | | | 500 kV | | | |
| | | | | | | | | | 220 kV | | | |
| | | | | | | | | | 110 kV | | | |
| | | | | | | | | | 35 kV | | | |
| | | | | | | | | | 22 kV | | | |
| | | | | | | | | | 15 kV | | | |
| | | | | | | | | | 10 kV | | | |
| | | | | | | | | | 06 kV | | | |
| | | | | | | diaDiem | CharacterString | Có thể Null | Địa điểm của trạm biến áp.<br>- Đối với quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp tỉnh;<br>- Đối với quy hoạch tỉnh: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp huyện. | | | |
| | | | | | | congSuat | Real | Có thể Null | Công suất dự kiến của trạm biến áp (MVA) | | | |
| | | | | | | loaiQuyHoach | CharacterString | Bắt buộc | Đối tượng hiện trạng được nâng cấp, điều chỉnh trong quy hoạch | | | |
| | | | | | | | | | Đối tượng được xác định mới trong quy hoạch | | | |
| | | | | | | quyHoachBatDau | Date | Bắt buộc | Ngày quy hoạch được quyết định hoặc phê duyệt | | | |
| | | | | | | quyHoachKetThuc | Date | Bắt buộc | Ngày cuối cùng của thời kỳ quy hoạch | | | |
| | | | | | | nguon | CharacterString | Có thể Null | Nguồn gốc dữ liệu | | | |

| TT | Kiểu đối tượng địa lý | | | | Tên lớp/nhóm lớp | Trường thuộc tính | Kiểu dữ liệu thuộc tính | Yêu cầu | Tên (nhãn)/Mô tả thuộc tính | Phạm vi áp dụng và kiểu dữ liệu hình học | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Mã tên kiểu đối tượng địa lý | | Tên | Mô tả | | | | | | Quy hoạch tổng thể quốc gia | Quy hoạch vùng | Quy hoạch tỉnh |
| | Dữ liệu hiện trạng | Dữ liệu định hướng phát triển | | | | | | | | | | |
| 9 | NH05 | | Hiện trạng đường dây truyền tải, phân phối điện | Là hiện trạng đường dây của lưới điện truyền tải, lưới điện phân phối được phân tích, đánh giá trong quy hoạch.<br>- Quy hoạch tổng thể quốc gia: Thể hiện đường dây siêu cao áp (trên 220 KV);<br>- Quy hoạch vùng: Thể hiện đường dây của lưới điện truyền tải đã được xác định trong quy hoạch cấp quốc gia.<br>- Quy hoạch tỉnh: Thể hiện các đường dây của lưới điện truyền tải đã được xác định trong quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng; lưới điện phân phối cao áp và trung áp phạm vi liên huyện trở lên. | HienTrangDuongDayTruyenTaiPhanPhoiDien | maDoiTuong | CharacterString | Bắt buộc | Mã đối tượng | GM_Polyline | GM_Polyline | GM_Polyline |
| | | | | | | ten | CharacterString | Bắt buộc | Tên đường dây điện | | | |
| | | | | | | luoiDien | CharacterString | Bắt buộc | Lưới điện bao gồm: | | | |
| | | | | | | | | | Lưới điện truyền tải | | | |
| | | | | | | | | | Lưới điện phân phối | | | |
| | | | | | | capDienApDanhDinh | CharacterString | Bắt buộc | Cấp điện áp danh định của lưới điện: | | | |
| | | | | | | | | | 500 kV | | | |
| | | | | | | | | | 220 kV | | | |
| | | | | | | | | | 110 kV | | | |
| | | | | | | | | | 35 kV | | | |
| | | | | | | | | | 22 kV | | | |
| | | | | | | | | | 15 kV | | | |
| | | | | | | | | | 10 kV | | | |
| | | | | | | | | | 06 kV | | | |
| | | | | | | soMach | Integer | Có thể Null | Số mạch của đường dây điện | | | |
| | | | | | | chieuDai | Real | Có thể Null | Chiều dài của đường dây điện (Km) | | | |
| | | | | | | loaiHienTrang | CharacterString | Bắt buộc | Đối tượng hiện trạng được giữ nguyên trong quy hoạch | | | |
| | | | | | | | | | Đối tượng hiện trạng dự kiến được nâng cấp, điều chỉnh trong quy hoạch | | | |
| | | | | | | | | | Đối tượng hiện trạng không đưa vào quy hoạch | | | |
| | | | | | | nam | Integer | Bắt buộc | Năm cập nhật | | | |
| | | | | | | nguon | CharacterString | Bắt buộc | Nguồn gốc dữ liệu | | | |
| 10 | | NQ05 | Định hướng phát triển đường dây truyền tải, phân phối điện | Là đường dây của lưới điện truyền tải, lưới điện phân phối được định hướng phát triển trong quy hoạch.<br>- Quy hoạch tổng thể quốc gia: Thể | DinhHuongDuongDayTruyenTaiPhanPhoiDien | maDoiTuong | CharacterString | Bắt buộc | Mã đối tượng | GM_Polyline | GM_Polyline | GM_Polyline |
| | | | | | | ten | CharacterString | Bắt buộc | Tên đường dây điện | | | |
| | | | | | | luoiDien | CharacterString | Bắt buộc | Lưới điện bao gồm: | | | |
| | | | | | | | | | Lưới điện truyền tải | | | |
| | | | | | | | | | Lưới điện phân phối | | | |
| | | | | | | capDienApDanhDinh | CharacterString | Bắt buộc | Cấp điện áp danh định của lưới điện: | | | |
| | | | | | | | | | 500 kV | | | |

| TT | Kiểu đối tượng địa lý | | | | Tên lớp/nhóm lớp | Trường thuộc tính | Kiểu dữ liệu thuộc tính | Yêu cầu | Tên (nhãn)/Mô tả thuộc tính | Phạm vi áp dụng và kiểu dữ liệu hình học | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Mã tên kiểu đối tượng địa lý | | Tên | Mô tả | | | | | | Quy hoạch tổng thể quốc gia | Quy hoạch vùng | Quy hoạch tỉnh |
| | Dữ liệu hiện trạng | Dữ liệu định hướng phát triển | | | | | | | | | | |
| | | | | hiện đường dây siêu cao áp (trên 220 KV);<br>- Quy hoạch vùng: Thể hiện đường dây của lưới điện truyền tải đã được xác định trong quy hoạch cấp quốc gia.<br>- Quy hoạch tỉnh: Thể hiện đường dây của lưới điện truyền tải đã được xác định trong quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng; lưới điện phân phối cao áp và trung áp phạm vi liên huyện trở lên. | | | | | 220 kV | | | |
| | | | | | | | | | 110 kV | | | |
| | | | | | | | | | 35 kV | | | |
| | | | | | | | | | 22 kV | | | |
| | | | | | | | | | 15 kV | | | |
| | | | | | | | | | 10 kV | | | |
| | | | | | | | | | 06 kV | | | |
| | | | | | | soMach | Integer | Có thể Null | Số mạch của đường dây điện | | | |
| | | | | | | chieuDai | Real | Có thể Null | Chiều dài của đường dây điện (Km) | | | |
| | | | | | | loaiQuyHoach | CharacterString | Bắt buộc | Đối tượng hiện trạng được nâng cấp, điều chỉnh trong quy hoạch | | | |
| | | | | | | | | | Đối tượng được xác định mới trong quy hoạch | | | |
| | | | | | | quyHoachBatDau | Date | Bắt buộc | Ngày quy hoạch được quyết định hoặc phê duyệt | | | |
| | | | | | | quyHoachKetThuc | Date | Bắt buộc | Ngày cuối cùng của thời kỳ quy hoạch | | | |
| | | | | | | nguon | CharacterString | Có thể Null | Nguồn gốc dữ liệu | | | |
| 15 | NH06 | | Hiện trạng trung tâm logistics | Là hiện trạng trung tâm logistics được phân tích, đánh giá trong quy hoạch.<br>- Đối với quy hoạch vùng: Thể hiện trung tâm logistics hạng I, hạng II, trung tâm logistic chuyên dụng hàng không.<br>- Đối với quy hoạch tỉnh: Thể hiện trung tâm logistics hạng I, hạng II, trung tâm | HienTrangLogistics | maDoiTuong | CharacterString | Bắt buộc | Mã đối tượng | | GM_Point | GM_Polygon hoặc GM_Point |
| | | | | | | ten | CharacterString | Bắt buộc | Tên trung tâm logistics | | | |
| | | | | | | phanLoai | CharacterString | Có thể Null | Trung tâm logistics hạng I cấp quốc gia và quốc tế | | | |
| | | | | | | | | | Trung tâm logistics hạng II cấp vùng, tiểu vùng và hành lang kinh tế | | | |
| | | | | | | | | | Trung tâm logistics chuyên dụng hàng không | | | |
| | | | | | | | | | Trung tâm logistics cấp tỉnh | | | |
| | | | | | | diaDiem | CharacterString | Có thể Null | Địa điểm của trung tâm logistics.<br>- Đối với quy hoạch vùng: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp tỉnh;<br>- Đối với quy hoạch tỉnh: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp huyện. | | | |
| | | | | | | dienTich | Real | Có thể Null | Diện tích của trung tâm logistics (ha) | | | |

| TT | Kiểu đối tượng địa lý | | | | Tên lớp/nhóm lớp | Trường thuộc tính | Kiểu dữ liệu thuộc tính | Yêu cầu | Tên (nhãn)/Mô tả thuộc tính | Phạm vi áp dụng và kiểu dữ liệu hình học | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Mã tên kiểu đối tượng địa lý | | Tên | Mô tả | | | | | | Quy hoạch tổng thể quốc gia | Quy hoạch vùng | Quy hoạch tỉnh |
| | Dữ liệu hiện trạng | Dữ liệu định hướng phát triển | | | | | | | | | | |
| | | | | logistic chuyên dụng hàng không, trung tâm logistics cấp tỉnh. | | loaiHienTrang | CharacterString | Bắt buộc | Đối tượng hiện trạng được giữ nguyên trong quy hoạch | | | |
| | | | | | | | | | Đối tượng hiện trạng dự kiến được nâng cấp, điều chỉnh trong quy hoạch | | | |
| | | | | | | | | | Đối tượng hiện trạng không đưa vào quy hoạch | | | |
| | | | | | | nam | Integer | Bắt buộc | Năm cập nhật | | | |
| | | | | | | nguon | CharacterString | Bắt buộc | Nguồn gốc dữ liệu | | | |
| 16 | | NQ06 | Định hướng phát triển trung tâm logistics | Là trung tâm logistics được định hướng phát triển trong quy hoạch.<br>- Đối với quy hoạch vùng: Thể hiện trung tâm logistics hạng I, hạng II, trung tâm logistic chuyên dụng hàng không.<br>- Đối với quy hoạch tỉnh: Thể hiện trung tâm logistics hạng I, hạng II, trung tâm logistic chuyên dụng hàng không, trung tâm logistics cấp tỉnh. | DinhHuongPhatTrienLogistics | maDoiTuong | CharacterString | Bắt buộc | Mã đối tượng | | GM_Point | GM_Polygon hoặc GM_Point |
| | | | | | | ten | CharacterString | Bắt buộc | Tên trung tâm Logistics | | | |
| | | | | | | phanLoai | CharacterString | Có thể Null | Trung tâm logistics hạng I cấp quốc gia và quốc tế | | | |
| | | | | | | | | | Trung tâm logistics hạng II cấp vùng, tiểu vùng và hành lang kinh tế | | | |
| | | | | | | | | | Trung tâm logistics chuyên dụng hàng không | | | |
| | | | | | | | | | Trung tâm logistics cấp tỉnh | | | |
| | | | | | | diaDiem | CharacterString | Có thể Null | Địa điểm dự kiến của trung tâm logistics | | | |
| | | | | | | dienTich | Real | Có thể Null | Diện tích dự kiến của trung tâm logistics (ha) | | | |
| | | | | | | loaiQuyHoach | CharacterString | Bắt buộc | Đối tượng hiện trạng được nâng cấp, điều chỉnh trong quy hoạch | | | |
| | | | | | | | | | Đối tượng được xác định mới trong quy hoạch | | | |
| | | | | | | quyHoachBatDau | Date | Bắt buộc | Ngày quy hoạch được quyết định hoặc phê duyệt | | | |
| | | | | | | quyHoachKetThuc | Date | Bắt buộc | Ngày cuối cùng của thời kỳ quy hoạch | | | |
| | | | | | | nguon | CharacterString | Có thể Null | Nguồn gốc dữ liệu | | | |

## 4. Nông nghiệp và phát triển nông thôn

| TT | Kiểu đối tượng địa lý | | | | Tên lớp/nhóm lớp | Trường thuộc tính | Kiểu dữ liệu thuộc tính | Yêu cầu | Tên (nhãn)/Mô tả thuộc tính | Phạm vi áp dụng và kiểu dữ liệu hình học | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Mã tên kiểu đối tượng địa lý | | Tên | Mô tả | | | | | | Quy hoạch tổng thể quốc gia | Quy hoạch vùng | Quy hoạch tỉnh |
| | Dữ liệu hiện trạng | Dữ liệu định hướng phát triển | | | | | | | | | | |
| 1 | PH01 | | Hiện trạng | Là hiện trạng phát triển rừng phòng | HienTrangPhatTrienRung | maDoiTuong | CharacterString | Bắt buộc | Mã đối tượng | GM_Point hoặc GM_Polygon | GM_Point hoặc GM_Polygon | GM_Point hoặc GM_Polygon |
| | | | | | | ten | CharacterString | Bắt buộc | Tên rừng | | | |

| TT | Kiểu đối tượng địa lý | | | | Tên lớp/nhóm lớp | Trường thuộc tính | Kiểu dữ liệu thuộc tính | Yêu cầu | Tên (nhãn)/Mô tả thuộc tính | Phạm vi áp dụng và kiểu dữ liệu hình học | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Mã tên kiểu đối tượng địa lý | | Tên | Mô tả | | | | | | Quy hoạch tổng thể quốc gia | Quy hoạch vùng | Quy hoạch tỉnh |
| | Dữ liệu hiện trạng | Dữ liệu định hướng phát triển | | | | | | | | | | |
| | | | phát triển rừng | hộ, rừng đặc dụng, rừng sản xuất được phân tích, đánh giá trong quy hoạch<br>- Quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng: thể hiện rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, rừng sản xuất do trung ương quản lý;<br>- Quy hoạch tỉnh: thể hiện rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, rừng sản xuất do trung ương, địa phương quản lý. | | phanLoai | CharacterString | Bắt buộc | Rừng đặc dụng | | | |
| | | | | | | | | | Rừng phòng hộ | | | |
| | | | | | | | | | Rừng sản xuất là rừng trồng | | | |
| | | | | | | | | | Rừng sản xuất là rừng tự nhiên | | | |
| | | | | | | capQuanLy | CharacterString | Có thể Null | Cấp quản lý rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, rừng sản xuất bao gồm: | | | |
| | | | | | | | | | Trung ương | | | |
| | | | | | | | | | Cấp tỉnh | | | |
| | | | | | | loaiHienTrang | CharacterString | Bắt buộc | Đối tượng hiện trạng được giữ nguyên trong quy hoạch | | | |
| | | | | | | | | | Đối tượng hiện trạng dự kiến được nâng cấp, điều chỉnh trong quy hoạch | | | |
| | | | | | | | | | Đối tượng hiện trạng không đưa vào quy hoạch | | | |
| | | | | | | nam | Integer | Bắt buộc | Năm cập nhật | | | |
| | | | | | | nguon | CharacterString | Bắt buộc | Nguồn gốc dữ liệu | | | |
| 2 | | PQ01 | Định hướng phát triển rừng | Là định hướng phát triển rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, rừng sản xuất được xác định trong quy hoạch:<br>- Quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng: thể hiện rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, rừng sản xuất do trung ương quản lý;<br>- Quy hoạch tỉnh: thể hiện rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, rừng sản xuất do trung ương, địa phương quản lý | DinhHuongPhatTrienRung | maDoiTuong | CharacterString | Bắt buộc | Mã đối tượng | GM_Point hoặc GM_Polygon | GM_Point hoặc GM_Polygon | GM_Point hoặc GM_Polygon |
| | | | | | | ten | CharacterString | Bắt buộc | Tên rừng | | | |
| | | | | | | phanLoai | CharacterString | Bắt buộc | Rừng đặc dụng | | | |
| | | | | | | | | | Rừng phòng hộ | | | |
| | | | | | | | | | Rừng sản xuất là rừng trồng | | | |
| | | | | | | | | | Rừng sản xuất là rừng tự nhiên | | | |
| | | | | | | capQuanLy | CharacterString | Có thể Null | Cấp quản lý rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, rừng sản xuất bao gồm: | | | |
| | | | | | | | | | Trung ương | | | |
| | | | | | | | | | Cấp tỉnh | | | |
| | | | | | | loaiQuyHoach | CharacterString | Bắt buộc | Đối tượng hiện trạng được nâng cấp, điều chỉnh trong quy hoạch | | | |
| | | | | | | | | | Đối tượng được xác định mới trong quy hoạch | | | |
| | | | | | | quyHoachBatDau | Date | Bắt buộc | Ngày quy hoạch được quyết định hoặc phê duyệt | | | |

| TT | Kiểu đối tượng địa lý | | | | Tên lớp/nhóm lớp | Trường thuộc tính | Kiểu dữ liệu thuộc tính | Yêu cầu | Tên (nhãn)/Mô tả thuộc tính | Phạm vi áp dụng và kiểu dữ liệu hình học | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Mã tên kiểu đối tượng địa lý | | Tên | Mô tả | | | | | | Quy hoạch tổng thể quốc gia | Quy hoạch vùng | Quy hoạch tỉnh |
| | Dữ liệu hiện trạng | Dữ liệu định hướng phát triển | | | | | | | | | | |
| | | | | | | quyHoachKetThuc | Date | Bắt buộc | Ngày cuối cùng của thời kỳ quy hoạch | | | |
| | | | | | | nguon | CharacterString | Có thể Null | Nguồn gốc dữ liệu | | | |
| 3 | PH02 | | Hiện trạng khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao | Là khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao được phân tích, đánh giá trong quy hoạch | HienTrangNongNghiepCongNgheCao | maDoiTuong | CharacterString | Bắt buộc | Mã đối tượng | | GM_Point hoặc GM_Polygon | GM_Point hoặc GM_Polygon |
| | | | | | | ten | CharacterString | Bắt buộc | Tên khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao | | | |
| | | | | | | diaDiem | CharacterString | Có thể Null | Địa điểm của khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.<br>- Đối với quy hoạch vùng: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp tỉnh;<br>- Đối với quy hoạch tỉnh: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp huyện. | | | |
| | | | | | | dienTich | Real | Có thể Null | Diện tích khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao (ha) | | | |
| | | | | | | loaiHienTrang | CharacterString | Bắt buộc | Đối tượng hiện trạng được giữ nguyên trong quy hoạch | | | |
| | | | | | | | | | Đối tượng hiện trạng dự kiến được nâng cấp, điều chỉnh trong quy hoạch | | | |
| | | | | | | | | | Đối tượng hiện trạng không đưa vào quy hoạch | | | |
| | | | | | | nam | Integer | Bắt buộc | Năm cập nhật | | | |
| | | | | | | nguon | CharacterString | Bắt buộc | Nguồn gốc dữ liệu | | | |
| 4 | | PQ02 | Định hướng phát triển khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao | Là khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao được định hướng phát triển trong quy hoạch | DinhHuongNongNghiepCongNgheCao | maDoiTuong | CharacterString | Bắt buộc | Mã đối tượng | | GM_Point hoặc GM_Polygon | GM_Point hoặc GM_Polygon |
| | | | | | | ten | CharacterString | Bắt buộc | Tên khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao | | | |
| | | | | | | diaDiem | CharacterString | Có thể Null | Địa điểm dự kiến của khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.<br>- Đối với quy hoạch vùng: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp tỉnh;<br>- Đối với quy hoạch tỉnh: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp huyện. | | | |
| | | | | | | dienTich | Real | Có thể Null | Diện tích dự kiến của khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao (ha) | | | |
| | | | | | | loaiQuyHoach | CharacterString | Bắt buộc | Đối tượng hiện trạng được nâng cấp, điều chỉnh trong quy hoạch | | | |
| | | | | | | | | | Đối tượng được xác định mới trong quy hoạch | | | |

| TT | Kiểu đối tượng địa lý | | | | Tên lớp/nhóm lớp | Trường thuộc tính | Kiểu dữ liệu thuộc tính | Yêu cầu | Tên (nhãn)/Mô tả thuộc tính | Phạm vi áp dụng và kiểu dữ liệu hình học | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Mã tên kiểu đối tượng địa lý | | Tên | Mô tả | | | | | | Quy hoạch tổng thể quốc gia | Quy hoạch vùng | Quy hoạch tỉnh |
| | Dữ liệu hiện trạng | Dữ liệu định hướng phát triển | | | | | | | | | | |
| | | | | | | quyHoachBatDau | Date | Bắt buộc | Ngày quy hoạch được quyết định hoặc phê duyệt | | | |
| | | | | | | quyHoachKetThuc | Date | Bắt buộc | Ngày cuối cùng của thời kỳ quy hoạch | | | |
| | | | | | | nguon | CharacterString | Có thể Null | Nguồn gốc dữ liệu | | | |
| 5 | PH03 | | Hiện trạng khu lâm nghiệp ứng dụng công nghệ cao* | Tên khu lâm nghiệp ứng dụng công nghệ cao | HienTrangLamNghiepCongNgheCao | maDoiTuong | CharacterString | Bắt buộc | Mã đối tượng | | GM_Point hoặc GM_Polygon | GM_Point hoặc GM_Polygon |
| | | | | | | ten | CharacterString | Bắt buộc | Tên khu lâm nghiệp ứng dụng công nghệ cao | | | |
| | | | | | | diaDiem | CharacterString | Có thể Null | Địa điểm của khu lâm nghiệp ứng dụng công nghệ cao.<br>- Đối với quy hoạch vùng: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp tỉnh;<br>- Đối với quy hoạch tỉnh: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp huyện. | | | |
| | | | | | | dienTich | Real | Có thể Null | Diện tích khu lâm nghiệp ứng dụng công nghệ cao (ha) | | | |
| | | | | | | loaiHienTrang | CharacterString | Bắt buộc | Đối tượng hiện trạng được giữ nguyên trong quy hoạch | | | |
| | | | | | | | | | Đối tượng hiện trạng dự kiến được nâng cấp, điều chỉnh trong quy hoạch | | | |
| | | | | | | | | | Đối tượng hiện trạng không đưa vào quy hoạch | | | |
| | | | | | | nam | Integer | Bắt buộc | Năm cập nhật | | | |
| | | | | | | nguon | CharacterString | Bắt buộc | Nguồn gốc dữ liệu | | | |
| 6 | | PQ03 | Định hướng phát triển khu lâm nghiệp ứng dụng công nghệ cao* | Là khu lâm nghiệp ứng dụng công nghệ cao được định hướng phát triển trong quy hoạch | DinhHuongLamNghiepCongNgheCao | maDoiTuong | CharacterString | Bắt buộc | Mã đối tượng | | GM_Point hoặc GM_Polygon | GM_Point hoặc GM_Polygon |
| | | | | | | ten | CharacterString | Bắt buộc | Tên khu lâm nghiệp ứng dụng công nghệ cao | | | |
| | | | | | | diaDiem | CharacterString | Có thể Null | Địa điểm dự kiến của khu lâm nghiệp ứng dụng công nghệ cao.<br>- Đối với quy hoạch vùng: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp tỉnh;<br>- Đối với quy hoạch tỉnh: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp huyện. | | | |
| | | | | | | dienTich | Real | Có thể Null | Diện tích dự kiến của khu lâm nghiệp ứng dụng công nghệ cao (ha) | | | |
| | | | | | | loaiQuyHoach | CharacterString | Bắt buộc | Đối tượng hiện trạng được nâng cấp, điều chỉnh trong quy hoạch | | | |

| TT | Kiểu đối tượng địa lý | | | | Tên lớp/nhóm lớp | Trường thuộc tính | Kiểu dữ liệu thuộc tính | Yêu cầu | Tên (nhãn)/Mô tả thuộc tính | Phạm vi áp dụng và kiểu dữ liệu hình học | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Mã tên kiểu đối tượng địa lý | | Tên | Mô tả | | | | | | Quy hoạch tổng thể quốc gia | Quy hoạch vùng | Quy hoạch tỉnh |
| | Dữ liệu hiện trạng | Dữ liệu định hướng phát triển | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | Đối tượng được xác định mới trong quy hoạch | | | |
| | | | | | | quyHoachBatDau | Date | Bắt buộc | Ngày quy hoạch được quyết định hoặc phê duyệt | | | |
| | | | | | | quyHoachKetThuc | Date | Bắt buộc | Ngày cuối cùng của thời kỳ quy hoạch | | | |
| | | | | | | nguon | CharacterString | Có thể Null | Nguồn gốc dữ liệu | | | |
| 7 | PH04 | | Hiện trạng vùng sản xuất nông nghiệp tập trung | Là vùng sản xuất nông nghiệp tập trung được phân tích, đánh giá trong quy hoạch | HienTrangVungSanXuatNongNghiepTapTrung | maDoiTuong | CharacterString | Bắt buộc | Mã đối tượng | | GM_Point hoặc GM_Polygon | GM_Point hoặc GM_Polygon |
| | | | | | | ten | CharacterString | Bắt buộc | Tên vùng sản xuất nông nghiệp tập trung | | | |
| | | | | | | phanLoai | CharacterString | Có thể Null | Vùng sản xuất trồng trọt tập trung | | | |
| | | | | | | | | | Vùng nuôi trồng thủy sản tập trung | | | |
| | | | | | | | | | Vùng chăn nuôi tập trung | | | |
| | | | | | | | | | Vùng sản xuất nông nghiệp tập trung khác | | | |
| | | | | | | sanPhamChuYeu | CharacterString | Có thể Null | Các sản phẩm nông nghiệp chủ yếu của vùng sản xuất nông nghiệp tập trung | | | |
| | | | | | | dienTich | Real | Bắt buộc | Diện tích của vùng sản xuất nông nghiệp tập trung (ha) | | | |
| | | | | | | loaiHienTrang | CharacterString | Bắt buộc | Đối tượng hiện trạng được giữ nguyên trong quy hoạch | | | |
| | | | | | | | | | Đối tượng hiện trạng dự kiến được nâng cấp, điều chỉnh trong quy hoạch | | | |
| | | | | | | | | | Đối tượng hiện trạng không đưa vào quy hoạch | | | |
| | | | | | | nam | Integer | Bắt buộc | Năm cập nhật | | | |
| | | | | | | nguon | CharacterString | Bắt buộc | Nguồn gốc dữ liệu | | | |
| 8 | | PQ04 | Định hướng phát triển vùng sản xuất nông nghiệp tập trung | Là vùng sản xuất nông nghiệp tập trung được định hướng phát triển trong quy hoạch | DinhHuongPhatTrienVungSanXuaNongNghiepTapTrung | maDoiTuong | CharacterString | Bắt buộc | Mã đối tượng | | GM_Point hoặc GM_Polygon | GM_Point hoặc GM_Polygon |
| | | | | | | ten | CharacterString | Bắt buộc | Tên vùng sản xuất nông nghiệp tập trung | | | |
| | | | | | | phanLoai | CharacterString | Có thể Null | Vùng sản xuất trồng trọt tập trung | | | |
| | | | | | | | | | Vùng nuôi trồng thủy sản tập trung | | | |
| | | | | | | | | | Vùng chăn nuôi tập trung | | | |
| | | | | | | | | | Vùng sản xuất nông nghiệp tập trung khác | | | |
| | | | | | | sanPhamChuYeu | CharacterString | Có thể Null | Các sản phẩm nông nghiệp chủ yếu của vùng sản xuất nông nghiệp tập trung | | | |
| | | | | | | dienTich | Real | Có thể Null | Diện tích của vùng sản xuất nông nghiệp tập trung (ha) | | | |

| TT | Kiểu đối tượng địa lý | | | | Tên lớp/nhóm lớp | Trường thuộc tính | Kiểu dữ liệu thuộc tính | Yêu cầu | Tên (nhãn)/Mô tả thuộc tính | Phạm vi áp dụng và kiểu dữ liệu hình học | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Mã tên kiểu đối tượng địa lý | | Tên | Mô tả | | | | | | Quy hoạch tổng thể quốc gia | Quy hoạch vùng | Quy hoạch tỉnh |
| | Dữ liệu hiện trạng | Dữ liệu định hướng phát triển | | | | | | | | | | |
| | | | | | | loaiQuyHoach | CharacterString | Bắt buộc | Đối tượng hiện trạng được nâng cấp, điều chỉnh trong quy hoạch | | | |
| | | | | | | | | | Đối tượng được xác định mới trong quy hoạch | | | |
| | | | | | | quyHoachBatDau | Date | Bắt buộc | Ngày quy hoạch được quyết định hoặc phê duyệt | | | |
| | | | | | | quyHoachKetThuc | Date | Bắt buộc | Ngày cuối cùng của thời kỳ quy hoạch | | | |
| | | | | | | nguon | CharacterString | Có thể Null | Nguồn gốc dữ liệu | | | |
| 9 | PH05 | | Hiện trạng khu bảo tồn biển* | Là khu bảo tồn biển được phân tích, đánh giá trong quy hoạch.<br>- Quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng: Thể hiện khu bảo tồn biển cấp quốc gia.<br>- Quy hoạch tỉnh: Thể hiện khu bảo tồn biển cấp quốc gia, cấp tỉnh. | HienTrangKhuBaoTonBien | maDoiTuong | CharacterString | Bắt buộc | Mã đối tượng | GM_Point hoặc GM_Polygon | GM_Point hoặc GM_Polygon | GM_Point hoặc GM_Polygon |
| | | | | | | ten | CharacterString | Bắt buộc | Tên khu bảo tồn biển | | | |
| | | | | | | phanLoai | CharacterString | Bắt buộc | Khu bảo tồn biển quốc gia | | | |
| | | | | | | | | | Khu bảo tồn biển cấp tỉnh | | | |
| | | | | | | tinhChat | CharacterString | Có thể Null | Vườn quốc gia | | | |
| | | | | | | | | | Khu dự trữ thiên nhiên | | | |
| | | | | | | | | | Khu bảo tồn loài - sinh cảnh | | | |
| | | | | | | | | | Khu bảo vệ cảnh quan | | | |
| | | | | | | diaDiem | CharacterString | Có thể Null | Địa điểm của khu bảo tồn biển.<br>- Đối với quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp tỉnh;<br>- Đối với quy hoạch tỉnh: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp huyện. | | | |
| | | | | | | dienTich | Real | Có thể Null | Diện tích của khu bảo tồn biển (ha) | | | |
| | | | | | | loaiHienTrang | CharacterString | Bắt buộc | Đối tượng hiện trạng được giữ nguyên trong quy hoạch | | | |
| | | | | | | | | | Đối tượng hiện trạng dự kiến được nâng cấp, điều chỉnh trong quy hoạch | | | |
| | | | | | | | | | Đối tượng hiện trạng không đưa vào quy hoạch | | | |
| | | | | | | nam | Integer | Bắt buộc | Năm cập nhật | | | |
| | | | | | | nguon | CharacterString | Bắt buộc | Nguồn gốc dữ liệu | | | |
| 10 | | PQ05 | Định hướng phát triển | Là khu bảo tồn biển được định hướng phát triển trong quy hoạch. | DinhHuongPhatTrienKhuBaoTonBien | maDoiTuong | CharacterString | Bắt buộc | Mã đối tượng | GM_Point hoặc GM_Polygon | GM_Point hoặc GM_Polygon | GM_Point hoặc GM_Polygon |
| | | | | | | ten | CharacterString | Bắt buộc | Tên khu bảo tồn biển | | | |
| | | | | | | phanCap | CharacterString | Bắt buộc | Khu bảo tồn biển quốc gia | | | |

| TT | Kiểu đối tượng địa lý | | | | Tên lớp/nhóm lớp | Trường thuộc tính | Kiểu dữ liệu thuộc tính | Yêu cầu | Tên (nhãn)/Mô tả thuộc tính | Phạm vi áp dụng và kiểu dữ liệu hình học | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Mã tên kiểu đối tượng địa lý | | Tên | Mô tả | | | | | | Quy hoạch tổng thể quốc gia | Quy hoạch vùng | Quy hoạch tỉnh |
| | Dữ liệu hiện trạng | Dữ liệu định hướng phát triển | | | | | | | | | | |
| | | | khu bảo tồn biển* | - Quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng: Thể hiện khu bảo tồn biển cấp quốc gia.<br>- Quy hoạch tỉnh: Thể hiện khu bảo tồn biển cấp quốc gia, cấp tỉnh. | | | | | Khu bảo tồn biển cấp tỉnh | | | |
| | | | | | | phanLoai | CharacterString | Bắt buộc | Vườn quốc gia | | | |
| | | | | | | | | | Khu dự trữ thiên nhiên | | | |
| | | | | | | | | | Khu bảo tồn loài - sinh cảnh | | | |
| | | | | | | | | | Khu bảo vệ cảnh quan | | | |
| | | | | | | diaDiem | CharacterString | Có thể Null | Địa điểm dự kiến của khu bảo tồn biển.<br>- Đối với quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp tỉnh;<br>- Đối với quy hoạch tỉnh: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp huyện. | | | |
| | | | | | | dienTich | Real | Có thể Null | Diện tích của khu bảo tồn biển (ha) | | | |
| | | | | | | loaiQuyHoach | CharacterString | Bắt buộc | Đối tượng hiện trạng được nâng cấp, điều chỉnh trong quy hoạch | | | |
| | | | | | | | | | Đối tượng được xác định mới trong quy hoạch | | | |
| | | | | | | quyHoachBatDau | Date | Bắt buộc | Ngày quy hoạch được quyết định hoặc phê duyệt | | | |
| | | | | | | quyHoachKetThuc | Date | Bắt buộc | Ngày cuối cùng của thời kỳ quy hoạch | | | |
| | | | | | | nguon | CharacterString | Có thể Null | Nguồn gốc dữ liệu | | | |
| 11 | PH06 | | Hiện trạng khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản | Là khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản hiện trạng được phân tích, đánh giá trong quy hoạch. | HienTrangKhuBaoVeNguonLoiThuySan | maDoiTuong | CharacterString | Bắt buộc | Mã đối tượng | | | GM_Point hoặc GM_Polygon |
| | | | | | | ten | CharacterString | Bắt buộc | Tên khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản | | | |
| | | | | | | diaDiem | CharacterString | Có thể Null | Địa điểm của khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản chi tiết đến đơn vị hành chính cấp huyện. | | | |
| | | | | | | dienTich | Real | Có thể Null | Diện tích của khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản (ha) | | | |
| | | | | | | doiTuongBaoVe | CharacterString | Có thể Null | Đối tượng bảo vệ của khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản | | | |
| | | | | | | loaiHienTrang | CharacterString | Bắt buộc | Đối tượng hiện trạng được giữ nguyên trong quy hoạch | | | |
| | | | | | | | | | Đối tượng hiện trạng dự kiến được nâng cấp, điều chỉnh trong quy hoạch | | | |
| | | | | | | | | | Đối tượng hiện trạng không đưa vào quy hoạch | | | |

| TT | Kiểu đối tượng địa lý | | | | Tên lớp/nhóm lớp | Trường thuộc tính | Kiểu dữ liệu thuộc tính | Yêu cầu | Tên (nhãn)/Mô tả thuộc tính | Phạm vi áp dụng và kiểu dữ liệu hình học | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Mã tên kiểu đối tượng địa lý | | Tên | Mô tả | | | | | | Quy hoạch tổng thể quốc gia | Quy hoạch vùng | Quy hoạch tỉnh |
| | Dữ liệu hiện trạng | Dữ liệu định hướng phát triển | | | | | | | | | | |
| | | | | | | nam | Integer | Bắt buộc | Năm cập nhật | | | |
| | | | | | | nguon | CharacterString | Bắt buộc | Nguồn gốc dữ liệu | | | |
| 12 | | PQ06 | Định hướng phát triển khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản | Là khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản được định hướng phát triển trong quy hoạch. | DinhHuongPhatTrienKhuBaoVeNguonLoiThuySan | maDoiTuong | CharacterString | Bắt buộc | Mã đối tượng | | | GM_Point hoặc GM_Polygon |
| | | | | | | ten | CharacterString | Bắt buộc | Tên khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản | | | |
| | | | | | | diaDiem | CharacterString | Có thể Null | Địa điểm dự kiến của khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản chi tiết đến đơn vị hành chính cấp huyện. | | | |
| | | | | | | dienTich | Real | Có thể Null | Diện tích dự kiến của khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản (ha) | | | |
| | | | | | | doiTuongBaoVe | CharacterString | Có thể Null | Đối tượng bảo vệ của khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản | | | |
| | | | | | | loaiQuyHoach | CharacterString | Bắt buộc | Đối tượng hiện trạng được nâng cấp, điều chỉnh trong quy hoạch | | | |
| | | | | | | | | | Đối tượng được xác định mới trong quy hoạch | | | |
| | | | | | | quyHoachBatDau | Date | Bắt buộc | Ngày quy hoạch được quyết định hoặc phê duyệt | | | |
| | | | | | | quyHoachKetThuc | Date | Bắt buộc | Ngày cuối cùng của thời kỳ quy hoạch | | | |
| | | | | | | nguon | CharacterString | Có thể Null | Nguồn gốc dữ liệu | | | |
| 13 | PH07 | | Hiện trạng phân vùng khai thác thủy sản | Là phân vùng khai thác thủy sản hiện trạng được phân tích, đánh giá trong quy hoạch | HienTrangVungKhaiThacThuySan | maDoiTuong | CharacterString | Bắt buộc | Mã đối tượng | | | GM_Point hoặc GM_Polygon |
| | | | | | | ten | CharacterString | Bắt buộc | Tên vùng khai thác thủy sản | | | |
| | | | | | | dienTich | Real | Có thể Null | Diện tích vùng khai thác thủy sản ven bờ (ha) | | | |
| | | | | | | phanLoai | CharacterString | Có thể Null | Phân loại vùng khai thác thủy sản bao gồm: Vùng ven bờ, vùng lộng và vùng khơi. | | | |
| | | | | | | loaiHienTrang | CharacterString | Bắt buộc | Đối tượng hiện trạng được giữ nguyên trong quy hoạch | | | |
| | | | | | | | | | Đối tượng hiện trạng dự kiến được nâng cấp, điều chỉnh trong quy hoạch | | | |
| | | | | | | | | | Đối tượng hiện trạng không đưa vào quy hoạch | | | |
| | | | | | | nam | Integer | Bắt buộc | Năm cập nhật | | | |
| | | | | | | nguon | CharacterString | Bắt buộc | Nguồn gốc dữ liệu | | | |
| 14 | | PQ07 | Định hướng phân | Là phân vùng khai thác thủy sản được định hướng phát | DinhHuongPhatTrienVungKhaiThacThuySan | maDoiTuong | CharacterString | Bắt buộc | Mã đối tượng | | | GM_Polygon |
| | | | | | | ten | CharacterString | Bắt buộc | Tên vùng khai thác thủy sản | | | |

| TT | Kiểu đối tượng địa lý | | | | Tên lớp/nhóm lớp | Trường thuộc tính | Kiểu dữ liệu thuộc tính | Yêu cầu | Tên (nhãn)/Mô tả thuộc tính | Phạm vi áp dụng và kiểu dữ liệu hình học | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Mã tên kiểu đối tượng địa lý | | Tên | Mô tả | | | | | | Quy hoạch tổng thể quốc gia | Quy hoạch vùng | Quy hoạch tỉnh |
| | Dữ liệu hiện trạng | Dữ liệu định hướng phát triển | | | | | | | | | | |
| | | | vùng khai thác thủy sản | triển trong quy hoạch | | phanLoai | CharacterString | Có thể Null | Phân loại vùng khai thác thủy sản bao gồm: Vùng ven bờ, vùng lộng và vùng khơi. | | | |
| | | | | | | dienTich | Real | Có thể Null | Diện tích dự kiến của vùng khai thác thủy sản (ha) | | | |
| | | | | | | loaiQuyHoach | CharacterString | Bắt buộc | Đối tượng hiện trạng được nâng cấp, điều chỉnh trong quy hoạch | | | |
| | | | | | | | | | Đối tượng được xác định mới trong quy hoạch | | | |
| | | | | | | quyHoachBatDau | Date | Bắt buộc | Ngày quy hoạch được quyết định hoặc phê duyệt | | | |
| | | | | | | quyHoachKetThuc | Date | Bắt buộc | Ngày cuối cùng của thời kỳ quy hoạch | | | |
| | | | | | | nguon | CharacterString | Có thể Null | Nguồn gốc dữ liệu | | | |
| 15 | PH08 | | Hiện trạng hệ thống cảng cá | Là cảng cá được phân tích, đánh giá trong quy hoạch.<br>- Quy hoạch vùng: Thể hiện cảng cá loại I.<br>- Quy hoạch tỉnh: Thể hiện cảng cá loại I, II, III. | HienTrangHeThongCangCa | maDoiTuong | CharacterString | Bắt buộc | Mã đối tượng | | | GM_Point |
| | | | | | | ten | CharacterString | Bắt buộc | Tên cảng cá | | | |
| | | | | | | diaDiem | CharacterString | Có thể Null | Địa điểm của cảng cá.<br>- Đối với quy hoạch vùng: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp tỉnh;<br>- Đối với quy hoạch tỉnh: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp huyện. | | | |
| | | | | | | phanLoai | CharacterString | Bắt buộc | Cảng cá loại I | | | |
| | | | | | | | | | Cảng cá loại II | | | |
| | | | | | | | | | Cảng cá loại III | | | |
| | | | | | | tongSanLuong | Integer | Có thể Null | Tổng lượng hàng thủy sản qua cảng trong 1 năm (tấn/năm). | | | |
| | | | | | | loaiHienTrang | CharacterString | Bắt buộc | Đối tượng hiện trạng được giữ nguyên trong quy hoạch | | | |
| | | | | | | | | | Đối tượng hiện trạng dự kiến được nâng cấp, điều chỉnh trong quy hoạch | | | |
| | | | | | | | | | Đối tượng hiện trạng không đưa vào quy hoạch | | | |
| | | | | | | nam | Integer | Bắt buộc | Năm cập nhật | | | |
| | | | | | | nguon | CharacterString | Bắt buộc | Nguồn gốc dữ liệu | | | |
| 16 | | PQ08 | Định hướng | Là cảng cá được định hướng phát | DinhHuongPhatTrienHeThongCangCa | maDoiTuong | CharacterString | Bắt buộc | Mã đối tượng | | | GM_Point |
| | | | | | | ten | CharacterString | Bắt buộc | Tên cảng cá | | | |

| TT | Kiểu đối tượng địa lý | | | | Tên lớp/nhóm lớp | Trường thuộc tính | Kiểu dữ liệu thuộc tính | Yêu cầu | Tên (nhãn)/Mô tả thuộc tính | Phạm vi áp dụng và kiểu dữ liệu hình học | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Mã tên kiểu đối tượng địa lý | | Tên | Mô tả | | | | | | Quy hoạch tổng thể quốc gia | Quy hoạch vùng | Quy hoạch tỉnh |
| | Dữ liệu hiện trạng | Dữ liệu định hướng phát triển | | | | | | | | | | |
| | | | phát triển hệ thống cảng cá | triển trong quy hoạch:<br>- Quy hoạch vùng: Thể hiện cảng cá loại I.<br>- Quy hoạch tỉnh: Thể hiện cảng cá loại I, II, III. | | diaDiem | CharacterString | Có thể Null | Địa điểm dự kiến của cảng cá.<br>- Đối với quy hoạch vùng: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp tỉnh;<br>- Đối với quy hoạch tỉnh: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp huyện. | | | |
| | | | | | | phanLoai | CharacterString | Bắt buộc | Cảng cá loại I | | | |
| | | | | | | | | | Cảng cá loại II | | | |
| | | | | | | | | | Cảng cá loại III | | | |
| | | | | | | tongSanLuong | Integer | Có thể Null | Tổng lượng hàng thủy sản qua cảng trong 1 năm (tấn/năm). | | | |
| | | | | | | loaiQuyHoach | CharacterString | Bắt buộc | Đối tượng hiện trạng được nâng cấp, điều chỉnh trong quy hoạch | | | |
| | | | | | | | | | Đối tượng được xác định mới trong quy hoạch | | | |
| | | | | | | quyHoachBatDau | Date | Bắt buộc | Ngày quy hoạch được quyết định hoặc phê duyệt | | | |
| | | | | | | quyHoachKetThuc | Date | Bắt buộc | Ngày cuối cùng của thời kỳ quy hoạch | | | |
| | | | | | | nguon | CharacterString | Có thể Null | Nguồn gốc dữ liệu | | | |
| 17 | PH09 | | Hiện trạng khu neo đậu tránh trú bão | Là khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá được phân tích, đánh giá trong quy hoạch.<br>- Quy hoạch vùng: Thể hiện khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá cấp vùng;<br>- Quy hoạch tỉnh: Thể hiện khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá cấp vùng, cấp tỉnh | HienTrangKhuNeoDauTranhTruBao | maDoiTuong | CharacterString | Bắt buộc | Mã đối tượng | | GM_Point | GM_Point |
| | | | | | | ten | CharacterString | Bắt buộc | Tên khu neo đậu tránh trú bão | | | |
| | | | | | | phanLoai | CharacterString | Bắt buộc | Cấp vùng | | | |
| | | | | | | | | | Cấp tỉnh | | | |
| | | | | | | diaDiem | CharacterString | Có thể Null | Địa điểm khu neo đậu tránh trú bão.<br>- Đối với quy hoạch vùng: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp tỉnh.<br>- Đối với quy hoạch tỉnh: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp huyện. | | | |
| | | | | | | sucChua | Integer | Có thể Null | Sức chứa tàu cá tại vùng nước khu neo đậu tàu (chiếc) | | | |
| | | | | | | coTauLonNhat | Integer | Có thể Null | Cỡ loại tàu lớn nhất vào được khu neo đậu (m) | | | |
| | | | | | | loaiHienTrang | CharacterString | Bắt buộc | Đối tượng hiện trạng được giữ nguyên trong quy hoạch | | | |
| | | | | | | | | | Đối tượng hiện trạng dự kiến được nâng cấp, điều chỉnh trong quy hoạch | | | |

| TT | Kiểu đối tượng địa lý | | | | Tên lớp/nhóm lớp | Trường thuộc tính | Kiểu dữ liệu thuộc tính | Yêu cầu | Tên (nhãn)/Mô tả thuộc tính | Phạm vi áp dụng và kiểu dữ liệu hình học | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Mã tên kiểu đối tượng địa lý | | Tên | Mô tả | | | | | | Quy hoạch tổng thể quốc gia | Quy hoạch vùng | Quy hoạch tỉnh |
| | Dữ liệu hiện trạng | Dữ liệu định hướng phát triển | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | Đối tượng hiện trạng không đưa vào quy hoạch | | | |
| | | | | | | nam | Integer | Bắt buộc | Năm cập nhật | | | |
| | | | | | | nguon | CharacterString | Bắt buộc | Nguồn gốc dữ liệu | | | |
| 18 | | PQ09 | Định hướng phát triển khu neo đậu tránh trú bão | Là khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá được định hướng phát triển trong quy hoạch.<br>- Quy hoạch vùng: Thể hiện khu neo đậu tránh trú bão cấp vùng;<br>- Quy hoạch tỉnh: Thể hiện khu neo đậu tránh trú bão cấp vùng, cấp tỉnh. | DinhHuongPhatTrienKhuNeoDauTranhTruBao | maDoiTuong | CharacterString | Bắt buộc | Mã đối tượng | | GM_Point | GM_Point |
| | | | | | | ten | CharacterString | Bắt buộc | Tên khu neo đậu tránh trú bão | | | |
| | | | | | | phanLoai | CharacterString | Bắt buộc | Cấp vùng | | | |
| | | | | | | | | | Cấp tỉnh | | | |
| | | | | | | diaDiem | CharacterString | Có thể Null | Địa điểm dự kiến của khu neo đậu tránh trú bão<br>- Đối với quy hoạch vùng: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp tỉnh.<br>- Đối với quy hoạch tỉnh: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp huyện. | | | |
| | | | | | | sucChua | Integer | Có thể Null | Sức chứa tàu cá dự kiến của vùng nước khu neo đậu tàu (chiếc) | | | |
| | | | | | | coTauLonNhat | Integer | Có thể Null | Cỡ loại tàu lớn nhất dự kiến vào được khu neo đậu (m) | | | |
| | | | | | | loaiQuyHoach | CharacterString | Bắt buộc | Đối tượng hiện trạng được nâng cấp, điều chỉnh trong quy hoạch | | | |
| | | | | | | | | | Đối tượng được xác định mới trong quy hoạch | | | |
| | | | | | | quyHoachBatDau | Date | Bắt buộc | Ngày quy hoạch được quyết định hoặc phê duyệt | | | |
| | | | | | | quyHoachKetThuc | Date | Bắt buộc | Ngày cuối cùng của thời kỳ quy hoạch | | | |
| | | | | | | nguon | CharacterString | Có thể Null | Nguồn gốc dữ liệu | | | |
| 19 | PQ10 | | Định hướng phân vùng rủi ro thiên tai* | Là định hướng phân vùng rủi ro thiên tai được xác định trong quy hoạch. | DinhHuongPhanVungRuiRoThienTai | maDoiTuong | CharacterString | Bắt buộc | Mã đối tượng | | | GM_ Polygon |
| | | | | | | ten | CharacterString | Bắt buộc | Tên phân vùng | | | |
| | | | | | | loaiHinhThienTai | CharacterString | Bắt buộc | Loại hình thiên tai điển hình của phân vùng theo quy định của pháp luật về phòng, chống thiên tai bao gồm:<br>- Áp thấp nhiệt đới, bão<br>- Nước dâng | | | |

| TT | Kiểu đối tượng địa lý | | | | Tên lớp/nhóm lớp | Trường thuộc tính | Kiểu dữ liệu thuộc tính | Yêu cầu | Tên (nhãn)/Mô tả thuộc tính | Phạm vi áp dụng và kiểu dữ liệu hình học | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Mã tên kiểu đối tượng địa lý | | Tên | Mô tả | | | | | | Quy hoạch tổng thể quốc gia | Quy hoạch vùng | Quy hoạch tỉnh |
| | Dữ liệu hiện trạng | Dữ liệu định hướng phát triển | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | - Mưa lớn<br>- Lũ, ngập lụt<br>- Lũ quét, sạt lở đất, sụt lún đất do mưa lũ hoặc dòng chảy<br>- Nắng nóng<br>- Hạn hán hoặc sạt lở đất, sụt lún đất do hạn hán<br>- Xâm nhập mặn<br>- Gió mạnh trên biển<br>- Sương mù<br>- Lốc, sét, mưa đá<br>- Rét hại, sương muối<br>- Cháy rừng do tự nhiên<br>- Loại hình thiên tai khác. | | | |
| | | | | | | quyHoachBatDau | Date | Bắt buộc | Ngày quy hoạch được quyết định hoặc phê duyệt | | | |
| | | | | | | quyHoachKetThuc | Date | Bắt buộc | Ngày cuối cùng của thời kỳ quy hoạch | | | |
| | | | | | | nguon | CharacterString | Có thể Null | Nguồn gốc dữ liệu | | | |
| 20 | | PQ11 | Lưu lượng và mực nước lũ thiết kế của tuyến sông có đê* | Là lưu lượng và mực nước lũ thiết kế trong phương án phòng, chống lũ của các tuyến sông có đê của quy hoạch. | luuLuongVaMucNuocLu | maDoiTuong | CharacterString | Bắt buộc | Mã đối tượng | | | GM_Point |
| | | | | | | viTri | CharacterString | Bắt buộc | Vị trí theo Km của tuyến đê sông | | | |
| | | | | | | tuyenDe | CharacterString | Bắt buộc | Tuyến đê sông | | | |
| | | | | | | tuyenSong | CharacterString | Bắt buộc | Tuyến sông có đê | | | |
| | | | | | | maSong | CharacterString | Có thể Null | Mã sông | | | |
| | | | | | | diaDanh | Integer | Có thể Null | Địa danh (xã, phường, công trình thủy lợi, phòng, chống thiên tai...) tại vị trí xác định lưu lượng và mực nước lũ thiết kế của tuyến sông có đê | | | |
| | | | | | | Qtk | Integer | Bắt buộc | Lưu lượng lũ thiết kế tại vị trí xác định của tuyến sông có đê ($m^3/s$) | | | |
| | | | | | | Htk | Integer | Bắt buộc | Mực nước lũ thiết kế tại vị trí xác định của tuyến đê (m) | | | |
| | | | | | | quyHoachBatDau | Date | Bắt buộc | Ngày quy hoạch được quyết định hoặc phê duyệt | | | |
| | | | | | | quyHoachKetThuc | Date | Bắt buộc | Ngày cuối cùng của thời kỳ quy hoạch | | | |
| | | | | | | nguon | CharacterString | Có thể Null | Nguồn gốc dữ liệu | | | |

| TT | Kiểu đối tượng địa lý | | | | Tên lớp/nhóm lớp | Trường thuộc tính | Kiểu dữ liệu thuộc tính | Yêu cầu | Tên (nhãn)/Mô tả thuộc tính | Phạm vi áp dụng và kiểu dữ liệu hình học | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Mã tên kiểu đối tượng địa lý | | Tên | Mô tả | | | | | | Quy hoạch tổng thể quốc gia | Quy hoạch vùng | Quy hoạch tỉnh |
| | Dữ liệu hiện trạng | Dữ liệu định hướng phát triển | | | | | | | | | | |
| 21 | PH10 | | Hiện trạng hệ thống đê điều | Là hệ thống đê điều được phân tích, đánh giá trong quy hoạch.<br>- Đối với quy hoạch vùng: Thể hiện hệ thống đê liên tỉnh;<br>- Đối với quy hoạch tỉnh: Thể hiện hệ thống đê liên tỉnh, nội tỉnh. | HienTrangHeThongDeDieu | maDoiTuong | CharacterString | Bắt buộc | Mã đối tượng | | GM_Polyline | GM_Polyline |
| | | | | | | ten | CharacterString | Bắt buộc | Tên tuyến đê | | | |
| | | | | | | phanLoai | CharacterString | Có thể Null | Phân loại đê bao gồm: Đê sông, đê biển, đê cửa sông, đê bối, đê bao, đê chuyên dùng. | | | |
| | | | | | | diaDiem | CharacterString | Có thể Null | Địa điểm của tuyến đê.<br>- Đối với quy hoạch vùng: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp tỉnh.<br>- Đối với quy hoạch tỉnh: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp huyện. | | | |
| | | | | | | capDe | Integer | Có thể Null | Cấp đê bao gồm: Cấp đặc biệt, cấp I, cấp II, cấp III, cấp IV và cấp V. | | | |
| | | | | | | viTriKmDau | CharacterString | Có thể Null | Vị trí điểm đầu theo Km đê của tuyến đê. | | | |
| | | | | | | viTriKmCuoi | CharacterString | Có thể Null | Vị trí điểm cuối theo Km đê của tuyến đê | | | |
| | | | | | | chieuDai | CharacterString | Có thể Null | Chiều dài của tuyến đê (Km) | | | |
| | | | | | | dienTichVungBaoVe | Integer | Có thể Null | Diện tích vùng bảo vệ của tuyến đê (ha) | | | |
| | | | | | | danSoVungBaoVe | Integer | Có thể Null | Dân số vùng bảo vệ của tuyến đê (người) | | | |
| | | | | | | loaiHienTrang | CharacterString | Bắt buộc | Đối tượng hiện trạng được giữ nguyên trong quy hoạch | | | |
| | | | | | | | | | Đối tượng hiện trạng dự kiến được nâng cấp, điều chỉnh trong quy hoạch | | | |
| | | | | | | | | | Đối tượng hiện trạng không đưa vào quy hoạch | | | |
| | | | | | | nam | Integer | Bắt buộc | Năm cập nhật | | | |
| | | | | | | nguon | CharacterString | Bắt buộc | Nguồn gốc dữ liệu | | | |
| 22 | | PQ12 | Định hướng phát triển hệ thống đê điều | Là hệ thống đê điều được định hướng phát triển trong quy hoạch.<br>- Quy hoạch vùng: Thể hiện hệ thống đê liên tỉnh;<br>- Quy hoạch tỉnh: Thể hiện hệ thống đê liên tỉnh, nội tỉnh. | DinhHuongPhatTrienHeThongDeDieu | maDoiTuong | CharacterString | Bắt buộc | Mã đối tượng | | GM_Polyline | GM_Polyline |
| | | | | | | ten | CharacterString | Bắt buộc | Tên tuyến đê | | | |
| | | | | | | phanLoai | CharacterString | Có thể Null | Phân loại đê bao gồm: Đê sông, đê biển, đê cửa sông, đê bối, đê bao, đê chuyên dùng. | | | |
| | | | | | | diaDiem | CharacterString | Có thể Null | Địa điểm của tuyến đê.<br>- Đối với quy hoạch vùng: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp tỉnh;<br>- Đối với quy hoạch tỉnh: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp huyện. | | | |
| | | | | | | capDe | Integer | Có thể Null | Cấp đê bao gồm: Cấp đặc biệt, cấp I, cấp II, cấp III, cấp IV và cấp V. | | | |

| TT | Kiểu đối tượng địa lý | | | | Tên lớp/nhóm lớp | Trường thuộc tính | Kiểu dữ liệu thuộc tính | Yêu cầu | Tên (nhãn)/Mô tả thuộc tính | Phạm vi áp dụng và kiểu dữ liệu hình học | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Mã tên kiểu đối tượng địa lý | | Tên | Mô tả | | | | | | Quy hoạch tổng thể quốc gia | Quy hoạch vùng | Quy hoạch tỉnh |
| | Dữ liệu hiện trạng | Dữ liệu định hướng phát triển | | | | | | | | | | |
| | | | | | | viTriKmDau | CharacterString | Có thể Null | Vị trí điểm đầu theo Km đê của tuyến đê. | | | |
| | | | | | | viTriKmCuoi | CharacterString | Có thể Null | Vị trí điểm cuối theo Km đê của tuyến đê | | | |
| | | | | | | chieuDai | CharacterString | Có thể Null | Chiều dài của tuyến đê (Km) | | | |
| | | | | | | dienTichVungBaoVe | Integer | Có thể Null | Diện tích vùng bảo vệ của tuyến đê (ha) | | | |
| | | | | | | danSoVungBaoVe | Integer | Có thể Null | Dân số vùng bảo vệ của tuyến đê (người) | | | |
| | | | | | | loaiQuyHoach | CharacterString | Bắt buộc | Đối tượng hiện trạng được nâng cấp, điều chỉnh trong quy hoạch | | | |
| | | | | | | | | | Đối tượng được xác định mới trong quy hoạch | | | |
| | | | | | | quyHoachBatDau | Date | Bắt buộc | Ngày quy hoạch được quyết định hoặc phê duyệt | | | |
| | | | | | | quyHoachKetThuc | Date | Bắt buộc | Ngày cuối cùng của thời kỳ quy hoạch | | | |
| | | | | | | nguon | CharacterString | Có thể Null | Nguồn gốc dữ liệu | | | |
| 23 | | PQ13 | Định hướng phân vùng cấp nước của hệ thống thủy lợi* | Là phân vùng cấp nước của hệ thống thủy lợi được định hướng phát triển trong quy hoạch.<br>- Đối với quy hoạch vùng: Thể hiện phân vùng cấp nước của hệ thống thủy lợi có phạm vi liên tỉnh trở lên.<br>- Đối với quy hoạch tỉnh: Thể hiện phân vùng cấp nước của hệ thống thủy lợi có phạm liên huyện trở lên. | DinhHuongPhanVungThuyLoi | maDoiTuong | CharacterString | Bắt buộc | Mã đối tượng | | GM_Polygon | GM_Polygon |
| | | | | | | ten | CharacterString | Bắt buộc | Tên tiểu vùng | | | |
| | | | | | | dienTichCapNuoc | Real | Có thể Null | Diện tích cấp nước của tiểu vùng (ha) | | | |
| | | | | | | quyHoachBatDau | Date | Bắt buộc | Ngày quy hoạch được quyết định hoặc phê duyệt | | | |
| | | | | | | quyHoachKetThuc | Date | Bắt buộc | Ngày cuối cùng của thời kỳ quy hoạch | | | |
| | | | | | | nguon | CharacterString | Có thể Null | Nguồn gốc dữ liệu | | | |
| 24 | | PQ14 | Định hướng phân vùng tiêu thoát | Là phân vùng tiêu thoát nước của hệ thống thủy lợi được định hướng phát triển trong quy hoạch. | DinhHuongPhanVungTieuUngThoatLu | maDoiTuong | CharacterString | Bắt buộc | Mã đối tượng | | GM_Polygon | GM_Polygon |
| | | | | | | ten | CharacterString | Bắt buộc | Tên tiểu vùng | | | |
| | | | | | | dienTichTieuThoat | Real | Có thể Null | Diện tích tiêu úng, thoát lũ của tiểu vùng (ha) | | | |
| | | | | | | quyHoachBatDau | Date | Bắt buộc | Ngày quy hoạch được quyết định hoặc phê duyệt | | | |

| TT | Kiểu đối tượng địa lý | | | | Tên lớp/nhóm lớp | Trường thuộc tính | Kiểu dữ liệu thuộc tính | Yêu cầu | Tên (nhãn)/Mô tả thuộc tính | Phạm vi áp dụng và kiểu dữ liệu hình học | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Mã tên kiểu đối tượng địa lý | | Tên | Mô tả | | | | | | Quy hoạch tổng thể quốc gia | Quy hoạch vùng | Quy hoạch tỉnh |
| | Dữ liệu hiện trạng | Dữ liệu định hướng phát triển | | | | | | | | | | |
| | | | nước của hệ thống thủy lợi* | - Đối với quy hoạch vùng: Thể hiện phân vùng tiêu thoát nước của hệ thống thủy lợi phạm vi liên tỉnh trở lên;<br>- Đối với quy hoạch tỉnh: Thể hiện phân vùng tiêu thoát nước của hệ thống thủy lợi phạm vi liên huyện trở lên. | | quyHoachKetThuc | Date | Bắt buộc | Ngày cuối cùng của thời kỳ quy hoạch | | | |
| | | | | | | nguon | CharacterString | Có thể Null | Nguồn gốc dữ liệu | | | |
| 25 | PH11 | | Hiện trạng đập, hồ chứa nước* | Là đập, hồ chứa nước được phân tích, đánh giá trong quy hoạch.<br>- Đối với quy hoạch vùng: Thể hiện đập, hồ chứa nước quan trọng đặc biệt và đập, hồ chứa nước lớn;<br>- Đối với quy hoạch tỉnh: Thể hiện đập, hồ chứa nước quan trọng đặc biệt; đập, hồ chứa nước lớn; đập, hồ chứa nước vừa; đập, hồ chứa nước nhỏ. | HienTrangDapHoChuaThuyLoi | maDoiTuong | CharacterString | Bắt buộc | Mã đối tượng | | GM_Polygon hoặc GM_Point | GM_Polygon hoặc GM_Point |
| | | | | | | ten | CharacterString | Bắt buộc | Tên đập, hồ chứa nước | | | |
| | | | | | | diaDiem | CharacterString | Có thể Null | Địa điểm của đập, hồ chứa nước.<br>- Đối với quy hoạch vùng: Chi tiết đến đơn vị hành cấp tỉnh.<br>- Đối với quy hoạch tỉnh: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp huyện. | | | |
| | | | | | | loaiHinhDapHoChuaNuoc | CharacterString | Có thể Null | Loại hình đập, hồ chứa nước bao gồm: | | | |
| | | | | | | | | | Đập, hồ chứa thủy lợi | | | |
| | | | | | | | | | Đập, hồ chứa thủy điện | | | |
| | | | | | | capQuanLy | CharacterString | Có thể Null | Cấp quản lý công trình bao gồm: | | | |
| | | | | | | | | | Trung ương | | | |
| | | | | | | | | | Cấp tỉnh | | | |
| | | | | | | phanLoaiDapHoChuaNuoc | CharacterString | Bắt buộc | Đập, hồ chứa nước quan trọng đặc biệt | | | |
| | | | | | | | | | Đập, hồ chứa nước lớn | | | |
| | | | | | | | | | Đập, hồ chứa nước vừa | | | |
| | | | | | | | | | Đập, hồ chứa nước nhỏ | | | |
| | | | | | | capCongTrinhThuyLoi | CharacterString | Có thể Null | Cấp công trình thủy lợi bao gồm: | | | |
| | | | | | | | | | Đặc biệt | | | |
| | | | | | | | | | Cấp I | | | |

| TT | Kiểu đối tượng địa lý | | | | Tên lớp/nhóm lớp | Trường thuộc tính | Kiểu dữ liệu thuộc tính | Yêu cầu | Tên (nhãn)/Mô tả thuộc tính | Phạm vi áp dụng và kiểu dữ liệu hình học | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Mã tên kiểu đối tượng địa lý | | Tên | Mô tả | | | | | | Quy hoạch tổng thể quốc gia | Quy hoạch vùng | Quy hoạch tỉnh |
| | Dữ liệu hiện trạng | Dữ liệu định hướng phát triển | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | Cấp II | | | |
| | | | | | | | | | Cấp III | | | |
| | | | | | | | | | Cấp IV | | | |
| | | | | | | dungTich | Integer | Có thể Null | Dung tích chứa nước của đập, hồ chứa nước ứng với mực nước dâng bình thường (triệu $m^3$) | | | |
| | | | | | | loaiHienTrang | CharacterString | Bắt buộc | Đối tượng hiện trạng được giữ nguyên trong quy hoạch | | | |
| | | | | | | | | | Đối tượng hiện trạng dự kiến được nâng cấp, điều chỉnh trong quy hoạch | | | |
| | | | | | | | | | Đối tượng hiện trạng không đưa vào quy hoạch | | | |
| | | | | | | nam | Integer | Bắt buộc | Năm cập nhật | | | |
| | | | | | | nguon | CharacterString | Bắt buộc | Nguồn gốc dữ liệu | | | |
| 26 | | PQ15 | Định hướng phát triển đập, hồ chứa nước* | Là đập, hồ chứa nước được định hướng phát triển trong quy hoạch:<br>- Đối với quy hoạch vùng: Thể hiện đập, hồ chứa nước quan trọng đặc biệt và đập, hồ chứa nước lớn.<br>- Đối với quy hoạch tỉnh: Thể hiện đập, hồ chứa nước quan trọng đặc biệt; đập, hồ chứa nước lớn; đập, hồ chứa nước vừa; đập, hồ chứa nước nhỏ. | DinhHuongPhatTrienDapHoThuyLoi | maDoiTuong | CharacterString | Bắt buộc | Mã đối tượng | | GM_Polygon hoặc GM_Point | GM_Polygon hoặc GM_Point |
| | | | | | | ten | CharacterString | Bắt buộc | Tên đập, hồ chứa nước | | | |
| | | | | | | diaDiem | CharacterString | Có thể Null | Địa điểm của đập, hồ chứa nước.<br>- Đối với quy hoạch vùng: Chi tiết đến đơn vị hành cấp tỉnh.<br>- Đối với quy hoạch tỉnh: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp huyện. | | | |
| | | | | | | loaiHinhDapHoChuaNuoc | CharacterString | Có thể Null | Loại hình đập, hồ chứa nước bao gồm: | | | |
| | | | | | | | | | Đập, hồ chứa thủy lợi | | | |
| | | | | | | | | | Đập, hồ chứa thủy điện | | | |
| | | | | | | capQuanLy | CharacterString | Có thể Null | Cấp quản lý công trình bao gồm: | | | |
| | | | | | | | | | Trung ương | | | |
| | | | | | | | | | Cấp tỉnh | | | |
| | | | | | | phanLoaiDapHoChuaNuoc | CharacterString | Bắt buộc | Đập, hồ chứa nước quan trọng đặc biệt | | | |
| | | | | | | | | | Đập, hồ chứa nước lớn | | | |
| | | | | | | | | | Đập, hồ chứa nước vừa | | | |
| | | | | | | | | | Đập, hồ chứa nước nhỏ | | | |
| | | | | | | capCongTrinhThuyLoi | CharacterString | Có thể Null | Cấp công trình thủy lợi bao gồm: | | | |
| | | | | | | | | | Đặc biệt | | | |

| TT | Kiểu đối tượng địa lý | | | | Tên lớp/nhóm lớp | Trường thuộc tính | Kiểu dữ liệu thuộc tính | Yêu cầu | Tên (nhãn)/Mô tả thuộc tính | Phạm vi áp dụng và kiểu dữ liệu hình học | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Mã tên kiểu đối tượng địa lý | | Tên | Mô tả | | | | | | Quy hoạch tổng thể quốc gia | Quy hoạch vùng | Quy hoạch tỉnh |
| | Dữ liệu hiện trạng | Dữ liệu định hướng phát triển | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | Cấp I | | | |
| | | | | | | | | | Cấp II | | | |
| | | | | | | | | | Cấp III | | | |
| | | | | | | | | | Cấp IV | | | |
| | | | | | | dungTich | Integer | Có thể Null | Dung tích chứa nước dự kiến của đập, hồ chứa nước ứng với mực nước dâng bình thường (triệu $m^3$) | | | |
| | | | | | | loaiQuyHoach | CharacterString | Bắt buộc | Đối tượng hiện trạng được nâng cấp, điều chỉnh trong quy hoạch | | | |
| | | | | | | | | | Đối tượng được xác định mới trong quy hoạch | | | |
| | | | | | | quyHoachBatDau | Date | Bắt buộc | Ngày quy hoạch được quyết định hoặc phê duyệt | | | |
| | | | | | | quyHoachKetThuc | Date | Bắt buộc | Ngày cuối cùng của thời kỳ quy hoạch | | | |
| | | | | | | nguon | CharacterString | Có thể Null | Nguồn gốc dữ liệu | | | |
| 27 | PH12 | | Hiện trạng trạm bơm tưới, tiêu nước* | Là trạm bơm tưới, tiêu nước được phân tích, đánh giá trong quy hoạch.<br>- Đối với quy hoạch vùng: Thể hiện trạm bơm lớn<br>- Đối với quy hoạch tỉnh: Thể hiện trạm bơm lớn, trạm bơm vừa, trạm bơm nhỏ. | HienTrangTramBom | maDoiTuong | CharacterString | Bắt buộc | Mã đối tượng | | GM_Point | GM_Point |
| | | | | | | ten | CharacterString | Bắt buộc | Tên trạm bơm | | | |
| | | | | | | diaDiem | CharacterString | Có thể Null | Địa điểm của trạm bơm.<br>- Đối với quy hoạch vùng: Chi tiết đến đơn vị hành cấp tỉnh.<br>- Đối với quy hoạch tỉnh: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp huyện. | | | |
| | | | | | | capQuanLy | CharacterString | Có thể Null | Cấp quản lý công trình: Trung ương; Cấp tỉnh | | | |
| | | | | | | phanLoaiCongTrinh | | Bắt buộc | Phân loại công trình bao gồm: Trạm bơm lớn, trạm bơm vừa, trạm bơm nhỏ. | | | |
| | | | | | | phanLoaiNhiemVu | CharacterString | Có thể Null | Phân loại theo nhiệm vụ bao gồm: Trạm bơm tưới, trạm bơm tiêu, trạm bơm tưới tiêu kết hợp. | | | |
| | | | | | | capCongTrinhThuyLoi | CharacterString | Có thể Null | Cấp công trình thủy lợi bao gồm: Đặc biệt, cấp I, cấp II, cấp III, cấp IV | | | |
| | | | | | | luuLuong | Integer | Có thể Null | Tổng lưu lượng của trạm bơm ($m^3$/h) | | | |
| | | | | | | dienTich | Integer | Có thể Null | Diện tích tưới nước, tiêu nước và cấp nước của trạm bơm (ha) | | | |

| TT | Kiểu đối tượng địa lý | | | | Tên lớp/nhóm lớp | Trường thuộc tính | Kiểu dữ liệu thuộc tính | Yêu cầu | Tên (nhãn)/Mô tả thuộc tính | Phạm vi áp dụng và kiểu dữ liệu hình học | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Mã tên kiểu đối tượng địa lý | | Tên | Mô tả | | | | | | Quy hoạch tổng thể quốc gia | Quy hoạch vùng | Quy hoạch tỉnh |
| | Dữ liệu hiện trạng | Dữ liệu định hướng phát triển | | | | | | | | | | |
| | | | | | | loaiHienTrang | CharacterString | Bắt buộc | Đối tượng hiện trạng được giữ nguyên trong quy hoạch | | | |
| | | | | | | | | | Đối tượng hiện trạng dự kiến được nâng cấp, điều chỉnh trong quy hoạch | | | |
| | | | | | | | | | Đối tượng hiện trạng không đưa vào quy hoạch | | | |
| | | | | | | nam | Integer | Bắt buộc | Năm cập nhật | | | |
| | | | | | | nguon | CharacterString | Bắt buộc | Nguồn gốc dữ liệu | | | |
| 28 | | PQ16 | Định hướng phát triển trạm bơm tưới, tiêu nước* | Là trạm bơm tưới, tiêu nước được định hướng phát triển trong quy hoạch:<br>- Đối với quy hoạch vùng: Thể hiện trạm bơm lớn<br>- Đối với quy hoạch tỉnh: Thể hiện trạm bơm lớn, trạm bơm vừa, trạm bơm nhỏ. | DinhHuongPhatTrienTramBom | maDoiTuong | CharacterString | Bắt buộc | Mã đối tượng | | GM_Point | GM_Point |
| | | | | | | ten | CharacterString | Bắt buộc | Tên trạm bơm | | | |
| | | | | | | diaDiem | CharacterString | Có thể Null | Địa điểm dự kiến của trạm bơm.<br>- Đối với quy hoạch vùng: Chi tiết đến đơn vị hành cấp tỉnh.<br>- Đối với quy hoạch tỉnh: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp huyện. | | | |
| | | | | | | capQuanLy | CharacterString | Có thể Null | Cấp quản lý công trình: Trung ương; Cấp tỉnh | | | |
| | | | | | | phanLoai | | Bắt buộc | Phân loại trạm bơm bao gồm: Trạm bơm lớn, trạm bơm vừa, trạm bơm nhỏ. | | | |
| | | | | | | phanLoaiNhiemVu | CharacterString | Có thể Null | Trạm bơm tưới | | | |
| | | | | | | | | | Trạm bơm tiêu | | | |
| | | | | | | | | | Trạm bơm tưới tiêu kết hợp | | | |
| | | | | | | capCongTrinhThuyLoi | CharacterString | Có thể Null | Cấp công trình thủy lợi dự kiến bao gồm: Đặc biệt, cấp I, cấp II, cấp III, cấp IV | | | |
| | | | | | | luuLuong | Integer | Có thể Null | Tổng lưu lượng dự kiến của trạm bơm ($m^3/h$) | | | |
| | | | | | | dienTich | Integer | Có thể Null | Diện tích tưới nước, tiêu nước và cấp nước dự kiến của trạm bơm (ha) | | | |
| | | | | | | loaiQuyHoach | CharacterString | Bắt buộc | Đối tượng hiện trạng được nâng cấp, điều chỉnh trong quy hoạch | | | |
| | | | | | | | | | Đối tượng được xác định mới trong quy hoạch | | | |
| | | | | | | quyHoachBatDau | Date | Bắt buộc | Ngày quy hoạch được quyết định hoặc phê duyệt | | | |
| | | | | | | quyHoachKetThuc | Date | Bắt buộc | Ngày cuối cùng của thời kỳ quy hoạch | | | |
| | | | | | | nguon | CharacterString | Có thể Null | Nguồn gốc dữ liệu | | | |

| TT | Kiểu đối tượng địa lý | | | | Tên lớp/nhóm lớp | Trường thuộc tính | Kiểu dữ liệu thuộc tính | Yêu cầu | Tên (nhãn)/Mô tả thuộc tính | Phạm vi áp dụng và kiểu dữ liệu hình học | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Mã tên kiểu đối tượng địa lý | | Tên | Mô tả | | | | | | Quy hoạch tổng thể quốc gia | Quy hoạch vùng | Quy hoạch tỉnh |
| | Dữ liệu hiện trạng | Dữ liệu định hướng phát triển | | | | | | | | | | |
| 29 | PH13 | | Hiện trạng cống đầu mối* | Là cống đầu mối được phân tích, đánh giá trong quy hoạch.<br>- Quy hoạch vùng: Thể hiện cống lớn, cống vừa;<br>- Quy hoạch tỉnh: Thể hiện cống lớn, cống vừa, cống nhỏ. | HienTrangCongDauMoi | maDoiTuong | CharacterString | Bắt buộc | Mã đối tượng | | GM_Point | GM_Point |
| | | | | | | ten | CharacterString | Bắt buộc | Tên cống đầu mối | | | |
| | | | | | | diaDiem | CharacterString | Có thể Null | Địa điểm của cống đầu mối.<br>- Đối với quy hoạch vùng: Chi tiết đến đơn vị hành cấp tỉnh.<br>- Đối với quy hoạch tỉnh: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp huyện. | | | |
| | | | | | | capQuanLy | CharacterString | Có thể Null | Cấp quản lý công trình bao gồm: Trung ương; Cấp tỉnh. | | | |
| | | | | | | phanLoai | CharacterString | Bắt buộc | Phân loại cống bao gồm: Cống lớn; Cống vừa; Cống nhỏ | | | |
| | | | | | | tinhChat | CharacterString | Có thể Null | Tính chất của cống đầu mối bao gồm: Cống dưới đê biển, cống dưới đê sông, cống trên sông. | | | |
| | | | | | | phanLoaiNhiemVu | CharacterString | Có thể Null | Phân loại nhiệm vụ của cống đầu mối bao gồm: Cống tưới, cống tiêu, cống tưới tiêu kết hợp | | | |
| | | | | | | capCongTrinhThuyLoi | CharacterString | Có thể Null | Cấp công trình thủy lợi bao gồm: Đặc biệt, cấp I, cấp II, cấp III, cấp IV | | | |
| | | | | | | khauDo | Real | Có thể Null | Khẩu độ của cống đầu mối (m) | | | |
| | | | | | | loaiHienTrang | CharacterString | Bắt buộc | Đối tượng hiện trạng được giữ nguyên trong quy hoạch | | | |
| | | | | | | | | | Đối tượng hiện trạng dự kiến được nâng cấp, điều chỉnh trong quy hoạch | | | |
| | | | | | | | | | Đối tượng hiện trạng không đưa vào quy hoạch | | | |
| | | | | | | nam | Integer | Bắt buộc | Năm cập nhật | | | |
| | | | | | | nguon | CharacterString | Bắt buộc | Nguồn gốc dữ liệu | | | |
| 30 | | PQ17 | Định hướng phát triển cống đầu mối* | Là cống đầu mối được định hướng phát triển trong quy hoạch:<br>- Quy hoạch vùng: Thể hiện cống lớn, cống vừa; | DinhHuongPhatTrienCongDauMoi | maDoiTuong | CharacterString | Bắt buộc | Mã đối tượng | | GM_Point | GM_Point |
| | | | | | | ten | CharacterString | Bắt buộc | Tên cống đầu mối | | | |
| | | | | | | diaDiem | CharacterString | Có thể Null | Địa điểm của cống đầu mối.<br>- Đối với quy hoạch vùng: Chi tiết đến đơn vị hành cấp tỉnh.<br>- Đối với quy hoạch tỉnh: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp huyện. | | | |

| TT | Kiểu đối tượng địa lý | | | | Tên lớp/nhóm lớp | Trường thuộc tính | Kiểu dữ liệu thuộc tính | Yêu cầu | Tên (nhãn)/Mô tả thuộc tính | Phạm vi áp dụng và kiểu dữ liệu hình học | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Mã tên kiểu đối tượng địa lý | | Tên | Mô tả | | | | | | Quy hoạch tổng thể quốc gia | Quy hoạch vùng | Quy hoạch tỉnh |
| | Dữ liệu hiện trạng | Dữ liệu định hướng phát triển | | | | | | | | | | |
| | | | | - Quy hoạch tỉnh: Thể hiện cống lớn, cống vừa, cống nhỏ. | | capQuanLy | CharacterString | Có thể Null | Cấp quản lý công trình bao gồm: trung ương, địa phương | | | |
| | | | | | | phanLoai | CharacterString | Bắt buộc | Phân loại cống bao gồm: Cống lớn; Cống vừa; Cống nhỏ | | | |
| | | | | | | tinhChat | CharacterString | Có thể Null | Tính chất của cống đầu mối bao gồm: Cống dưới đê biển, cống dưới đê sông, cống trên sông. | | | |
| | | | | | | phanLoaiNhiemVu | CharacterString | Có thể Null | Phân loại nhiệm vụ dự kiến bao gồm: Cống tưới, cống tiêu, cống tưới tiêu kết hợp | | | |
| | | | | | | capCongTrinh | CharacterString | Có thể Null | Cấp công trình thủy lợi dự kiến bao gồm: Đặc biệt, cấp I, cấp II, cấp III, cấp IV | | | |
| | | | | | | khauDo | Real | Có thể Null | Khẩu độ dự kiến của cống đầu mối (m) | | | |
| | | | | | | loaiQuyHoach | CharacterString | Bắt buộc | Đối tượng hiện trạng được nâng cấp, điều chỉnh trong quy hoạch | | | |
| | | | | | | | | | Đối tượng được xác định mới trong quy hoạch | | | |
| | | | | | | quyHoachBatDau | Date | Bắt buộc | Ngày quy hoạch được quyết định hoặc phê duyệt | | | |
| | | | | | | quyHoachKetThuc | Date | Bắt buộc | Ngày cuối cùng của thời kỳ quy hoạch | | | |
| | | | | | | nguon | CharacterString | Có thể Null | Nguồn gốc dữ liệu | | | |
| 31 | PH14 | | Hiện trạng hệ thống kênh dẫn truyền nước | Là hệ thống dẫn, chuyển nước bao gồm kênh, mương, rạch, tuynel, xi phông, cầu máng (gọi tắt là kênh) được phân tích, đánh giá trong quy hoạch.<br>- Quy hoạch vùng: Thể hiện kênh lớn, kênh vừa;<br>- Quy hoạch tỉnh: Thể hiện kênh lớn, kênh vừa và kênh nhỏ. | HienTrangKenhDanTruyenNuoc | maDoiTuong | CharacterString | Bắt buộc | Mã đối tượng | | GM_Polyline | GM_Polyline |
| | | | | | | ten | CharacterString | Bắt buộc | Tên kênh | | | |
| | | | | | | luuLuong | CharacterString | Có thể Null | Lưu lượng của kênh ($m^3/s$) | | | |
| | | | | | | loaiHienTrang | CharacterString | Bắt buộc | Đối tượng hiện trạng được giữ nguyên trong quy hoạch | | | |
| | | | | | | | | | Đối tượng hiện trạng dự kiến được nâng cấp, điều chỉnh trong quy hoạch | | | |
| | | | | | | | | | Đối tượng hiện trạng không đưa vào quy hoạch | | | |
| | | | | | | nam | Integer | Bắt buộc | Năm cập nhật | | | |
| | | | | | | nguon | CharacterString | Bắt buộc | Nguồn gốc dữ liệu | | | |

| TT | Kiểu đối tượng địa lý | | | | Tên lớp/nhóm lớp | Trường thuộc tính | Kiểu dữ liệu thuộc tính | Yêu cầu | Tên (nhãn)/Mô tả thuộc tính | Phạm vi áp dụng và kiểu dữ liệu hình học | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Mã tên kiểu đối tượng địa lý | | Tên | Mô tả | | | | | | Quy hoạch tổng thể quốc gia | Quy hoạch vùng | Quy hoạch tỉnh |
| | Dữ liệu hiện trạng | Dữ liệu định hướng phát triển | | | | | | | | | | |
| 32 | | PQ18 | Định hướng phát triển hệ thống kênh dẫn truyền nước | Là hệ thống dẫn, chuyển nước bao gồm kênh, mương, rạch, tuynel, xi phông, cầu máng (gọi tắt là kênh) được định hướng phát triển trong quy hoạch.<br>- Quy hoạch vùng: Thể hiện kênh lớn, kênh vừa;<br>- Quy hoạch tỉnh: Thể hiện kênh lớn, kênh vừa và kênh nhỏ. | DinhHuongPhatTrienKenhDanTruyenNuoc | maDoiTuong | CharacterString | Bắt buộc | Mã đối tượng | | GM_Polyline | GM_Polyline |
| | | | | | | ten | CharacterString | Bắt buộc | Tên kênh | | | |
| | | | | | | luuLuong | CharacterString | Có thể Null | Lưu lượng dự kiến của kênh ($m^3/s$) | | | |
| | | | | | | loaiQuyHoach | CharacterString | Bắt buộc | Đối tượng hiện trạng được nâng cấp, điều chỉnh trong quy hoạch | | | |
| | | | | | | | | | Đối tượng được xác định mới trong quy hoạch | | | |
| | | | | | | quyHoachBatDau | Date | Bắt buộc | Ngày quy hoạch được quyết định hoặc phê duyệt | | | |
| | | | | | | quyHoachKetThuc | Date | Bắt buộc | Ngày cuối cùng của thời kỳ quy hoạch | | | |
| | | | | | | nguon | CharacterString | Có thể Null | Nguồn gốc dữ liệu | | | |

## 5. Tài nguyên và môi trường

| TT | Kiểu đối tượng địa lý | | | | Tên lớp/nhóm lớp | Trường thuộc tính | Kiểu dữ liệu thuộc tính | Yêu cầu | Tên (nhãn)/Mô tả thuộc tính | Phạm vi áp dụng và kiểu dữ liệu hình học | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Mã tên kiểu đối tượng | | Tên | Mô tả | | | | | | Quy hoạch tổng thể quốc gia | Quy hoạch vùng | Quy hoạch tỉnh |
| | Dữ liệu hiện trạng | Dữ liệu định hướng phát triển | | | | | | | | | | |
| 1 | QH01 | | Hiện trạng lưu vực sông liên tỉnh* | Là lưu vực sông liên tỉnh được phân tích, đánh giá trong quy hoạch. | HienTrangLuuVucSongLienTinh | maDoiTuong | CharacterString | Bắt buộc | Mã đối tượng | | GM_Polygon | |
| | | | | | | ten | CharacterString | Bắt buộc | Tên lưu vực sông liên tỉnh | | | |
| | | | | | | maSong | CharacterString | Có thể Null | Mã sông theo quy định pháp luật | | | |
| | | | | | | dienTich | Integer | Có thể Null | Diện tích lưu vực sông liên tỉnh (ha) | | | |
| | | | | | | nam | Integer | Bắt buộc | Năm cập nhật | | | |
| | | | | | | nguon | CharacterString | Bắt buộc | Nguồn gốc dữ liệu | | | |
| 2 | QH02 | | Hiện trạng sông liên tỉnh* | Là hiện trạng sông (sông, suối, kênh, rạch) liên tỉnh được phân tích, đánh giá trong quy hoạch. | HienTrangSongLienTinh | maDoiTuong | CharacterString | Bắt buộc | Mã đối tượng | | GM_Polyline | GM_Polyline |
| | | | | | | ten | CharacterString | Bắt buộc | Tên sông (sông, suối, kênh, rạch) liên tỉnh | | | |
| | | | | | | maSong | CharacterString | Có thể Null | Mã sông theo quy định pháp luật | | | |
| | | | | | | phanLoai | CharacterString | Có thể Null | Phân loại sông liên tỉnh bao gồm: Sông liên tỉnh thuộc lưu vực sông lớn; Sông liên tỉnh độc lập. | | | |

| TT | Kiểu đối tượng địa lý | | | | Tên lớp/nhóm lớp | Trường thuộc tính | Kiểu dữ liệu thuộc tính | Yêu cầu | Tên (nhãn)/Mô tả thuộc tính | Phạm vi áp dụng và kiểu dữ liệu hình học | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Mã tên kiểu đối tượng | | Tên | Mô tả | | | | | | Quy hoạch tổng thể quốc gia | Quy hoạch vùng | Quy hoạch tỉnh |
| | Dữ liệu hiện trạng | Dữ liệu định hướng phát triển | | | | | | | | | | |
| | | | | | | chieuDai | Real | Có thể Null | Chiều dài sông liên tỉnh (Km) | | | |
| | | | | | | nam | Integer | Bắt buộc | Năm cập nhật | | | |
| | | | | | | nguon | CharacterString | Bắt buộc | Nguồn gốc dữ liệu | | | |
| 3 | QH03 | | Hiện trạng lưu vực sông nội tỉnh* | Là lưu vực sông nội tỉnh được phân tích, đánh giá trong quy hoạch | HienTrangLuuVucSongNoiTinh | maDoiTuong | CharacterString | Bắt buộc | Mã đối tượng | | | GM_Polygon |
| | | | | | | ten | CharacterString | Bắt buộc | Tên lưu vực sông nội tỉnh | | | |
| | | | | | | maSong | CharacterString | Có thể Null | Mã sông theo quy định pháp luật | | | |
| | | | | | | dienTich | Integer | Có thể Null | Diện tích lưu vực sông nội tỉnh (ha) | | | |
| | | | | | | nam | Integer | Bắt buộc | Năm cập nhật | | | |
| | | | | | | nguon | CharacterString | Bắt buộc | Nguồn gốc dữ liệu | | | |
| 4 | QH04 | | Hiện trạng sông nội tỉnh* | Là sông nội tỉnh được phân tích, đánh giá trong quy hoạch | HienTrangLuuVucSongNoiTinh | maDoiTuong | CharacterString | Bắt buộc | Mã đối tượng | | | GM_Polyline |
| | | | | | | ten | CharacterString | Bắt buộc | Tên sông nội tỉnh | | | |
| | | | | | | maSong | CharacterString | Có thể Null | Mã sông theo quy định pháp luật | | | |
| | | | | | | chieuDai | Real | Có thể Null | Chiều dài sông nội tỉnh (Km) | | | |
| | | | | | | nam | Integer | Bắt buộc | Năm cập nhật | | | |
| | | | | | | nguon | CharacterString | Bắt buộc | Nguồn gốc dữ liệu | | | |
| 7 | | QQ01 | Định hướng phân vùng chức năng của nguồn nước | Là phân vùng chức năng của nguồn nước (cụ thể đến đoạn sông, suối…) được xác định trong quy hoạch.<br>- Quy hoạch vùng: Thể hiện nguồn nước liên tỉnh.<br>- Quy hoạch tỉnh: Thể hiện nguồn nước nội tỉnh. | DinhHuongPhanVungChucNangNguonNuoc | maDoiTuong | CharacterString | Bắt buộc | Mã đối tượng | | GM_Polyline hoặc GM_Point | GM_Polyline hoặc GM_Point |
| | | | | | | ten | CharacterString | Bắt buộc | Tên nguồn nước | | | |
| | | | | | | phanLoai | CharacterString | Có thể Null | Phân loại nguồn nước bao gồm: Liên tỉnh; Nội tỉnh | | | |
| | | | | | | diemDau | CharacterString | Có thể Null | Vị trí hoặc điểm đầu của nguồn nước (đoạn sông, suối…) chi tiết đến đơn vị hành chính cấp huyện hoặc xã | | | |
| | | | | | | diemCuoi | CharacterString | Có thể Null | Điểm cuối (nếu có) của nguồn nước (đoạn sông, suối…) chi tiết đến đơn vị hành chính cấp huyện hoặc xã | | | |
| | | | | | | chieuDai | Integer | Có thể Null | Chiều dài của đoạn sông (Km) | | | |
| | | | | | | chucNang | CharacterString | Bắt buộc | Chức năng chính của nguồn nước (đoạn sông, suối…) bao gồm: Cấp nước cho sinh hoạt; cấp nước cho du lịch, dịch vụ; cấp nước cho sản xuất nông nghiệp; cấp nước cho sản xuất công nghiệp | | | |
| | | | | | | quyHoachBatDau | Date | Bắt buộc | Ngày quy hoạch được quyết định hoặc phê duyệt | | | |

| TT | Kiểu đối tượng địa lý | | | | Tên lớp/nhóm lớp | Trường thuộc tính | Kiểu dữ liệu thuộc tính | Yêu cầu | Tên (nhãn)/Mô tả thuộc tính | Phạm vi áp dụng và kiểu dữ liệu hình học | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Mã tên kiểu đối tượng | | Tên | Mô tả | | | | | | Quy hoạch tổng thể quốc gia | Quy hoạch vùng | Quy hoạch tỉnh |
| | Dữ liệu hiện trạng | Dữ liệu định hướng phát triển | | | | | | | | | | |
| | | | | | | quyHoachKetThuc | Date | Bắt buộc | Ngày cuối cùng của thời kỳ quy hoạch | | | |
| | | | | | | nguon | CharacterString | Có thể Null | Nguồn gốc dữ liệu | | | |
| 8 | QH05 | | Hiện trạng khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia* | Là hiện trạng khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia được phân tích, đánh giá trong quy hoạch | HienTrangKhuVucDuTruKhoangSanQuocGia | maDoiTuong | CharacterString | Bắt buộc | Mã đối tượng | | | GM_Point hoặc GM_Polygon |
| | | | | | | ten | CharacterString | Bắt buộc | Tên khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia | | | |
| | | | | | | loaiKhoangSan | CharacterString | Có thể Null | Loại khoáng sản dự trữ | | | |
| | | | | | | truLuong | Integer | Có thể Null | Trữ lượng tài nguyên dự trữ | | | |
| | | | | | | donviTinh | CharacterString | Có thể Null | Đơn vị tính của trữ lượng tài nguyên dự trữ | | | |
| | | | | | | nam | Integer | Bắt buộc | Năm cập nhật | | | |
| | | | | | | nguon | CharacterString | Bắt buộc | Nguồn gốc dữ liệu | | | |
| 9 | QH06 | | Hiện trạng khu vực cấm, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản* | Là hiện trạng khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản được phân tích, đánh giá trong quy hoạch | HienTrangKhuVucCamHoatDongKhoangSan | maDoiTuong | CharacterString | Bắt buộc | Mã đối tượng | | | GM_Point hoặc GM_Polygon |
| | | | | | | ten | CharacterString | Bắt buộc | Tên khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản | | | |
| | | | | | | phanLoai | CharacterString | Có thể Null | Khu vực cấm hoạt động khoáng sản | | | |
| | | | | | | | | | Khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản | | | |
| | | | | | | loaiKhoangSanBiCam | CharacterString | Có thể Null | Tên các loại khoáng sản bị cấm, tạm thời cấm thăm dò, khai thác trong phạm vi khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản | | | |
| | | | | | | nam | Integer | Bắt buộc | Năm cập nhật | | | |
| | | | | | | nguon | CharacterString | Bắt buộc | Nguồn gốc dữ liệu | | | |
| 10 | QH07 | | Hiện trạng khu vực thăm dò khoáng sản đã cấp phép* | Là khu vực thăm dò khoáng sản đã cấp phép được phân tích, đánh giá trong quy hoạch | HienTrangKhuVucThamDoKhoangSanDaCapPhep | maDoiTuong | CharacterString | Bắt buộc | Mã đối tượng | | | GM_Point hoặc GM_Polygon |
| | | | | | | ten | CharacterString | Bắt buộc | Tên khu vực thăm dò khoáng sản đã cấp phép | | | |
| | | | | | | diaDiem | CharacterString | Có thể Null | Địa điểm khu vực thăm dò khoáng sản đã cấp phép chi tiết đến đơn vị hành chính cấp huyện | | | |
| | | | | | | phanLoai | CharacterString | Có thể Null | Khoáng sản làm vật liệu xây dựng | | | |
| | | | | | | | | | Khoáng sản khác | | | |
| | | | | | | loaiKhoangSan | CharacterString | Bắt buộc | Tên loại khoáng sản | | | |
| | | | | | | capQuanLy | CharacterString | Có thể Null | Cấp quản lý bao gồm: Trung ương; Cấp tỉnh | | | |
| | | | | | | toChucThamDo | CharacterString | Có thể Null | Tên tổ chức, cá nhân đã được cấp phép thăm dò khoáng sản | | | |
| | | | | | | dienTich | Real | Có thể Null | Diện tích khu vực thăm dò khoáng sản đã cấp phép (ha) | | | |

| TT | Kiểu đối tượng địa lý | | | | Tên lớp/nhóm lớp | Trường thuộc tính | Kiểu dữ liệu thuộc tính | Yêu cầu | Tên (nhãn)/Mô tả thuộc tính | Phạm vi áp dụng và kiểu dữ liệu hình học | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Mã tên kiểu đối tượng | | Tên | Mô tả | | | | | | Quy hoạch tổng thể quốc gia | Quy hoạch vùng | Quy hoạch tỉnh |
| | Dữ liệu hiện trạng | Dữ liệu định hướng phát triển | | | | | | | | | | |
| | | | | | | thoiHan | Date | Có thể Null | Ngày hết thời hạn thăm dò theo cấp phép | | | |
| | | | | | | loaiHienTrang | CharacterString | Bắt buộc | Hiện trạng được giữ nguyên | | | |
| | | | | | | | | | Hiện trạng dự kiến điều chỉnh trong kỳ quy hoạch | | | |
| | | | | | | | | | Hiện trạng dự kiến loại bỏ trong kỳ quy hoạch | | | |
| | | | | | | nam | Integer | Bắt buộc | Năm cập nhật | | | |
| | | | | | | nguon | CharacterString | Bắt buộc | Nguồn gốc dữ liệu | | | |
| 11 | | QQ02 | Định hướng khu vực thăm dò khoáng sản | Là khu vực thăm dò khoáng sản được định hướng đầu tư phát triển trong quy hoạch | DinhHuongKhuVucThamDoKhoangSan | maDoiTuong | CharacterString | Bắt buộc | Mã đối tượng | | | GM_Point hoặc GM_Polygon |
| | | | | | | ten | CharacterString | Bắt buộc | Tên khu vực thăm dò khoáng sản | | | |
| | | | | | | diaDiem | CharacterString | Có thể Null | Địa điểm dự kiến của khu vực thăm dò khoáng sản chi tiết đến đơn vị hành chính cấp huyện | | | |
| | | | | | | phanLoai | CharacterString | Có thể Null | Khoáng sản làm vật liệu xây dựng | | | |
| | | | | | | | | | Khoáng sản khác | | | |
| | | | | | | loaiKhoangSan | CharacterString | Bắt buộc | Tên loại khoáng sản | | | |
| | | | | | | capQuanLy | CharacterString | Có thể Null | Cấp quản lý bao gồm: Trung ương; Cấp tỉnh | | | |
| | | | | | | dienTich | Real | Có thể Null | Diện tích dự kiến của khu vực thăm dò khoáng sản (ha) | | | |
| | | | | | | loaiQuyHoach | CharacterString | Bắt buộc | Quy hoạch mới | | | |
| | | | | | | | | | Quy hoạch trên cơ sở điều chỉnh hiện trạng | | | |
| | | | | | | quyHoachBatDau | Date | Bắt buộc | Ngày quy hoạch được quyết định hoặc phê duyệt | | | |
| | | | | | | quyHoachKetThuc | Date | Bắt buộc | Ngày cuối cùng của thời kỳ quy hoạch | | | |
| | | | | | | nguon | CharacterString | Có thể Null | Nguồn gốc dữ liệu | | | |
| 12 | QH08 | | Hiện trạng khu vực khai thác khoáng sản đã cấp phép* | Là khu vực thăm dò khoáng sản đã cấp phép được phân tích, đánh giá trong quy hoạch | HienTrangKhuVucKhaiThacKhoangSan | maDoiTuong | CharacterString | Bắt buộc | Mã đối tượng | | | GM_Point hoặc GM_Polygon |
| | | | | | | ten | CharacterString | Bắt buộc | Tên mỏ khoáng sản đã cấp phép khai thác | | | |
| | | | | | | phanLoai | CharacterString | Có thể Null | Khoáng sản làm vật liệu xây dựng | | | |
| | | | | | | | | | Khoáng sản khác | | | |
| | | | | | | capQuanLy | CharacterString | Có thể Null | Cấp quản lý bao gồm: Trung ương, địa phương. | | | |
| | | | | | | loaiKhoangSan | CharacterString | Bắt buộc | Tên loại khoáng sản | | | |
| | | | | | | dienTich | Real | Có thể Null | Diện tích mỏ khoáng sản (ha) | | | |

| TT | Kiểu đối tượng địa lý | | | | Tên lớp/nhóm lớp | Trường thuộc tính | Kiểu dữ liệu thuộc tính | Yêu cầu | Tên (nhãn)/Mô tả thuộc tính | Phạm vi áp dụng và kiểu dữ liệu hình học | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Mã tên kiểu đối tượng | | Tên | Mô tả | | | | | | Quy hoạch tổng thể quốc gia | Quy hoạch vùng | Quy hoạch tỉnh |
| | Dữ liệu hiện trạng | Dữ liệu định hướng phát triển | | | | | | | | | | |
| | | | | | | truLuongCapPhep | Integer | Có thể Null | Trữ lượng khoáng sản được cấp phép khai thác | | | |
| | | | | | | truLuongKhaiThac | Integer | Có thể Null | Trữ lượng khoáng sản đã khai thác. | | | |
| | | | | | | donViTinh | CharacterString | Có thể Null | Đơn vị tính của trữ lượng cấp phép, khai thác khoáng sản | | | |
| | | | | | | thoiHan | Integer | Có thể Null | Năm hết thời hạn khai thác khoáng sản được cấp phép | | | |
| | | | | | | loaiHienTrang | CharacterString | Bắt buộc | Hiện trạng được giữ nguyên | | | |
| | | | | | | | | | Hiện trạng dự kiến điều chỉnh trong kỳ quy hoạch | | | |
| | | | | | | | | | Hiện trạng dự kiến loại bỏ trong kỳ quy hoạch | | | |
| | | | | | | nam | Integer | Bắt buộc | Năm cập nhật | | | |
| | | | | | | nguon | CharacterString | Bắt buộc | Nguồn gốc dữ liệu | | | |
| 13 | | QQ03 | Định hướng khu vực khai thác khoáng sản | Là khu vực khai thác khoáng sản được định hướng trong quy hoạch | DinhHuongPhatTrienKhuVucKhaiThacKhoangSan | maDoiTuong | CharacterString | Bắt buộc | Mã đối tượng | | | GM_Point hoặc GM_Polygon |
| | | | | | | ten | CharacterString | Bắt buộc | Tên mỏ khoáng sản đã cấp phép khai thác | | | |
| | | | | | | phanLoai | CharacterString | Có thể Null | Khoáng sản làm vật liệu xây dựng | | | |
| | | | | | | | | | Khoáng sản khác | | | |
| | | | | | | loaiKhoangSan | CharacterString | Bắt buộc | Tên loại khoáng sản | | | |
| | | | | | | dienTich | Real | Có thể Null | Diện tích mỏ khoáng sản (ha) | | | |
| | | | | | | truLuong | Integer | Có thể Null | Trữ lượng khoáng sản dự kiến khai thác | | | |
| | | | | | | donViTinh | CharacterString | Có thể Null | Đơn vị tính của trữ lượng khoáng sản dự kiến khai thác | | | |
| | | | | | | loaiQuyHoach | CharacterString | Bắt buộc | Quy hoạch mới | | | |
| | | | | | | | | | Quy hoạch trên cơ sở điều chỉnh hiện trạng | | | |
| | | | | | | quyHoachBatDau | Date | Bắt buộc | Ngày quy hoạch được quyết định hoặc phê duyệt | | | |
| | | | | | | quyHoachKetThuc | Date | Bắt buộc | Ngày cuối cùng của thời kỳ quy hoạch | | | |
| | | | | | | nguon | CharacterString | Có thể Null | Nguồn gốc dữ liệu | | | |
| 14 | | QQ04 | Định hướng phân vùng bảo vệ | Là vùng bảo vệ nghiêm ngặt trong phân vùng môi trường được xác định trong quy hoạch | DinhHuongPhatTrienVungBaoVeNghiemNgat | maDoiTuong | CharacterString | Bắt buộc | Mã đối tượng | GM_ Point hoặc GM_Polygon | | GM_Polygon |
| | | | | | | ten | CharacterString | Bắt buộc | Tên vùng bảo vệ nghiêm ngặt | | | |
| | | | | | | phanLoai | CharacterString | Có thể Null | Khu tập chung dân cư nội thành, nội thị của các đô thị đặc biệt, loại I, loại II, loại III | | | |

| TT | Kiểu đối tượng địa lý | | | | Tên lớp/nhóm lớp | Trường thuộc tính | Kiểu dữ liệu thuộc tính | Yêu cầu | Tên (nhãn)/Mô tả thuộc tính | Phạm vi áp dụng và kiểu dữ liệu hình học | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Mã tên kiểu đối tượng | | Tên | Mô tả | | | | | | Quy hoạch tổng thể quốc gia | Quy hoạch vùng | Quy hoạch tỉnh |
| | Dữ liệu hiện trạng | Dữ liệu định hướng phát triển | | | | | | | | | | |
| | | | nghiêm ngặt | | | | | | Nguồn nước mặt được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt | | | |
| | | | | | | | | | Khu bảo tồn thiên nhiên trên cạn | | | |
| | | | | | | | | | Khu bảo tồn biển | | | |
| | | | | | | | | | Vùng lõi di sản thiên nhiên | | | |
| | | | | | | quyHoachBatDau | Date | Bắt buộc | Ngày quy hoạch được quyết định hoặc phê duyệt | | | |
| | | | | | | quyHoachKetThuc | Date | Bắt buộc | Ngày cuối cùng của thời kỳ quy hoạch | | | |
| | | | | | | nguon | CharacterString | Có thể Null | Nguồn gốc dữ liệu | | | |
| 15 | | QQ05 | Định hướng phân vùng hạn chế phát thải | | DinhHuongPhatTrienVungHanChePhatThai | maDoiTuong | CharacterString | Bắt buộc | Mã đối tượng | GM_ Point hoặc GM_Polygon | | GM_Polygon |
| | | | | | | ten | CharacterString | Bắt buộc | Tên vùng hạn chế phát thải | | | |
| | | | | | | phanLoai | CharacterString | Có thể Null | Vùng đệm của các vùng bảo vệ nghiêm ngặt | | | |
| | | | | | | | | | Vùng đất ngập nước quan trọng | | | |
| | | | | | | | | | Hành lang bảo vệ nguồn nước mặt được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt | | | |
| | | | | | | | | | Khu dân cư tập trung là nội thành, nội thị của các đô thị loại IV, loại V | | | |
| | | | | | | | | | Khu vui chơi giải trí dưới nước | | | |
| | | | | | | | | | Khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản | | | |
| | | | | | | | | | Khu vực có yếu tố nhạy cảm về môi trường (khu dân cư tập trung; nguồn nước được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt; các loại rừng; di sản văn hóa vật thể, di sản thiên nhiên khác; đất trồng lúa nước từ 02 vụ trở lên; vùng đất ngập nước quan trọng...). | | | |
| | | | | | | quyHoachBatDau | Date | Bắt buộc | Ngày quy hoạch được quyết định hoặc phê duyệt | | | |
| | | | | | | quyHoachKetThuc | Date | Bắt buộc | Ngày cuối cùng của thời kỳ quy hoạch | | | |
| | | | | | | nguon | CharacterString | Có thể Null | Nguồn gốc dữ liệu | | | |
| 16 | QH09 | | Hiện trạng sử dụng đất của vùng | Là hiện trạng sử dụng đất của vùng trên cơ sở tổng hợp, khái quát hiện trạng | HienTrangSuDungDatVung | maDoiTuong | CharacterString | Bắt buộc | Mã đối tượng | | GM_Polygon | |
| | | | | | | maLoaiDat | CharacterString | Bắt buộc | Mã loại đất theo quy định của pháp luật về quy hoạch, pháp luật về đất đai | | | |
| | | | | | | nam | Integer | Bắt buộc | Năm cập nhật | | | |

| TT | Kiểu đối tượng địa lý | | | | Tên lớp/nhóm lớp | Trường thuộc tính | Kiểu dữ liệu thuộc tính | Yêu cầu | Tên (nhãn)/Mô tả thuộc tính | Phạm vi áp dụng và kiểu dữ liệu hình học | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Mã tên kiểu đối tượng | | Tên | Mô tả | | | | | | Quy hoạch tổng thể quốc gia | Quy hoạch vùng | Quy hoạch tỉnh |
| | Dữ liệu hiện trạng | Dữ liệu định hướng phát triển | | | | | | | | | | |
| | | | | sử dụng đất của các đơn vị hành chính cấp tỉnh | | nguon | CharacterString | Bắt buộc | Nguồn gốc dữ liệu | | | |
| 17 | QH10 | | Hiện trạng sử dụng đất cấp tỉnh | Là hiện trạng sử dụng đất cấp tỉnh được phân tích, đánh giá trong quy hoạch. | HienTrangSuDungDatCapTinh | maDoiTuong | CharacterString | Bắt buộc | Mã đối tượng | | | GM_Polygon hoặc GM_Point |
| | | | | | | maLoaiDat | CharacterString | Bắt buộc | Mã loại đất theo hiện trạng sử dụng đất cấp tỉnh tuân thủ quy định của pháp luật về quy hoạch, pháp luật về đất đai | | | |
| | | | | | | nam | Integer | Bắt buộc | Năm cập nhật | | | |
| | | | | | | nguon | CharacterString | Bắt buộc | Nguồn gốc dữ liệu | | | |
| 18 | | QQ06 | Phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai theo loại đất cấp tỉnh | Là phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai theo loại đất đến từng đơn vị hành chính cấp huyện trong quy hoạch tỉnh | PhuongAnPhanBoKhoanhVungDatDai | maDoiTuong | CharacterString | Bắt buộc | Mã đối tượng | | | GM_Polygon hoặc GM_Point |
| | | | | | | tenVung | CharacterString | Bắt buộc | Tên khoanh vùng đất đai | | | |
| | | | | | | maLoaiDat | CharacterString | Bắt buộc | Mã mục đích sử dụng đất của từng khoanh vùng đất đai theo loại đất tuân thủ quy định của pháp luật về quy hoạch pháp luật về đất đai. | | | |
| | | | | | | quyHoachBatDau | Date | Bắt buộc | Ngày quy hoạch được quyết định hoặc phê duyệt | | | |
| | | | | | | quyHoachKetThuc | Date | Bắt buộc | Ngày cuối cùng của thời kỳ quy hoạch | | | |
| | | | | | | nguon | CharacterString | Có thể Null | Nguồn gốc dữ liệu | | | |
| 19 | QH11 | | Hiện trạng đất khu chức năng cấp tỉnh* | Là hiện trạng đất khu chức năng được phân tích, đánh giá trong quy hoạch tỉnh. | HienTrangDatKhuChucNang | maDoiTuong | CharacterString | Bắt buộc | Mã đối tượng | | | GM_Point hoặc GM_Polygon |
| | | | | | | tenKhuChucNang | CharacterString | Bắt buộc | Tên khu chức năng | | | |
| | | | | | | maLoaiDat | CharacterString | Bắt buộc | Mã loại đất khu chức năng tuân thủ quy định của pháp luật về quy hoạch, pháp luật về đất đai | | | |
| | | | | | | nam | Integer | Bắt buộc | Năm cập nhật | | | |
| | | | | | | nguon | CharacterString | Bắt buộc | Nguồn gốc dữ liệu | | | |
| 20 | | QQ07 | Phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai theo khu chức năng cấp tỉnh* | Là phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai theo khu chức năng được xác định trong quy hoạch tỉnh. | PhuongAnPhanBoKhoanhVungDatDaiTheoKhuChucNang | maDoiTuong | CharacterString | Bắt buộc | Mã đối tượng | | | GM_Point hoặc GM_Polygon |
| | | | | | | tenKhuChucNang | CharacterString | Bắt buộc | Tên khu chức năng | | | |
| | | | | | | maLoaiDat | CharacterString | Bắt buộc | Mã loại đất khu chức năng tuân thủ quy định của pháp luật về quy hoạch, pháp luật về đất đai | | | |
| | | | | | | quyHoachBatDau | Date | Bắt buộc | Ngày quy hoạch được quyết định hoặc phê duyệt | | | |
| | | | | | | quyHoachKetThuc | Date | Bắt buộc | Ngày cuối cùng của thời kỳ quy hoạch | | | |
| | | | | | | nguon | CharacterString | Có thể Null | Nguồn gốc dữ liệu | | | |

| TT | Kiểu đối tượng địa lý | | | | Tên lớp/nhóm lớp | Trường thuộc tính | Kiểu dữ liệu thuộc tính | Yêu cầu | Tên (nhãn)/Mô tả thuộc tính | Phạm vi áp dụng và kiểu dữ liệu hình học | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Mã tên kiểu đối tượng | | Tên | Mô tả | | | | | | Quy hoạch tổng thể quốc gia | Quy hoạch vùng | Quy hoạch tỉnh |
| | Dữ liệu hiện trạng | Dữ liệu định hướng phát triển | | | | | | | | | | |
| 21 | QH12 | | Hiện trạng khu vực đa dạng sinh học cao* | Là khu vực đa dạng sinh học cao hiện trạng được phân tích, đánh giá trong quy hoạch.<br>- Đối với quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng: thể hiện khu vực bảo tồn đa dạng sinh học cao có ý nghĩa quan trọng của quốc gia, quốc tế có phạm vi liên tỉnh trở lên.<br>- Quy hoạch tỉnh: Thể hiện khu vực bảo tồn đa dạng sinh học trên địa bàn tỉnh. | HienTrangKhuVucDaDangSinhHocCao | maDoiTuong | CharacterString | Bắt buộc | Mã đối tượng | GM_Point hoặc GM_Polygon | GM_Point hoặc GM_ Polygon | GM_Point hoặc GM_ Polygon |
| | | | | | | ten | CharacterString | Bắt buộc | Tên khu vực đa dạng sinh học cao | | | |
| | | | | | | diaDiem | CharacterString | Bắt buộc | Địa điểm của khu vực đa dạng sinh học cao.<br>- Đối với quy hoạch vùng: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp tỉnh.<br>- Đối với quy hoạch tỉnh: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp huyện. | | | |
| | | | | | | giaTriSinhHocDienHinh | CharacterString | Có thể Null | Giá trị sinh học điển hình của khu vực đa dạng sinh học cao. | | | |
| | | | | | | capQuanLy | CharacterString | Bắt buộc | Cấp quản lý khu vực đa dạng sinh học cao bao gồm: Trung ương; Địa phương | | | |
| | | | | | | loaiHienTrang | CharacterString | Bắt buộc | Hiện trạng được giữ nguyên | | | |
| | | | | | | | | | Hiện trạng dự kiến điều chỉnh trong kỳ quy hoạch | | | |
| | | | | | | | | | Hiện trạng dự kiến loại bỏ trong kỳ quy hoạch | | | |
| | | | | | | nam | Integer | Bắt buộc | Năm cập nhật | | | |
| | | | | | | nguon | CharacterString | Bắt buộc | Nguồn gốc dữ liệu | | | |
| 22 | | QQ08 | Định hướng phát triển khu vực đa dạng sinh học cao* | Là khu vực đa dạng sinh học cao hiện trạng được phân tích, đánh giá trong quy hoạch.<br>- Đối với quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng: thể hiện khu vực bảo tồn đa dạng sinh học cao có ý nghĩa quan trọng của quốc gia, quốc tế có phạm vi liên tỉnh trở lên.<br>- Quy hoạch tỉnh: thể hiện khu vực bảo tồn đa dạng sinh học trên địa bàn tỉnh | DinhHuongKhuVucDaDangSinhHocCao | maDoiTuong | CharacterString | Bắt buộc | Mã đối tượng | GM_Point hoặc GM_Polygon | GM_Point hoặc GM_Polygon | GM_Point hoặc GM_Polygon |
| | | | | | | ten | CharacterString | Bắt buộc | Tên khu vực đa dạng sinh học cao | | | |
| | | | | | | diaDiem | CharacterString | Có thể Null | Địa điểm dự kiến của khu vực đa dạng sinh học cao.<br>- Đối với quy hoạch vùng: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp tỉnh.<br>- Đối với quy hoạch tỉnh: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp huyện. | | | |
| | | | | | | giaTriSinhHocDienHinh | CharacterString | Có thể Null | Giá trị sinh học điển hình của khu vực | | | |
| | | | | | | capQuanLy | CharacterString | Có thể Null | Cấp quản lý khu vực đa dạng sinh học cao bao gồm: Trung ương; Cấp tỉnh | | | |
| | | | | | | loaiQuyHoach | CharacterString | Bắt buộc | Quy hoạch mới | | | |
| | | | | | | | | | Quy hoạch trên cơ sở điều chỉnh hiện trạng | | | |
| | | | | | | quyHoachBatDau | Date | Bắt buộc | Ngày quy hoạch được quyết định hoặc phê duyệt | | | |
| | | | | | | quyHoachKetThuc | Date | Bắt buộc | Ngày cuối cùng của thời kỳ quy hoạch | | | |
| | | | | | | nguon | CharacterString | Có thể Null | Nguồn gốc dữ liệu | | | |

| TT | Kiểu đối tượng địa lý | | | | Tên lớp/nhóm lớp | Trường thuộc tính | Kiểu dữ liệu thuộc tính | Yêu cầu | Tên (nhãn)/Mô tả thuộc tính | Phạm vi áp dụng và kiểu dữ liệu hình học | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Mã tên kiểu đối tượng | | Tên | Mô tả | | | | | | Quy hoạch tổng thể quốc gia | Quy hoạch vùng | Quy hoạch tỉnh |
| | Dữ liệu hiện trạng | Dữ liệu định hướng phát triển | | | | | | | | | | |
| 23 | QH13 | | Hiện trạng vùng đất ngập nước quan trọng* | Là vùng đất ngập nước quan trọng hiện trạng được phân tích, đánh giá trong quy hoạch.<br>- Đối với quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng: thể hiện vùng đất ngập nước quan trọng của quốc gia, quốc tế có phạm vi liên tỉnh trở lên.<br>- Đối với quy hoạch tỉnh: thể hiện vùng đất ngập nước quan trọng trên địa bàn tỉnh. | HienTrangVungDatNgapNuocQuanTrong | maDoiTuong | CharacterString | Bắt buộc | Mã đối tượng | GM_Point hoặc GM_Polygon | GM_Point hoặc GM_Polygon | GM_Point hoặc GM_Polygon |
| | | | | | | ten | CharacterString | Bắt buộc | Tên vùng đất ngập nước quan trọng | | | |
| | | | | | | diaDiem | CharacterString | Có thể Null | Địa điểm của vùng đất ngập nước quan trọng.<br>- Đối với quy hoạch vùng: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp tỉnh;<br>- Đối với quy hoạch tỉnh: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp huyện | | | |
| | | | | | | capQuanLy | CharacterString | Có thể Null | Cấp quản lý khu vực đa dạng sinh học cao bao gồm: Trung ương; Địa phương | | | |
| | | | | | | loaiHienTrang | CharacterString | Bắt buộc | Hiện trạng được giữ nguyên | | | |
| | | | | | | | | | Hiện trạng dự kiến điều chỉnh trong kỳ quy hoạch | | | |
| | | | | | | | | | Hiện trạng dự kiến loại bỏ trong kỳ quy hoạch | | | |
| | | | | | | nam | Integer | Bắt buộc | Năm cập nhật | | | |
| | | | | | | nguon | CharacterString | Bắt buộc | Nguồn gốc dữ liệu | | | |
| 24 | | QQ09 | Định hướng bảo tồn vùng đất ngập nước quan trọng* | Là vùng đất ngập nước quan trọng được định hướng bảo tồn trong quy hoạch.<br>- Đối với quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng: thể hiện vùng đất ngập nước quan trọng của quốc gia, quốc tế có phạm vi liên tỉnh trở lên.<br>- Đối với quy hoạch tỉnh: thể hiện vùng đất ngập nước quan trọng trên địa bàn tỉnh. | DinhHuongVungDatNgapNuocQuanTrong | maDoiTuong | CharacterString | Bắt buộc | Mã đối tượng | GM_Point hoặc GM_Polygon | GM_Point hoặc GM_Polygon | GM_Point hoặc GM_Polygon |
| | | | | | | ten | CharacterString | Bắt buộc | Tên vùng đất ngập nước quan trọng | | | |
| | | | | | | diaDiem | CharacterString | Có thể Null | Địa điểm dự kiến của vùng đất ngập nước quan trọng.<br>- Đối với quy hoạch vùng: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp tỉnh;<br>- Đối với quy hoạch tỉnh: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp huyện. | | | |
| | | | | | | capQuanLy | CharacterString | Có thể Null | Cấp quản lý khu vực đa dạng sinh học cao bao gồm: Trung ương; Cấp tỉnh | | | |
| | | | | | | loaiQuyHoach | CharacterString | Bắt buộc | Quy hoạch mới | | | |
| | | | | | | | | | Quy hoạch trên cơ sở điều chỉnh hiện trạng | | | |
| | | | | | | quyHoachBatDau | Date | Bắt buộc | Ngày quy hoạch được quyết định hoặc phê duyệt | | | |
| | | | | | | quyHoachKetThuc | Date | Bắt buộc | Ngày cuối cùng của thời kỳ quy hoạch | | | |
| | | | | | | nguon | CharacterString | Có thể Null | Nguồn gốc dữ liệu | | | |

| TT | Kiểu đối tượng địa lý | | | | Tên lớp/nhóm lớp | Trường thuộc tính | Kiểu dữ liệu thuộc tính | Yêu cầu | Tên (nhãn)/Mô tả thuộc tính | Phạm vi áp dụng và kiểu dữ liệu hình học | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Mã tên kiểu đối tượng | | Tên | Mô tả | | | | | | Quy hoạch tổng thể quốc gia | Quy hoạch vùng | Quy hoạch tỉnh |
| | Dữ liệu hiện trạng | Dữ liệu định hướng phát triển | | | | | | | | | | |
| 25 | QH14 | | Hiện trạng khu vực cảnh quan sinh thái quan trọng, cảnh quan thiên nhiên quan trọng* | Là khu vực cảnh quan sinh thái quan trọng, cảnh quan thiên nhiên quan trọng hiện trạng được phân tích, đánh giá trong quy hoạch.<br>- Đối với quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng: thể hiện khu vực cảnh quan sinh thái quan trọng, cảnh quan thiên nhiên quan trọng của quốc gia, quốc tế, phạm vi liên tỉnh trở lên.<br>- Đối với quy hoạch tỉnh: thể hiện khu vực cảnh quan sinh thái quan trọng, cảnh quan thiên nhiên quan trọng của địa phương, quốc gia, quốc tế trên địa bàn tỉnh. | HienTrangKhuVucCanhQuanSinhThaiQuanTrong | maDoiTuong | CharacterString | Bắt buộc | Mã đối tượng | GM_Point hoặc GM_Polygon | GM_Point hoặc GM_Polygon | GM_Point hoặc GM_Polygon |
| | | | | | | ten | CharacterString | Bắt buộc | Tên khu vực cảnh quan sinh thái quan trọng, cảnh quan thiên nhiên quan trọng | | | |
| | | | | | | diaDiem | CharacterString | Có thể Null | Địa điểm của khu vực cảnh quan sinh thái quan trọng, cảnh quan thiên nhiên quan trọng.<br>- Đối với quy hoạch vùng: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp tỉnh.<br>- Đối với quy hoạch tỉnh: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp huyện | | | |
| | | | | | | capQuanLy | CharacterString | Có thể Null | Cấp quản lý khu vực đa dạng sinh học cao bao gồm: Trung ương; Địa phương | | | |
| | | | | | | loaiHienTrang | CharacterString | Bắt buộc | Hiện trạng được giữ nguyên | | | |
| | | | | | | | | | Hiện trạng dự kiến điều chỉnh trong kỳ quy hoạch | | | |
| | | | | | | | | | Hiện trạng dự kiến loại bỏ trong kỳ quy hoạch | | | |
| | | | | | | nam | Integer | Bắt buộc | Năm cập nhật | | | |
| | | | | | | nguon | CharacterString | Bắt buộc | Nguồn gốc dữ liệu | | | |
| 26 | | QQ10 | Định hướng bảo tồn khu vực cảnh quan sinh thái quan trọng, cảnh quan thiên nhiên quan trọng* | | DinhHuongKhuVucCanhQuanSinhThaiQuanTrong | maDoiTuong | CharacterString | Bắt buộc | Mã đối tượng | GM_Point hoặc GM_Polygon | GM_Point hoặc GM_Polygon | GM_Point hoặc GM_Polygon |
| | | | | | | ten | CharacterString | Bắt buộc | Tên khu vực cảnh quan sinh thái quan trọng, cảnh quan thiên nhiên quan trọng | | | |
| | | | | | | diaDiem | CharacterString | Có thể Null | Địa điểm của khu vực cảnh quan sinh thái quan trọng, cảnh quan thiên nhiên quan trọng chi tiết đến đơn vị hành chính cấp huyện | | | |
| | | | | | | loaiQuyHoach | CharacterString | Bắt buộc | Quy hoạch mới | | | |
| | | | | | | | | | Quy hoạch trên cơ sở điều chỉnh hiện trạng | | | |
| | | | | | | quyHoachBatDau | Date | Bắt buộc | Ngày quy hoạch được quyết định hoặc phê duyệt | | | |

| TT | Kiểu đối tượng địa lý | | | | Tên lớp/nhóm lớp | Trường thuộc tính | Kiểu dữ liệu thuộc tính | Yêu cầu | Tên (nhãn)/Mô tả thuộc tính | Phạm vi áp dụng và kiểu dữ liệu hình học | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Mã tên kiểu đối tượng | | Tên | Mô tả | | | | | | Quy hoạch tổng thể quốc gia | Quy hoạch vùng | Quy hoạch tỉnh |
| | Dữ liệu hiện trạng | Dữ liệu định hướng phát triển | | | | | | | | | | |
| | | | | Là khu vực cảnh quan sinh thái quan trọng, cảnh quan thiên nhiên quan trọng được định hướng bảo tồn trong quy hoạch.<br>- Đối với quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng: thể hiện khu vực cảnh quan sinh thái quan trọng, cảnh quan thiên nhiên quan trọng của quốc gia, quốc tế, phạm vi liên tỉnh trở lên.<br>- Đối với quy hoạch tỉnh: thể hiện khu vực cảnh quan sinh thái quan trọng, cảnh quan thiên nhiên quan trọng của địa phương, quốc gia, quốc tế trên địa bàn tỉnh. | | quyHoachKetThuc | Date | Bắt buộc | Ngày cuối cùng của thời kỳ quy hoạch | | | |
| | | | | | | nguon | CharacterString | Có thể Null | Nguồn gốc dữ liệu | | | |
| 27 | QH15 | | Hiện trạng hành lang đa dạng sinh học* | Là hành lang đa dạng sinh học hiện trạng được phân tích, đánh giá trong quy hoạch.<br>- Đối với quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng: Thể hiện hành lang đa dạng sinh học liên tỉnh trở lên. | HienTrangHanhLangDaDangSinhHoc | maDoiTuong | CharacterString | Bắt buộc | Mã đối tượng | GM_Point hoặc GM_Polygon | GM_ Polygon hoặc GM_Polyline | GM_ Polygon hoặc GM_Polyline |
| | | | | | | ten | CharacterString | Bắt buộc | Tên hành lang đa dạng sinh học | | | |
| | | | | | | loaiHienTrang | CharacterString | Bắt buộc | Hiện trạng được giữ nguyên | | | |
| | | | | | | | | | Hiện trạng dự kiến điều chỉnh trong kỳ quy hoạch | | | |
| | | | | | | | | | Hiện trạng dự kiến loại bỏ trong kỳ quy hoạch | | | |
| | | | | | | nam | Integer | Bắt buộc | Năm cập nhật | | | |
| | | | | | | nguon | CharacterString | Bắt buộc | Nguồn gốc dữ liệu | | | |

| TT | Kiểu đối tượng địa lý | | | | Tên lớp/nhóm lớp | Trường thuộc tính | Kiểu dữ liệu thuộc tính | Yêu cầu | Tên (nhãn)/Mô tả thuộc tính | Phạm vi áp dụng và kiểu dữ liệu hình học | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Mã tên kiểu đối tượng | | Tên | Mô tả | | | | | | Quy hoạch tổng thể quốc gia | Quy hoạch vùng | Quy hoạch tỉnh |
| | Dữ liệu hiện trạng | Dữ liệu định hướng phát triển | | | | | | | | | | |
| | | | | - Đối với quy hoạch tỉnh: Thể hiện hành lang đa dạng sinh học cấp tỉnh, liên huyện trở lên. | | | | | | | | |
| 28 | | QQ11 | Định hướng bảo tồn hành lang đa dạng sinh học | Là hành lang đa dạng sinh học được định hướng bảo tồn trong quy hoạch.<br>- Đối với quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng: Thể hiện hành lang đa dạng sinh học liên vùng, liên tỉnh trở lên.<br>- Đối với quy hoạch tỉnh: Thể hiện hành lang đa dạng sinh học cấp tỉnh, liên huyện trở lên. | DinhHuongHanhLangDaDangSinhHoc | maDoiTuong | CharacterString | Bắt buộc | Tên hành lang đa dạng sinh học | GM_Point hoặc GM_Polygon | GM_ Polygon hoặc GM_Polyline | GM_ Polygon hoặc GM_Polyline |
| | | | | | | ten | CharacterString | Bắt buộc | Địa điểm của hành lang đa dạng sinh học | | | |
| | | | | | | loaiQuyHoach | CharacterString | Bắt buộc | Quy hoạch mới | | | |
| | | | | | | | | | Quy hoạch trên cơ sở điều chỉnh hiện trạng | | | |
| | | | | | | quyHoachBatDau | Date | Bắt buộc | Ngày quy hoạch được quyết định hoặc phê duyệt | | | |
| | | | | | | quyHoachKetThuc | Date | Bắt buộc | Ngày cuối cùng của thời kỳ quy hoạch | | | |
| | | | | | | nguon | CharacterString | Có thể Null | Nguồn gốc dữ liệu | | | |
| 29 | QH16 | | Hiện trạng khu bảo tồn thiên nhiên | Là khu bảo tồn thiên nhiên hiện trạng được phân tích, đánh giá trong quy hoạch.<br>- Đối với quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng: Thể hiện khu bảo tồn thiên nhiên cấp quốc gia.<br>- Đối với quy hoạch tỉnh: Thể hiện khu bảo tồn thiên nhiên cấp quốc gia, cấp tỉnh. | HienTrangKhuBaoTonThienNhien | maDoiTuong | CharacterString | Bắt buộc | Mã đối tượng | GM_Point hoặc GM_Polygon | GM_Point hoặc GM_Polygon | GM_Point hoặc GM_Polygon |
| | | | | | | ten | CharacterString | Bắt buộc | Tên khu bảo tồn thiên nhiên | | | |
| | | | | | | diaDiem | CharacterString | Có thể Null | Tên địa điểm của khu bảo tồn thiên nhiên.<br>- Đối với quy hoạch tổng thể quốc gia quy hoạch vùng: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp tỉnh.<br>- Đối với quy hoạch tỉnh: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp huyện | | | |
| | | | | | | phanLoai | CharacterString | Có thể Null | Phân loại khu bảo tồn thiên nhiên bao gồm: Vườn quốc gia; Khu dự trữ thiên nhiên; Khu bảo tồn loài - sinh cảnh; Khu bảo vệ cảnh quan. | | | |
| | | | | | | phanCap | CharacterString | Có thể Null | Phân cấp khu bảo tồn thiên nhiên bao gồm: Cấp quốc gia; Cấp tỉnh. | | | |
| | | | | | | loaiHienTrang | CharacterString | Bắt buộc | Hiện trạng được giữ nguyên | | | |

| TT | Kiểu đối tượng địa lý | | | | Tên lớp/nhóm lớp | Trường thuộc tính | Kiểu dữ liệu thuộc tính | Yêu cầu | Tên (nhãn)/Mô tả thuộc tính | Phạm vi áp dụng và kiểu dữ liệu hình học | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Mã tên kiểu đối tượng | | Tên | Mô tả | | | | | | Quy hoạch tổng thể quốc gia | Quy hoạch vùng | Quy hoạch tỉnh |
| | Dữ liệu hiện trạng | Dữ liệu định hướng phát triển | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | Hiện trạng dự kiến điều chỉnh trong kỳ quy hoạch | | | |
| | | | | | | | | | Hiện trạng dự kiến loại bỏ trong kỳ quy hoạch | | | |
| | | | | | | nam | Integer | Bắt buộc | Năm cập nhật | | | |
| | | | | | | nguon | CharacterString | Bắt buộc | Nguồn gốc dữ liệu | | | |
| 30 | | QQ12 | Định hướng phát triển khu bảo tồn thiên nhiên | Là khu bảo tồn thiên nhiên được định hướng phát triển quy hoạch.<br>- Đối với quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng: Thể hiện khu bảo tồn thiên nhiên cấp quốc gia.<br>- Đối với quy hoạch tỉnh: Thể hiện khu bảo tồn thiên nhiên cấp quốc gia, cấp tỉnh. | DinhHuongPhatTrienKhuBaoTonThienNhien | maDoiTuong | CharacterString | Bắt buộc | Mã đối tượng | GM_Point hoặc GM_Polygon | GM_Point hoặc GM_Polygon | GM_Point hoặc GM_Polygon |
| | | | | | | ten | CharacterString | Bắt buộc | Tên khu bảo tồn thiên nhiên | | | |
| | | | | | | diaDiem | CharacterString | Bắt buộc | Địa điểm của khu bảo tồn thiên nhiên.<br>- Đối với quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp tỉnh.<br>- Đối với quy hoạch tỉnh: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp huyện | | | |
| | | | | | | phanLoai | CharacterString | Có thể Null | Phân loại khu bảo tồn thiên nhiên bao gồm: Vườn quốc gia; Khu dự trữ thiên nhiên; Khu bảo tồn loài - sinh cảnh; Khu bảo vệ cảnh quan. | | | |
| | | | | | | phanCap | CharacterString | Có thể Null | Phân cấp khu bảo tồn thiên nhiên bao gồm: Cấp quốc gia; Cấp tỉnh. | | | |
| | | | | | | loaiQuyHoach | CharacterString | Bắt buộc | Quy hoạch mới | | | |
| | | | | | | | | | Quy hoạch trên cơ sở điều chỉnh hiện trạng | | | |
| | | | | | | quyHoachBatDau | Date | Bắt buộc | Ngày quy hoạch được quyết định hoặc phê duyệt | | | |
| | | | | | | quyHoachKetThuc | Date | Bắt buộc | Ngày cuối cùng của thời kỳ quy hoạch | | | |
| | | | | | | nguon | CharacterString | Có thể Null | Nguồn gốc dữ liệu | | | |
| 31 | QH17 | | Hiện trạng cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học* | Là cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học hiện trạng được phân tích, đánh giá trong quy hoạch. | HienTrangCoSoBaoTonDaDangSinhHoc | maDoiTuong | CharacterString | Bắt buộc | Mã đối tượng | | | GM_Point hoặc GM_Polygon |
| | | | | | | ten | CharacterString | Bắt buộc | Tên cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học | | | |
| | | | | | | diaDiem | CharacterString | Có thể Null | Địa điểm của cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học chi tiết đến đơn vị hành chính cấp huyện | | | |
| | | | | | | phanLoai | CharacterString | Có thể Null | Cơ sở nuôi, trồng loài thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ | | | |
| | | | | | | | | | Cơ sở cứu hộ loài hoang dã | | | |

| TT | Kiểu đối tượng địa lý | | | | Tên lớp/nhóm lớp | Trường thuộc tính | Kiểu dữ liệu thuộc tính | Yêu cầu | Tên (nhãn)/Mô tả thuộc tính | Phạm vi áp dụng và kiểu dữ liệu hình học | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Mã tên kiểu đối tượng | | Tên | Mô tả | | | | | | Quy hoạch tổng thể quốc gia | Quy hoạch vùng | Quy hoạch tỉnh |
| | Dữ liệu hiện trạng | Dữ liệu định hướng phát triển | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | Cơ sở lưu giữ giống cây trồng, vật nuôi, vi sinh vật và nấm đặc hữu, nguy cấp, quý, hiếm có giá trị đặc biệt về khoa học, y tế, kinh tế, sinh thái, cảnh quan, môi trường hoặc văn hóa - lịch sử; cơ sở lưu giữ, bảo quản nguồn gen và mẫu vật di truyền | | | |
| | | | | | | loaiHienTrang | CharacterString | Bắt buộc | Hiện trạng được giữ nguyên | | | |
| | | | | | | | | | Hiện trạng dự kiến điều chỉnh trong kỳ quy hoạch | | | |
| | | | | | | | | | Hiện trạng dự kiến loại bỏ trong kỳ quy hoạch | | | |
| | | | | | | nam | Integer | Bắt buộc | Năm cập nhật | | | |
| | | | | | | nguon | CharacterString | Bắt buộc | Nguồn gốc dữ liệu | | | |
| 32 | | QQ13 | Định hướng phát triển cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học* | Là cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học được định hướng phát triển trong quy hoạch | DinhHuongCoSoBaoTonDaDangSinhHoc | maDoiTuong | CharacterString | Bắt buộc | Mã đối tượng | | | GM_Point hoặc GM_Polygon |
| | | | | | | ten | CharacterString | Bắt buộc | Tên cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học | | | |
| | | | | | | diaDiem | CharacterString | Có thể Null | Địa điểm dự kiến của cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học chi tiết đến đơn vị hành chính cấp huyện | | | |
| | | | | | | phanLoai | CharacterString | Có thể Null | Cơ sở nuôi, trồng loài thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ | | | |
| | | | | | | | | | Cơ sở cứu hộ loài hoang dã | | | |
| | | | | | | | | | Cơ sở lưu giữ giống cây trồng, vật nuôi, vi sinh vật và nấm đặc hữu, nguy cấp, quý, hiếm có giá trị đặc biệt về khoa học, y tế, kinh tế, sinh thái, cảnh quan, môi trường hoặc văn hóa - lịch sử; cơ sở lưu giữ, bảo quản nguồn gen và mẫu vật di truyền | | | |
| | | | | | | loaiQuyHoach | CharacterString | Bắt buộc | Quy hoạch mới | | | |
| | | | | | | | | | Quy hoạch trên cơ sở điều chỉnh hiện trạng | | | |
| | | | | | | quyHoachBatDau | Date | Bắt buộc | Ngày quy hoạch được quyết định hoặc phê duyệt | | | |
| | | | | | | quyHoachKetThuc | Date | Bắt buộc | Ngày cuối cùng của thời kỳ quy hoạch | | | |
| | | | | | | nguon | CharacterString | Có thể Null | Nguồn gốc dữ liệu | | | |

## 6. Văn hóa, thể thao và du lịch

| TT | Kiểu đối tượng địa lý | | | | Tên lớp/ nhóm lớp | Trường thuộc tính | Kiểu dữ liệu thuộc tính | Yêu cầu | Tên (nhãn)/Mô tả thuộc tính | Phạm vi áp dụng và kiểu dữ liệu hình học | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Mã tên kiểu đối tượng | | Tên | Mô tả | | | | | | Quy hoạch tổng thể quốc gia | Quy hoạch vùng | Quy hoạch tỉnh |
| | Dữ liệu hiện trạng | Dữ liệu định hướng phát triển | | | | | | | | | | |
| 1 | RH01 | | Hiện trạng di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh | Là di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh hiện trạng được phân tích, đánh giá trong quy hoạch.<br>- Quy hoạch vùng: Thể hiện di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh có ý nghĩa quan trọng quốc tế, quốc gia.<br>- Quy hoạch tỉnh: Thể hiện di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh có ý nghĩa quan trọng quốc tế, quốc gia, cấp tỉnh. | HienTrangDiTichLichSuDanhLamThangCanh | maDoiTuong | CharacterString | Bắt buộc | Mã đối tượng | | GM_Point hoặc GM_Polygon | GM_Point hoặc GM_Polygon |
| | | | | | | ten | CharacterString | Bắt buộc | Tên di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh | | | |
| | | | | | | phanLoai | CharacterString | Có thể Null | Di tích lịch sử - văn hóa | | | |
| | | | | | | | | | Danh lam thắng cảnh | | | |
| | | | | | | xepHang | CharacterString | Bắt buộc | Di sản văn hóa thế giới | | | |
| | | | | | | | | | Di tích quốc gia đặc biệt | | | |
| | | | | | | | | | Di tích quốc gia | | | |
| | | | | | | | | | Di tích cấp tỉnh | | | |
| | | | | | | | | | Di tích chưa được xếp hạng | | | |
| | | | | | | diaDiem | CharacterString | Có thể Null | Địa điểm của di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh.<br>- Đối với quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp tỉnh.<br>- Đối với quy hoạch tỉnh: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp huyện. | | | |
| | | | | | | dienTich | Real | Có thể Null | Diện tích dự kiến của di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh (ha). | | | |
| | | | | | | loaiHienTrang | Short Integer | Bắt buộc | Đối tượng hiện trạng được giữ nguyên trong quy hoạch | | | |
| | | | | | | | | | Đối tượng hiện trạng dự kiến được nâng cấp, điều chỉnh trong quy hoạch | | | |
| | | | | | | | | | Đối tượng hiện trạng không đưa vào quy hoạch | | | |
| | | | | | | nam | Integer | Bắt buộc | Năm cập nhật | | | |
| | | | | | | nguon | CharacterString | Có thể Null | Nguồn gốc dữ liệu | | | |
| 2 | | RQ01 | Định hướng phát triển di tích lịch sử - văn hóa, | Là di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh được định hướng phát triển trong quy hoạch.<br>- Quy hoạch vùng: | DinhHuongDiTichLichSuDanhLamThangCanh | maDoiTuong | CharacterString | Bắt buộc | Mã đối tượng | | GM_Point hoặc GM_Polygon | GM_Point hoặc GM_Polygon |
| | | | | | | ten | CharacterString | Bắt buộc | Tên di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh | | | |
| | | | | | | phanLoai | CharacterString | Có thể Null | Di tích lịch sử - văn hóa | | | |
| | | | | | | | | | Danh lam thắng cảnh | | | |
| | | | | | | xepHang | CharacterString | Có thể Null | Di sản văn hóa thế giới | | | |

| TT | Kiểu đối tượng địa lý | | | | Tên lớp/ nhóm lớp | Trường thuộc tính | Kiểu dữ liệu thuộc tính | Yêu cầu | Tên (nhãn)/Mô tả thuộc tính | Phạm vi áp dụng và kiểu dữ liệu hình học | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Mã tên kiểu đối tượng | | Tên | Mô tả | | | | | | Quy hoạch tổng thể quốc gia | Quy hoạch vùng | Quy hoạch tỉnh |
| | Dữ liệu hiện trạng | Dữ liệu định hướng phát triển | | | | | | | | | | |
| | | | danh lam thắng cảnh | Thể hiện di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh có ý nghĩa quan trọng quốc tế, quốc gia.<br>- Quy hoạch tỉnh: Thể hiện di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh có ý nghĩa quan trọng quốc tế, quốc gia, cấp tỉnh. | | | | | Di tích quốc gia đặc biệt | | | |
| | | | | | | | | | Di tích quốc gia | | | |
| | | | | | | | | | Di tích cấp tỉnh | | | |
| | | | | | | | | | Di tích chưa được xếp hạng | | | |
| | | | | | | diaDiem | CharacterString | Có thể Null | Địa điểm dự kiến của di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh.<br>- Đối với quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp tỉnh.<br>- Đối với quy hoạch tỉnh: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp huyện. | | | |
| | | | | | | dienTich | Real | Có thể Null | Diện tích dự kiến của di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh (ha). | | | |
| | | | | | | loaiQuyHoach | CharacterString | Bắt buộc | Quy hoạch mới | | | |
| | | | | | | | | | Quy hoạch trên cơ sở điều chỉnh hiện trạng | | | |
| | | | | | | quyHoachBatDau | Date | Bắt buộc | Ngày quy hoạch được quyết định hoặc phê duyệt | | | |
| | | | | | | quyHoachKetThuc | Date | Bắt buộc | Ngày cuối cùng của thời kỳ quy hoạch | | | |
| | | | | | | nguon | CharacterString | Có thể Null | Nguồn gốc dữ liệu | | | |
| 3 | RH02 | | Hiện trạng cơ sở văn hóa | Là cơ sở văn hóa hiện trạng được phân tích, đánh giá trong quy hoạch.<br>- Quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng: Thể hiện cơ sở văn hóa cấp quốc gia.<br>- Quy hoạch tỉnh: Thể hiện cơ sở văn hóa cấp quốc gia, cấp tỉnh trên địa bàn tỉnh. | HienTrangCoSoVanHoa | maDoiTuong | CharacterString | Bắt buộc | Mã đối tượng | GM_Point | GM_Point hoặc GM_Polygon | GM_Point hoặc GM_Polygon |
| | | | | | | ten | CharacterString | Bắt buộc | Tên cơ sở văn hóa | | | |
| | | | | | | phanCap | CharacterString | Bắt buộc | Phân cấp cơ sở văn hóa bao gồm: | | | |
| | | | | | | | | | Cấp quốc gia | | | |
| | | | | | | | | | Cấp tỉnh | | | |
| | | | | | | phanLoai | CharacterString | Có thể Null | Phân loại cơ sở văn hóa bao gồm: | | | |
| | | | | | | | | | Bảo tàng | | | |
| | | | | | | | | | Thư viện | | | |
| | | | | | | | | | Nhà hát, trung tâm văn hóa, triển lãm, cung văn hóa | | | |
| | | | | | | | | | Cung thiếu nhi, hoặc trung tâm hoạt động thanh thiếu nhi | | | |

| TT | Kiểu đối tượng địa lý | | | | Tên lớp/ nhóm lớp | Trường thuộc tính | Kiểu dữ liệu thuộc tính | Yêu cầu | Tên (nhãn)/Mô tả thuộc tính | Phạm vi áp dụng và kiểu dữ liệu hình học | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Mã tên kiểu đối tượng | | Tên | Mô tả | | | | | | Quy hoạch tổng thể quốc gia | Quy hoạch vùng | Quy hoạch tỉnh |
| | Dữ liệu hiện trạng | Dữ liệu định hướng phát triển | | | | | | | | | | |
| | | | | | | diaDiem | CharacterString | Có thể Null | Địa điểm của cơ sở văn hóa.<br>- Quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng: Địa điểm chi tiết đến đơn vị hành chính cấp tỉnh.<br>- Quy hoạch tỉnh: Địa điểm chi tiết đến đơn vị hành chính cấp huyện. | | | |
| | | | | | | dienTich | Real | Có thể Null | Diện tích của cơ sở văn hóa (ha) | | | |
| | | | | | | loaiHienTrang | CharacterString | Bắt buộc | Đối tượng hiện trạng được giữ nguyên trong quy hoạch | | | |
| | | | | | | | | | Đối tượng hiện trạng dự kiến được nâng cấp, điều chỉnh trong quy hoạch | | | |
| | | | | | | | | | Đối tượng hiện trạng không đưa vào quy hoạch | | | |
| | | | | | | nam | Integer | Bắt buộc | Năm cập nhật | | | |
| | | | | | | nguon | CharacterString | Có thể Null | Nguồn gốc dữ liệu | | | |
| 4 | | RQ02 | Định hướng phát triển cơ sở văn hóa | Là cơ sở văn hóa được định hướng phát triển trong quy hoạch<br>- Quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng: Thể hiện cơ sở văn hóa cấp quốc gia.<br>- Quy hoạch tỉnh: Thể hiện cơ sở văn hóa cấp quốc gia, cấp tỉnh trên địa bàn tỉnh. | DinhHuongPhatTrienCoSoVanHoa | maDoiTuong | CharacterString | Bắt buộc | Mã đối tượng | GM_Point | GM_Point hoặc GM_Polygon | GM_Point hoặc GM_Polygon |
| | | | | | | ten | CharacterString | Bắt buộc | Tên cơ sở văn hóa | | | |
| | | | | | | phanCap | CharacterString | Bắt buộc | Phân cấp cơ sở văn hóa bao gồm: | | | |
| | | | | | | | | | Cấp quốc gia | | | |
| | | | | | | | | | Cấp tỉnh | | | |
| | | | | | | phanLoai | CharacterString | Có thể Null | Phân loại cơ sở văn hóa bao gồm: | | | |
| | | | | | | | | | Bảo tàng | | | |
| | | | | | | | | | Thư viện | | | |
| | | | | | | | | | Nhà hát, trung tâm văn hóa, triển lãm, cung văn hóa | | | |
| | | | | | | | | | Cung thiếu nhi, hoặc trung tâm hoạt động thanh thiếu nhi | | | |
| | | | | | | diaDiem | CharacterString | Có thể Null | Địa điểm của cơ sở văn hóa.<br>- Quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng: Địa điểm chi tiết đến đơn vị hành chính cấp tỉnh.<br>- Quy hoạch tỉnh: Địa điểm chi tiết đến đơn vị hành chính cấp huyện. | | | |
| | | | | | | dienTich | Real | Có thể Null | Diện tích dự kiến của cơ sở văn hóa (ha) | | | |

| TT | Kiểu đối tượng địa lý | | | | Tên lớp/ nhóm lớp | Trường thuộc tính | Kiểu dữ liệu thuộc tính | Yêu cầu | Tên (nhãn)/Mô tả thuộc tính | Phạm vi áp dụng và kiểu dữ liệu hình học | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Mã tên kiểu đối tượng | | Tên | Mô tả | | | | | | Quy hoạch tổng thể quốc gia | Quy hoạch vùng | Quy hoạch tỉnh |
| | Dữ liệu hiện trạng | Dữ liệu định hướng phát triển | | | | | | | | | | |
| | | | | | | loaiQuyHoach | CharacterString | Bắt buộc | Quy hoạch mới | | | |
| | | | | | | | | | Quy hoạch trên cơ sở điều chỉnh hiện trạng | | | |
| | | | | | | quyHoachBatDau | Date | Bắt buộc | Ngày quy hoạch được quyết định hoặc phê duyệt | | | |
| | | | | | | quyHoachKetThuc | Date | Bắt buộc | Ngày cuối cùng của thời kỳ quy hoạch | | | |
| | | | | | | nguon | CharacterString | Có thể Null | Nguồn gốc dữ liệu | | | |
| 5 | RH03 | | Hiện trạng cơ sở thể dục, thể thao | Là cơ sở thể dục, thể thao hiện trạng được phân tích, đánh giá trong quy hoạch<br>- Quy hoạch vùng: Thể hiện cơ sở thể dục, thể thao cấp quốc gia;<br>- Quy hoạch tỉnh: Thể hiện cơ sở thể dục, thể thao cấp quốc gia, cấp tỉnh. | HienTrangTheDucTheThao | maDoiTuong | CharacterString | Bắt buộc | Mã đối tượng | GM_Point | GM_Point hoặc GM_Polygon | GM_Point hoặc GM_Polygon |
| | | | | | | ten | CharacterString | Bắt buộc | Tên cơ sở thể dục, thể thao | | | |
| | | | | | | phanLoai | CharacterString | Bắt buộc | Phân loại cơ sở thể dục, thể thao bao gồm: | | | |
| | | | | | | | | | Khu liên hợp thể thao | | | |
| | | | | | | | | | Trung tâm thể thao, sân vận động | | | |
| | | | | | | | | | Cơ sở tập luyện, huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao khác | | | |
| | | | | | | diaDiem | CharacterString | Có thể Null | Địa điểm của cơ sở thể dục, thể thao.<br>- Quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp tỉnh.<br>- Quy hoạch tỉnh: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp huyện. | | | |
| | | | | | | dienTich | Real | Có thể Null | Diện tích của cơ sở thể dục, thể thao (ha) | | | |
| | | | | | | loaiHienTrang | Short Integer | Bắt buộc | Đối tượng hiện trạng được giữ nguyên trong quy hoạch | | | |
| | | | | | | | | | Đối tượng hiện trạng dự kiến được nâng cấp, điều chỉnh trong quy hoạch | | | |
| | | | | | | | | | Đối tượng hiện trạng không đưa vào quy hoạch | | | |
| | | | | | | nam | Integer | Bắt buộc | Năm cập nhật | | | |
| | | | | | | nguon | CharacterString | Có thể Null | Nguồn gốc dữ liệu | | | |
| 6 | | RQ03 | Định hướng phát triển cơ sở thể dục, thể thao | Là cơ sở thể dục, thể thao được định hướng phát triển trong quy hoạch<br>- Quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng: Thể hiện cơ sở thể dục, | DinhHuongPhatTrienCoSoTheDucTheThao | maDoiTuong | CharacterString | Bắt buộc | Mã đối tượng | GM_Point | GM_Point hoặc GM_Polygon | GM_Point hoặc GM_Polygon |
| | | | | | | ten | CharacterString | Bắt buộc | Tên cơ sở văn hóa | | | |
| | | | | | | phanLoai | CharacterString | Bắt buộc | Phân loại cơ sở thể dục, thể thao bao gồm: | | | |
| | | | | | | | | | Khu liên hợp thể thao | | | |
| | | | | | | | | | Trung tâm thể thao, sân vận động | | | |
| | | | | | | | | | Cơ sở tập luyện, huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao khác | | | |

| TT | Kiểu đối tượng địa lý | | | | Tên lớp/ nhóm lớp | Trường thuộc tính | Kiểu dữ liệu thuộc tính | Yêu cầu | Tên (nhãn)/Mô tả thuộc tính | Phạm vi áp dụng và kiểu dữ liệu hình học | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Mã tên kiểu đối tượng | | Tên | Mô tả | | | | | | Quy hoạch tổng thể quốc gia | Quy hoạch vùng | Quy hoạch tỉnh |
| | Dữ liệu hiện trạng | Dữ liệu định hướng phát triển | | | | | | | | | | |
| | | | | thể thao cấp quốc gia<br>- Quy hoạch tỉnh: Thể hiện cơ sở thể dục, thể thao cấp quốc gia, cấp tỉnh | | diaDiem | CharacterString | Có thể Null | Địa điểm của cơ sở thể dục, thể thao.<br>- Quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp tỉnh.<br>- Quy hoạch tỉnh: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp huyện. | | | |
| | | | | | | dienTich | Real | Có thể Null | Diện tích dự kiến của cơ sở thể dục, thể thao (ha) | | | |
| | | | | | | loaiQuyHoach | CharacterString | Bắt buộc | Quy hoạch mới | | | |
| | | | | | | | | | Quy hoạch trên cơ sở điều chỉnh hiện trạng | | | |
| | | | | | | quyHoachBatDau | Date | Bắt buộc | Ngày quy hoạch được quyết định hoặc phê duyệt | | | |
| | | | | | | quyHoachKetThuc | Date | Bắt buộc | Ngày cuối cùng của thời kỳ quy hoạch | | | |
| | | | | | | nguon | CharacterString | Có thể Null | Nguồn gốc dữ liệu | | | |
| 7 | RH04 | | Hiện trạng khu du lịch | Là khu du lịch hiện trạng được phân tích, đánh giá trong quy hoạch.<br>- Quy hoạch vùng: Thể hiện khu du lịch quốc gia.<br>- Quy hoạch tỉnh: Thể hiện khu du lịch quốc gia, khu du lịch cấp tỉnh. | HienTrangHeThongDuLich | maDoiTuong | CharacterString | Bắt buộc | Mã đối tượng | | GM_Point hoặc GM_Polygon | GM_Point hoặc GM_Polygon |
| | | | | | | ten | CharacterString | Bắt buộc | Tên khu du lịch | | | |
| | | | | | | phanLoai | CharacterString | Bắt buộc | Phân loại khu du lịch bao gồm: | | | |
| | | | | | | | | | Khu du lịch quốc gia | | | |
| | | | | | | | | | Khu du lịch cấp tỉnh | | | |
| | | | | | | diaDiem | CharacterString | Có thể Null | Địa điểm của khu du lịch.<br>- Quy hoạch vùng: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp tỉnh.<br>- Quy hoạch tỉnh: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp huyện. | | | |
| | | | | | | dienTich | Real | Có thể Null | Diện tích của khu du lịch (ha) | | | |
| | | | | | | loaiHienTrang | CharacterString | Bắt buộc | Đối tượng hiện trạng được giữ nguyên trong quy hoạch | | | |
| | | | | | | | | | Đối tượng hiện trạng dự kiến được nâng cấp, điều chỉnh trong quy hoạch | | | |
| | | | | | | | | | Đối tượng hiện trạng không đưa vào quy hoạch | | | |
| | | | | | | nam | Integer | Bắt buộc | Năm cập nhật | | | |
| | | | | | | nguon | CharacterString | Có thể Null | Nguồn gốc dữ liệu | | | |

| TT | Kiểu đối tượng địa lý | | | | Tên lớp/ nhóm lớp | Trường thuộc tính | Kiểu dữ liệu thuộc tính | Yêu cầu | Tên (nhãn)/Mô tả thuộc tính | Phạm vi áp dụng và kiểu dữ liệu hình học | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Mã tên kiểu đối tượng | | Tên | Mô tả | | | | | | Quy hoạch tổng thể quốc gia | Quy hoạch vùng | Quy hoạch tỉnh |
| | Dữ liệu hiện trạng | Dữ liệu định hướng phát triển | | | | | | | | | | |
| 8 | | RQ04 | Định hướng phát triển khu du lịch | Là khu du lịch được định hướng phát triển trong quy hoạch.<br>- Quy hoạch vùng: Thể hiện khu du lịch quốc gia.<br>- Quy hoạch tỉnh: Thể hiện khu du lịch quốc gia, khu du lịch cấp tỉnh. | DinhHuongPhatTrienHeThongDuLich | maDoiTuong | CharacterString | Bắt buộc | Mã đối tượng | | GM_Point hoặc GM_Polygon | GM_Point hoặc GM_Polygon |
| | | | | | | ten | CharacterString | Bắt buộc | Tên khu du lịch | | | |
| | | | | | | phanLoai | CharacterString | Có thể Null | Phân loại khu du lịch bao gồm: | | | |
| | | | | | | | | | Khu du lịch quốc gia | | | |
| | | | | | | | | | Khu du lịch cấp tỉnh | | | |
| | | | | | | diaDiem | CharacterString | Có thể Null | Địa điểm của khu du lịch.<br>- Quy hoạch vùng: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp tỉnh.<br>- Quy hoạch tỉnh: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp huyện. | | | |
| | | | | | | dienTich | Real | Có thể Null | Diện tích dự kiến của khu du lịch (ha) | | | |
| | | | | | | loaiQuyHoach | CharacterString | Bắt buộc | Quy hoạch mới | | | |
| | | | | | | | | | Quy hoạch trên cơ sở điều chỉnh hiện trạng | | | |
| | | | | | | quyHoachBatDau | Date | Bắt buộc | Ngày quy hoạch được quyết định hoặc phê duyệt | | | |
| | | | | | | quyHoachKetThuc | Date | Bắt buộc | Ngày cuối cùng của thời kỳ quy hoạch | | | |
| | | | | | | nguon | CharacterString | Có thể Null | Nguồn gốc dữ liệu | | | |

## 7. Giao thông vận tải

| TT | Kiểu đối tượng địa lý | | | | Tên lớp/ nhóm lớp | Trường thuộc tính | Kiểu dữ liệu thuộc tính | Yêu cầu | Tên (nhãn)/Mô tả thuộc tính | Phạm vi áp dụng và kiểu dữ liệu hình học | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Mã tên kiểu đối tượng | | Tên | Mô tả | | | | | | Quy hoạch tổng thể quốc gia | Quy hoạch vùng | Quy hoạch tỉnh |
| | Dữ liệu hiện trạng | Dữ liệu định hướng phát triển | | | | | | | | | | |
| 1 | SH01 | | Hiện trạng mạng lưới đường bộ | Là đường bộ được phân tích, đánh giá trong quy hoạch.<br>- Quy hoạch tổng thể quốc gia: Thể hiện đường cao tốc, đường quốc lộ;<br>- Quy hoạch vùng: Thể hiện đường cao tốc, đường | HienTrangMangLuoiDuongBo | maDoiTuong | CharacterString | Bắt buộc | Mã đối tượng | GM_Polyline | GM_Polyline | GM_Polyline |
| | | | | | | ten | CharacterString | Bắt buộc | Tên tuyến đường | | | |
| | | | | | | phanLoai | CharacterString | Bắt buộc | Quốc lộ | | | |
| | | | | | | | | | Đường tỉnh | | | |
| | | | | | | | | | Đường huyện | | | |
| | | | | | | chieuDai | Integer | Có thể Null | Chiều dài của tuyến đường (Km). | | | |
| | | | | | | quyMo | CharacterString | Có thể Null | Quy mô (làn xe) của tuyến đường | | | |
| | | | | | | capKyThuat | Short Integer | Có thể Null | Cấp I | | | |

| TT | Kiểu đối tượng địa lý | | | | Tên lớp/ nhóm lớp | Trường thuộc tính | Kiểu dữ liệu thuộc tính | Yêu cầu | Tên (nhãn)/Mô tả thuộc tính | Phạm vi áp dụng và kiểu dữ liệu hình học | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Mã tên kiểu đối tượng | | Tên | Mô tả | | | | | | Quy hoạch tổng thể quốc gia | Quy hoạch vùng | Quy hoạch tỉnh |
| | Dữ liệu hiện trạng | Dữ liệu định hướng phát triển | | | | | | | | | | |
| | | | | quốc lộ, đường liên tỉnh;<br>- Quy hoạch tỉnh: Thể hiện đường cao tốc, đường quốc lộ đã được xác định trong quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng; đường tỉnh, đường trục chính đô thị có vai trò kết nối liên quận, huyện; đường huyện trong phương án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, vùng huyện. | | | | | Cấp II | | | |
| | | | | | | | | | Cấp III | | | |
| | | | | | | | | | Cấp IV | | | |
| | | | | | | | | | Cấp V | | | |
| | | | | | | | | | Cấp VI | | | |
| | | | | | | loaiHienTrang | Short Integer | Bắt buộc | Đối tượng hiện trạng được giữ nguyên trong quy hoạch | | | |
| | | | | | | | | | Đối tượng hiện trạng dự kiến được nâng cấp, điều chỉnh trong quy hoạch | | | |
| | | | | | | | | | Đối tượng hiện trạng không đưa vào quy hoạch | | | |
| | | | | | | nam | Integer | Bắt buộc | Năm cập nhật | | | |
| | | | | | | nguon | CharacterString | Bắt buộc | Nguồn gốc dữ liệu | | | |
| 2 | | SQ01 | Định hướng phát triển mạng lưới đường bộ | Là định hướng phát triển đường bộ được xác định trong quy hoạch.<br>- Quy hoạch tổng thể quốc gia: Thể hiện đường cao tốc, đường quốc lộ;<br>- Quy hoạch vùng: Thể hiện đường cao tốc, đường quốc lộ, đường liên tỉnh;<br>- Quy hoạch tỉnh: Thể hiện đường cao tốc, đường quốc lộ, đường liên tỉnh đã được xác định trong quy | DinhHuongPhatTrienMangLuoiDuongBo | maDoiTuong | CharacterString | Bắt buộc | Mã đối tượng | GM_Polyline | GM_Polyline | GM_Polyline |
| | | | | | | ten | CharacterString | Bắt buộc | Tên tuyến đường | | | |
| | | | | | | phanLoai | CharacterString | Bắt buộc | Đường cao tốc không phải là đường đô thị | | | |
| | | | | | | | | | Đường cao tốc đô thị | | | |
| | | | | | | | | | Đường quốc lộ | | | |
| | | | | | | | | | Đường tỉnh | | | |
| | | | | | | | | | Đường trục chính đô thị | | | |
| | | | | | | | | | Đường huyện | | | |
| | | | | | | chieuDai | Integer | Có thể Null | Chiều dài dự kiến của tuyến đường (Km) | | | |
| | | | | | | quyMo | CharacterString | Có thể Null | Quy mô (làn xe) dự kiến của tuyến đường | | | |
| | | | | | | capKyThuat | CharacterString | Có thể Null | Cấp I | | | |
| | | | | | | | | | Cấp II | | | |
| | | | | | | | | | Cấp III | | | |
| | | | | | | | | | Cấp IV | | | |
| | | | | | | | | | Cấp V | | | |

| TT | Kiểu đối tượng địa lý | | | | Tên lớp/ nhóm lớp | Trường thuộc tính | Kiểu dữ liệu thuộc tính | Yêu cầu | Tên (nhãn)/Mô tả thuộc tính | Phạm vi áp dụng và kiểu dữ liệu hình học | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Mã tên kiểu đối tượng | | Tên | Mô tả | | | | | | Quy hoạch tổng thể quốc gia | Quy hoạch vùng | Quy hoạch tỉnh |
| | Dữ liệu hiện trạng | Dữ liệu định hướng phát triển | | | | | | | | | | |
| | | | | hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng; đường tỉnh, đường trục chính đô thị có vai trò kết nối liên quận, huyện; đường huyện trong phương án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, vùng huyện. | | | | | Cấp VI | | | |
| | | | | | | loaiQuyHoach | CharacterString | Bắt buộc | Quy hoạch mới | | | |
| | | | | | | | | | Quy hoạch trên cơ sở điều chỉnh hiện trạng | | | |
| | | | | | | quyHoachBatDau | Date | Bắt buộc | Ngày quy hoạch được quyết định hoặc phê duyệt | | | |
| | | | | | | quyHoachKetThuc | Date | Bắt buộc | Ngày cuối cùng của thời kỳ quy hoạch | | | |
| | | | | | | nguon | CharacterString | Có thể Null | Nguồn gốc dữ liệu | | | |
| 3 | SH02 | | Hiện trạng tuyến đường sắt | Là tuyến đường sắt được phân tích, đánh giá trong quy hoạch.<br>- Quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng: Thể hiện đường sắt quốc gia.<br>- Quy hoạch tỉnh: Thể hiện đường sắt quốc gia, đường sắt chuyên dùng, đường sắt đô thị. | HienTrangTuyenDuongSat | maDoiTuong | CharacterString | Bắt buộc | Mã đối tượng | GM_Polyline | GM_Polyline | GM_Polyline |
| | | | | | | ten | CharacterString | Bắt buộc | Tên tuyến đường sắt | | | |
| | | | | | | phanLoai | CharacterString | Bắt buộc | Ga đường sắt quốc gia là đường sắt tốc độ cao | | | |
| | | | | | | | | | Ga đường sắt quốc gia không phải là đường sắt tốc độ cao | | | |
| | | | | | | | | | Ga đường sắt chuyên dùng | | | |
| | | | | | | | | | Đường sắt đô thị | | | |
| | | | | | | chieuDai | Real | Có thể Null | Chiều dài của tuyến đường sắt (Km) | | | |
| | | | | | | khoDuongSat | CharacterString | Có thể Null | Khổ đường sắt (mm) bao gồm: | | | |
| | | | | | | | | | 1.435 | | | |
| | | | | | | | | | 1.000 | | | |
| | | | | | | | | | Khổ khác | | | |
| | | | | | | loaiHienTrang | CharacterString | Bắt buộc | Đối tượng hiện trạng được giữ nguyên trong quy hoạch | | | |
| | | | | | | | | | Đối tượng hiện trạng dự kiến được nâng cấp, điều chỉnh trong quy hoạch | | | |
| | | | | | | | | | Đối tượng hiện trạng không đưa vào quy hoạch | | | |
| | | | | | | nam | Integer | Bắt buộc | Năm cập nhật | | | |
| | | | | | | nguon | CharacterString | Bắt buộc | Nguồn gốc dữ liệu | | | |

| TT | Kiểu đối tượng địa lý | | | | Tên lớp/ nhóm lớp | Trường thuộc tính | Kiểu dữ liệu thuộc tính | Yêu cầu | Tên (nhãn)/Mô tả thuộc tính | Phạm vi áp dụng và kiểu dữ liệu hình học | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Mã tên kiểu đối tượng | | Tên | Mô tả | | | | | | Quy hoạch tổng thể quốc gia | Quy hoạch vùng | Quy hoạch tỉnh |
| | Dữ liệu hiện trạng | Dữ liệu định hướng phát triển | | | | | | | | | | |
| 4 | | SQ02 | Định hướng phát triển tuyến đường sắt | Là tuyến đường sắt được phân tích, đánh giá trong quy hoạch.<br>- Quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng: Thể hiện đường sắt quốc gia.<br>- Quy hoạch tỉnh: Thể hiện đường sắt quốc gia, đường sắt chuyên dùng, đường sắt đô thị. | DinhHuongPhatTrienTuyenDuongSat | maDoiTuong | CharacterString | Bắt buộc | Mã đối tượng | GM_Polyline | GM_Polyline | GM_Polyline |
| | | | | | | ten | CharacterString | Bắt buộc | Tên tuyến đường sắt | | | |
| | | | | | | phanLoai | CharacterString | Bắt buộc | Ga đường sắt quốc gia là đường sắt tốc độ cao | | | |
| | | | | | | | | | Ga đường sắt quốc gia không phải là đường sắt tốc độ cao | | | |
| | | | | | | | | | Ga đường sắt chuyên dùng | | | |
| | | | | | | | | | Đường sắt đô thị | | | |
| | | | | | | chieuDai | Real | Có thể Null | Chiều dài dự kiến của tuyến đường sắt (Km) | | | |
| | | | | | | khoDuong | CharacterString | Có thể Null | Khổ đường sắt (mm) dự kiến bao gồm: | | | |
| | | | | | | | | | 1.435 | | | |
| | | | | | | | | | 1.000 | | | |
| | | | | | | | | | Khổ khác | | | |
| | | | | | | loaiQuyHoach | CharacterString | Bắt buộc | Quy hoạch mới | | | |
| | | | | | | | | | Quy hoạch trên cơ sở điều chỉnh hiện trạng | | | |
| | | | | | | quyHoachBatDau | Date | Bắt buộc | Ngày quy hoạch được quyết định hoặc phê duyệt | | | |
| | | | | | | quyHoachKetThuc | Date | Bắt buộc | Ngày cuối cùng của thời kỳ quy hoạch | | | |
| | | | | | | nguon | CharacterString | Có thể Null | Nguồn gốc dữ liệu | | | |
| 5 | SH03 | | Hiện trạng ga đường sắt | Là ga đường sắt hiện hữu được phân tích, đánh giá trong quy hoạch.<br>- Quy hoạch vùng: Thể hiện ga đường sắt thuộc đường sắt quốc gia;<br>- Quy hoạch tỉnh: Thể hiện ga đường sắt thuộc đường sắt quốc gia, đướng sắt đô thị và đường sắt chuyên dùng trên địa bàn. | HienTrangGaDuongSat | maDoiTuong | CharacterString | Bắt buộc | Mã đối tượng | | GM_Point | GM_Point |
| | | | | | | ten | CharacterString | Bắt buộc | Tên ga đường sắt | | | |
| | | | | | | phanLoai | CharacterString | Bắt buộc | Ga đường sắt quốc gia là đường sắt tốc độ cao | | | |
| | | | | | | | | | Ga đường sắt quốc gia không phải là đường sắt tốc độ cao | | | |
| | | | | | | | | | Ga đường sắt chuyên dùng | | | |
| | | | | | | | | | Ga đường sắt đô thị | | | |
| | | | | | | diaDiem | CharacterString | Có thể Null | Địa điểm của ga đường sắt.<br>- Quy hoạch vùng: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp tỉnh.<br>- Quy hoạch tỉnh: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp huyện. | | | |
| | | | | | | dienTich | CharacterString | Có thể Null | Diện tích của ga đường sắt (ha) | | | |

| TT | Kiểu đối tượng địa lý | | | | Tên lớp/ nhóm lớp | Trường thuộc tính | Kiểu dữ liệu thuộc tính | Yêu cầu | Tên (nhãn)/Mô tả thuộc tính | Phạm vi áp dụng và kiểu dữ liệu hình học | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Mã tên kiểu đối tượng | | Tên | Mô tả | | | | | | Quy hoạch tổng thể quốc gia | Quy hoạch vùng | Quy hoạch tỉnh |
| | Dữ liệu hiện trạng | Dữ liệu định hướng phát triển | | | | | | | | | | |
| | | | | | | loaiHienTrang | Short Integer | Bắt buộc | Đối tượng hiện trạng được giữ nguyên trong quy hoạch | | | |
| | | | | | | | | | Đối tượng hiện trạng dự kiến được nâng cấp, điều chỉnh trong quy hoạch | | | |
| | | | | | | | | | Đối tượng hiện trạng không đưa vào quy hoạch | | | |
| | | | | | | nam | Integer | Bắt buộc | Năm cập nhật | | | |
| | | | | | | nguon | CharacterString | Bắt buộc | Nguồn gốc dữ liệu | | | |
| 6 | | SQ03 | Định hướng phát triển ga đường sắt | Là định hướng phát triển ga đường sắt được xác định trong quy hoạch.<br>- Quy hoạch vùng: Thể hiện ga đường sắt thuộc đường sắt quốc gia;<br>- Quy hoạch tỉnh: Thể hiện ga đường sắt thuộc đường sắt quốc gia, đường sắt đô thị, đường sắt chuyên dùng trên địa bàn. | DinhHuongPhatTrienGaDuongSat | maDoiTuong | CharacterString | Bắt buộc | Mã đối tượng | | GM_Point | GM_Point |
| | | | | | | ten | CharacterString | Bắt buộc | Tên ga đường sắt | | | |
| | | | | | | phanLoai | Short Integer | Bắt buộc | Ga đường sắt tốc độ cao | | | |
| | | | | | | | | | Ga đường sắt quốc gia không phải là đường sắt tốc độ cao | | | |
| | | | | | | | | | Ga đường sắt đô thị | | | |
| | | | | | | | | | Ga đường sắt chuyên dùng | | | |
| | | | | | | diaDiem | CharacterString | Có thể Null | Địa điểm dự kiến của ga đường sắt.<br>- Quy hoạch vùng: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp tỉnh.<br>- Quy hoạch tỉnh: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp huyện. | | | |
| | | | | | | dienTich | CharacterString | Có thể Null | Diện tích dự kiến của ga đường sắt (ha). | | | |
| | | | | | | loaiQuyHoach | CharacterString | Bắt buộc | Quy hoạch mới | | | |
| | | | | | | | | | Quy hoạch trên cơ sở điều chỉnh hiện trạng | | | |
| | | | | | | quyHoachBatDau | Date | Bắt buộc | Ngày quy hoạch được quyết định hoặc phê duyệt | | | |
| | | | | | | quyHoachKetThuc | Date | Bắt buộc | Ngày cuối cùng của thời kỳ quy hoạch | | | |
| | | | | | | nguon | CharacterString | Có thể Null | Nguồn gốc dữ liệu | | | |
| 7 | SH04 | | Hiện trạng tuyến đường thủy nội địa | Là hiện trạng tuyến đường thủy nội địa được phân tích, đánh giá trong quy hoạch.<br>- Quy hoạch vùng: Thể hiện đường | HienTrangTuyenDuongThuyNoiDia | maDoiTuong | CharacterString | Bắt buộc | Mã đối tượng | | GM_Polyline | GM_Polyline |
| | | | | | | ten | CharacterString | Bắt buộc | Tên tuyến đường thủy nội địa | | | |
| | | | | | | phanLoai | CharacterString | Bắt buộc | Đường thủy nội địa quốc gia | | | |
| | | | | | | | | | Đường thủy nội địa địa phương | | | |
| | | | | | | | | | Đường thủy nội địa chuyên ngành | | | |
| | | | | | | tinhChat | CharacterString | Có thể Null | Đường thủy nội địa ven biển | | | |

| TT | Kiểu đối tượng địa lý | | | | Tên lớp/ nhóm lớp | Trường thuộc tính | Kiểu dữ liệu thuộc tính | Yêu cầu | Tên (nhãn)/Mô tả thuộc tính | Phạm vi áp dụng và kiểu dữ liệu hình học | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Mã tên kiểu đối tượng | | Tên | Mô tả | | | | | | Quy hoạch tổng thể quốc gia | Quy hoạch vùng | Quy hoạch tỉnh |
| | Dữ liệu hiện trạng | Dữ liệu định hướng phát triển | | | | | | | | | | |
| | | | | thủy nội địa quốc gia;<br>- Quy hoạch tỉnh: Thể hiện đường thủy nội địa quốc gia, đường thủy nội địa địa phương, đường thủy nội địa chuyên ngành. | | | | | Đường thủy nội địa khác | | | |
| | | | | | | capKyThuat | CharacterString | Có thể Null | Cấp kỹ thuật của đường thủy nội địa bao gồm: | | | |
| | | | | | | | | | Cấp đặc biệt | | | |
| | | | | | | | | | Cấp I | | | |
| | | | | | | | | | Cấp II | | | |
| | | | | | | | | | Cấp III | | | |
| | | | | | | | | | Cấp IV | | | |
| | | | | | | | | | Cấp V | | | |
| | | | | | | | | | Cấp VI | | | |
| | | | | | | diemDau | CharacterString | Có thể Null | Điểm đầu của đường thủy nội địa | | | |
| | | | | | | diemCuoi | CharacterString | Có thể Null | Điểm cuối của đường thủy nội địa | | | |
| | | | | | | chieuDai | CharacterString | Có thể Null | Chiều dài của tuyến đường thủy nội địa (Km) | | | |
| | | | | | | tenSongKenh | CharacterString | Có thể Null | Tên sông, kênh chính có tuyến đường thủy nội địa. | | | |
| | | | | | | loaiHienTrang | CharacterString | Bắt buộc | Đối tượng hiện trạng được giữ nguyên trong quy hoạch | | | |
| | | | | | | | | | Đối tượng hiện trạng dự kiến được nâng cấp, điều chỉnh trong quy hoạch | | | |
| | | | | | | | | | Đối tượng hiện trạng không đưa vào quy hoạch | | | |
| | | | | | | nam | Integer | Bắt buộc | Năm cập nhật | | | |
| | | | | | | nguon | CharacterString | Bắt buộc | Nguồn gốc dữ liệu | | | |
| 8 | | SQ04 | Định hướng phát triển tuyến đường thủy nội địa | Là định hướng phát triển tuyến đường thủy nội địa được xác định trong quy hoạch.<br>- Quy hoạch vùng: Thể hiện đường thủy nội địa quốc gia;<br>- Quy hoạch tỉnh: Thể hiện đường thủy nội địa quốc | DinhHuongPhatTrienTuyenDuongThuyNoiDia | maDoiTuong | CharacterString | Bắt buộc | Mã đối tượng | | GM_Polyline | GM_Polyline |
| | | | | | | ten | CharacterString | Bắt buộc | Tên tuyến đường thủy nội địa | | | |
| | | | | | | phanLoai | CharacterString | Bắt buộc | Đường thủy nội địa quốc gia | | | |
| | | | | | | | | | Đường thủy nội địa địa phương | | | |
| | | | | | | | | | Đường thủy nội địa chuyên ngành | | | |
| | | | | | | tinhChat | CharacterString | Có thể Null | Đường thủy nội địa ven biển | | | |
| | | | | | | | | | Đường thủy nội địa khác | | | |
| | | | | | | capKyThuat | CharacterString | Có thể Null | Cấp kỹ thuật của đường thủy nội địa bao gồm: | | | |
| | | | | | | | | | Cấp đặc biệt | | | |
| | | | | | | | | | Cấp I | | | |

| TT | Kiểu đối tượng địa lý | | | | Tên lớp/ nhóm lớp | Trường thuộc tính | Kiểu dữ liệu thuộc tính | Yêu cầu | Tên (nhãn)/Mô tả thuộc tính | Phạm vi áp dụng và kiểu dữ liệu hình học | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Mã tên kiểu đối tượng | | Tên | Mô tả | | | | | | Quy hoạch tổng thể quốc gia | Quy hoạch vùng | Quy hoạch tỉnh |
| | Dữ liệu hiện trạng | Dữ liệu định hướng phát triển | | | | | | | | | | |
| | | | | gia, đường thủy nội địa địa phương, đường thủy nội địa chuyên ngành. | | | | | Cấp II | | | |
| | | | | | | | | | Cấp III | | | |
| | | | | | | | | | Cấp IV | | | |
| | | | | | | | | | Cấp V | | | |
| | | | | | | | | | Cấp VI | | | |
| | | | | | | diemDau | CharacterString | Có thể Null | Điểm đầu dự kiến của đường thủy nội địa | | | |
| | | | | | | diemCuoi | CharacterString | Có thể Null | Điểm cuối dự kiến của đường thủy nội địa | | | |
| | | | | | | chieuDai | CharacterString | Có thể Null | Chiều dài dự kiến của tuyến đường thủy nội địa (Km) | | | |
| | | | | | | tenSongKenh | CharacterString | Có thể Null | Tên sông, kênh chính có tuyến đường thủy nội địa. | | | |
| | | | | | | loaiQuyHoach | CharacterString | Bắt buộc | Quy hoạch mới | | | |
| | | | | | | | | | Quy hoạch trên cơ sở điều chỉnh hiện trạng | | | |
| | | | | | | quyHoachBatDau | Date | Bắt buộc | Ngày quy hoạch được quyết định hoặc phê duyệt | | | |
| | | | | | | quyHoachKetThuc | Date | Bắt buộc | Ngày cuối cùng của thời kỳ quy hoạch | | | |
| | | | | | | nguon | CharacterString | Có thể Null | Nguồn gốc dữ liệu | | | |
| 9 | SH05 | | Hiện trạng cảng, cụm cảng hành khách thủy nội địa | Là hiện trạng cảng, cụm cảng hành khách thủy nội địa được phân tích, đánh giá trong quy hoạch.<br>- Quy hoạch vùng: Thể hiện cảng, cụm cảng thủy nội địa thuộc đường thủy nội địa quốc gia;<br>- Quy hoạch tỉnh: Thể hiện cảng, cụm cảng thủy nội địa thuộc đường thủy nội địa quốc gia, đường thủy nội địa địa | HienTrangCangHanhKhachThuyNoiDia | maDoiTuong | CharacterString | Bắt buộc | Mã đối tượng | | GM_Point | GM_Point |
| | | | | | | ten | CharacterString | Bắt buộc | Tên cảng, cụm cảng hành khách thủy nội địa | | | |
| | | | | | | diaDiem | CharacterString | Có thể Null | Địa điểm của cảng, cụm cảng hành khách thủy nội địa.<br>- Quy hoạch vùng: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp tỉnh.<br>- Quy hoạch tỉnh: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp huyện. | | | |
| | | | | | | tenSong | CharacterString | Có thể Null | Tên sông, kênh chính có cảng, cụm cảng hành khách thủy nội địa. | | | |
| | | | | | | coTau | CharacterString | Có thể Null | Cỡ tàu khai thác của cảng, cụm cảng hành khách thủy nội địa (ghế) | | | |
| | | | | | | congSuat | Integer | Có thể Null | Công suất của cảng, cụm cảng hành khách thủy nội địa (nghìn lượt hành khách/năm) | | | |
| | | | | | | capCongTrinh | CharacterString | Có thể Null | Cấp công trình cảng, bến thủy nội địa bao gồm: | | | |
| | | | | | | | | | Cấp đặc biệt | | | |

| TT | Kiểu đối tượng địa lý | | | | Tên lớp/ nhóm lớp | Trường thuộc tính | Kiểu dữ liệu thuộc tính | Yêu cầu | Tên (nhãn)/Mô tả thuộc tính | Phạm vi áp dụng và kiểu dữ liệu hình học | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Mã tên kiểu đối tượng | | Tên | Mô tả | | | | | | Quy hoạch tổng thể quốc gia | Quy hoạch vùng | Quy hoạch tỉnh |
| | Dữ liệu hiện trạng | Dữ liệu định hướng phát triển | | | | | | | | | | |
| | | | | phương, đường thủy nội địa chuyên ngành. | | | | | Cấp I | | | |
| | | | | | | | | | Cấp II | | | |
| | | | | | | | | | Cấp III | | | |
| | | | | | | | | | Cấp IV | | | |
| | | | | | | tiepNhanPhuongTienThuyNuocNgoai | CharacterString | Có thể Null | Việc tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài của cảng, cụm cảng thủy nội địa bao gồm: | | | |
| | | | | | | | | | Được tiếp nhận | | | |
| | | | | | | | | | Không được tiếp nhận | | | |
| | | | | | | loaiHienTrang | CharacterString | Bắt buộc | Đối tượng hiện trạng được giữ nguyên trong quy hoạch | | | |
| | | | | | | | | | Đối tượng hiện trạng dự kiến được nâng cấp, điều chỉnh trong quy hoạch | | | |
| | | | | | | | | | Đối tượng hiện trạng không đưa vào quy hoạch | | | |
| | | | | | | nam | Integer | Bắt buộc | Năm cập nhật | | | |
| | | | | | | nguon | CharacterString | Bắt buộc | Nguồn gốc dữ liệu | | | |
| 10 | | SQ05 | Định hướng phát triển cảng, cụm cảng hành khách thủy nội địa | Là định hướng phát triển cảng, cụm cảng hành khách thủy nội địa được xác định trong quy hoạch.<br>- Quy hoạch vùng: Thể hiện cảng, cụm cảng thủy nội địa thuộc đường thủy nội địa quốc gia.<br>- Quy hoạch tỉnh: Thể hiện cảng, cụm cảng thủy nội địa thuộc đường thủy nội địa quốc gia, đường thủy nội địa địa phương, đường | DinhHuongPhatTrienCangHanhKhachThuyNoiDia | maDoiTuong | CharacterString | Bắt buộc | Mã đối tượng | | GM_Point | GM_Point |
| | | | | | | ten | CharacterString | Bắt buộc | Tên cảng, cụm cảng hành khách thủy nội địa | | | |
| | | | | | | diaDiem | CharacterString | Có thể Null | Địa điểm dự kiến của cảng, cụm cảng hành khách thủy nội địa.<br>- Quy hoạch vùng: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp tỉnh.<br>- Quy hoạch tỉnh: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp huyện. | | | |
| | | | | | | tenSong | CharacterString | Có thể Null | Tên sông, kênh chính có cảng, cụm cảng hành khách thủy nội địa. | | | |
| | | | | | | coTau | CharacterString | Có thể Null | Cỡ tàu khai thác dự kiến của cảng, cụm cảng hành khách thủy nội địa (ghế) | | | |
| | | | | | | congSuat | Integer | Có thể Null | Công suất dự kiến của cảng, cụm cảng hành khách thủy nội địa (nghìn lượt hành khách/năm) | | | |
| | | | | | | capCongTrinh | CharacterString | Có thể Null | Cấp công trình cảng, bến thủy nội địa bao gồm: | | | |
| | | | | | | | | | Cấp đặc biệt | | | |
| | | | | | | | | | Cấp I | | | |

| TT | Kiểu đối tượng địa lý | | | | Tên lớp/ nhóm lớp | Trường thuộc tính | Kiểu dữ liệu thuộc tính | Yêu cầu | Tên (nhãn)/Mô tả thuộc tính | Phạm vi áp dụng và kiểu dữ liệu hình học | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Mã tên kiểu đối tượng | | Tên | Mô tả | | | | | | Quy hoạch tổng thể quốc gia | Quy hoạch vùng | Quy hoạch tỉnh |
| | Dữ liệu hiện trạng | Dữ liệu định hướng phát triển | | | | | | | | | | |
| | | | | thủy nội địa chuyên ngành. | | | | | Cấp II | | | |
| | | | | | | | | | Cấp III | | | |
| | | | | | | | | | Cấp IV | | | |
| | | | | | | loaiQuyHoach | CharacterString | Bắt buộc | Quy hoạch mới | | | |
| | | | | | | | | | Quy hoạch trên cơ sở điều chỉnh hiện trạng | | | |
| | | | | | | quyHoachBatDau | Date | Bắt buộc | Ngày quy hoạch được quyết định hoặc phê duyệt | | | |
| | | | | | | quyHoachKetThuc | Date | Bắt buộc | Ngày cuối cùng của thời kỳ quy hoạch | | | |
| | | | | | | nguon | CharacterString | Có thể Null | Nguồn gốc dữ liệu | | | |
| 11 | SH06 | | Hiện trạng cảng, cụm cảng hàng hóa thủy nội địa | Là hiện trạng cảng, cụm cảng hàng hóa thủy nội địa được phân tích, đánh giá trong quy hoạch.<br>- Quy hoạch vùng: Thể hiện cảng, cụm cảng thủy nội địa thuộc đường thủy nội địa quốc gia;<br>- Quy hoạch tỉnh: Thể hiện cảng, cụm cảng thủy nội địa thuộc đường thủy nội địa quốc gia, đường thủy nội địa địa phương, đường thủy nội địa chuyên ngành. | HienTrangCangHangHoaThuyNoiDia | maDoiTuong | CharacterString | Bắt buộc | Mã đối tượng | | GM_Point | GM_Point |
| | | | | | | ten | CharacterString | Bắt buộc | Tên cảng, cụm cảng hàng hóa thủy nội địa | | | |
| | | | | | | diaDiem | CharacterString | Có thể Null | Địa điểm của cảng, cụm cảng hàng hóa thủy nội địa.<br>- Quy hoạch vùng: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp tỉnh.<br>- Quy hoạch tỉnh: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp huyện. | | | |
| | | | | | | tenSong | CharacterString | Có thể Null | Tên sông, kênh chính có cảng, cụm cảng hàng hóa thủy nội địa. | | | |
| | | | | | | coTau | CharacterString | Có thể Null | Cỡ tàu khai thác của cảng, cụm cảng hàng hóa thủy nội địa (tấn) | | | |
| | | | | | | congSuat | Integer | Có thể Null | Công suất của cảng, cụm cảng hàng hóa thủy nội địa (nghìn tấn/năm) | | | |
| | | | | | | capCongTrinh | CharacterString | Có thể Null | Cấp công trình cảng, bến thủy nội địa bao gồm: | | | |
| | | | | | | | | | Cấp đặc biệt | | | |
| | | | | | | | | | Cấp I | | | |
| | | | | | | | | | Cấp II | | | |
| | | | | | | | | | Cấp III | | | |
| | | | | | | | | | Cấp IV | | | |
| | | | | | | khaNangTiepNhanPhuongTienNuocNgoai | CharacterString | Có thể Null | Khả năng tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài của cảng, cụm cảng thủy nội địa bao gồm: | | | |
| | | | | | | | | | Được tiếp nhận | | | |

| TT | Kiểu đối tượng địa lý | | | | Tên lớp/ nhóm lớp | Trường thuộc tính | Kiểu dữ liệu thuộc tính | Yêu cầu | Tên (nhãn)/Mô tả thuộc tính | Phạm vi áp dụng và kiểu dữ liệu hình học | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Mã tên kiểu đối tượng | | Tên | Mô tả | | | | | | Quy hoạch tổng thể quốc gia | Quy hoạch vùng | Quy hoạch tỉnh |
| | Dữ liệu hiện trạng | Dữ liệu định hướng phát triển | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | Không được tiếp nhận | | | |
| | | | | | | khaNangBocXepContainers | CharacterString | Có thể Null | Khả năng bốc xếp containers của cảng, cụm cảng thủy nội địa bao gồm: | | | |
| | | | | | | | | | Bốc xếp được containers | | | |
| | | | | | | | | | Không bốc xếp được containers | | | |
| | | | | | | loaiHienTrang | CharacterString | Bắt buộc | Đối tượng hiện trạng được giữ nguyên trong quy hoạch | | | |
| | | | | | | | | | Đối tượng hiện trạng dự kiến được nâng cấp, điều chỉnh trong quy hoạch | | | |
| | | | | | | | | | Đối tượng hiện trạng không đưa vào quy hoạch | | | |
| | | | | | | nam | Integer | Bắt buộc | Năm cập nhật | | | |
| | | | | | | nguon | CharacterString | Bắt buộc | Nguồn gốc dữ liệu | | | |
| 12 | | SQ06 | Định hướng phát triển cảng, cụm cảng hàng hóa thủy nội địa | Là định hướng phát triển cảng, cụm cảng hàng hóa thủy nội địa được xác định trong quy hoạch.<br>- Quy hoạch vùng: Thể hiện cảng, cụm cảng thủy nội địa thuộc đường thủy nội địa quốc gia;<br>- Quy hoạch tỉnh: Thể hiện cảng, cụm cảng thủy nội địa thuộc đường thủy nội địa quốc gia, đường thủy nội địa địa phương, đường thủy nội địa chuyên ngành | DinhHuongPhatTrienCangHangHoaThuyNoiDia | maDoiTuong | CharacterString | Bắt buộc | Mã đối tượng | | GM_Point | GM_Point |
| | | | | | | ten | CharacterString | Bắt buộc | Tên cảng, cụm cảng hàng hóa thủy nội địa | | | |
| | | | | | | diaDiem | CharacterString | Có thể Null | Địa điểm của cảng, cụm cảng hàng hóa thủy nội địa.<br>- Quy hoạch vùng: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp tỉnh.<br>- Quy hoạch tỉnh: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp huyện. | | | |
| | | | | | | tenSong | CharacterString | Có thể Null | Tên sông, kênh chính có cảng, cụm cảng hàng hóa thủy nội địa. | | | |
| | | | | | | coTau | CharacterString | Có thể Null | Cỡ tàu khai thác dự kiến của cảng, cụm cảng hàng hóa thủy nội địa (tấn) | | | |
| | | | | | | congSuat | Integer | Có thể Null | Công suất dự kiến của cảng, cụm cảng hàng hóa thủy nội địa (nghìn tấn/năm) | | | |
| | | | | | | capCongTrinh | CharacterString | Có thể Null | Cấp công trình cảng, bến thủy nội địa bao gồm: | | | |
| | | | | | | | | | Cấp đặc biệt | | | |
| | | | | | | | | | Cấp I | | | |
| | | | | | | | | | Cấp II | | | |
| | | | | | | | | | Cấp III | | | |
| | | | | | | | | | Cấp IV | | | |

| TT | Kiểu đối tượng địa lý | | | | Tên lớp/ nhóm lớp | Trường thuộc tính | Kiểu dữ liệu thuộc tính | Yêu cầu | Tên (nhãn)/Mô tả thuộc tính | Phạm vi áp dụng và kiểu dữ liệu hình học | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Mã tên kiểu đối tượng | | Tên | Mô tả | | | | | | Quy hoạch tổng thể quốc gia | Quy hoạch vùng | Quy hoạch tỉnh |
| | Dữ liệu hiện trạng | Dữ liệu định hướng phát triển | | | | | | | | | | |
| | | | | | | loaiQuyHoach | CharacterString | Bắt buộc | Quy hoạch mới | | | |
| | | | | | | | | | Quy hoạch trên cơ sở điều chỉnh hiện trạng | | | |
| | | | | | | quyHoachBatDau | Date | Bắt buộc | Ngày quy hoạch được quyết định hoặc phê duyệt | | | |
| | | | | | | quyHoachKetThuc | Date | Bắt buộc | Ngày cuối cùng của thời kỳ quy hoạch | | | |
| | | | | | | nguon | CharacterString | Có thể Null | Nguồn gốc dữ liệu | | | |
| 13 | SH07 | | Hiện trạng cảng hàng không, sân bay | Là hiện trạng cảng hàng không, sân bay được phân tích, đánh giá trong quy hoạch.<br>- Quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng: Thể hiện cảng hàng không quốc tế, cảng hàng không nội địa.<br>- Quy hoạch tỉnh: Thể hiện cảng hàng không quốc tế, cảng hàng không nội địa và sân bay chuyên dùng. | HienTrangCangHangKhongSanBay | maDoiTuong | CharacterString | Bắt buộc | Mã đối tượng | GM_Point | GM_Point | GM_Point hoặc GM_Polygon |
| | | | | | | ten | CharacterString | Bắt buộc | Tên cảng hàng không, sân bay | | | |
| | | | | | | phanLoai | Short Integer | Bắt buộc | Cảng hàng không quốc tế | | | |
| | | | | | | | | | Cảng hàng không nội địa | | | |
| | | | | | | | | | Sân bay chuyên dùng | | | |
| | | | | | | diaDiem | CharacterString | Có thể Null | Địa điểm của cảng hàng không, sân bay.<br>- Quy hoạch vùng: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp tỉnh.<br>- Quy hoạch tỉnh: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp huyện. | | | |
| | | | | | | capSanBay | CharacterString | Có thể Null | Cấp sân bay theo theo mã tiêu chuẩn của ICAO | | | |
| | | | | | | congSuatThietKe | Integer | Có thể Null | Công suất thiết kế của cảng hàng không, sân bay (triệu khách/năm) | | | |
| | | | | | | dienTich | Real | Có thể Null | Diện tích của cảng hàng không, sân bay (ha). | | | |
| | | | | | | loaiHienTrang | CharacterString | Bắt buộc | Đối tượng hiện trạng được giữ nguyên trong quy hoạch | | | |
| | | | | | | | | | Đối tượng hiện trạng dự kiến được nâng cấp, điều chỉnh trong quy hoạch | | | |
| | | | | | | | | | Đối tượng hiện trạng không đưa vào quy hoạch | | | |
| | | | | | | nam | Integer | Bắt buộc | Năm cập nhật | | | |
| | | | | | | nguon | CharacterString | Bắt buộc | Nguồn gốc dữ liệu | | | |

| TT | Kiểu đối tượng địa lý | | | | Tên lớp/ nhóm lớp | Trường thuộc tính | Kiểu dữ liệu thuộc tính | Yêu cầu | Tên (nhãn)/Mô tả thuộc tính | Phạm vi áp dụng và kiểu dữ liệu hình học | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Mã tên kiểu đối tượng | | Tên | Mô tả | | | | | | Quy hoạch tổng thể quốc gia | Quy hoạch vùng | Quy hoạch tỉnh |
| | Dữ liệu hiện trạng | Dữ liệu định hướng phát triển | | | | | | | | | | |
| 14 | | SQ07 | Định hướng phát triển cảng hàng không, sân bay | Là định hướng phát triển cảng hàng không, sân bay được xác định trong quy hoạch.<br>- Quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng: Thể hiện cảng hàng không quốc tế, cảng hàng không nội địa.<br>- Quy hoạch tỉnh: Thể hiện cảng hàng không quốc tế, cảng hàng không nội địa và sân bay chuyên dùng. | DinhHuongPhatTrienCangHangKhongSanBay | maDoiTuong | CharacterString | Bắt buộc | Mã đối tượng | GM_Point | GM_Point | GM_Point hoặc GM_Polygon |
| | | | | | | ten | CharacterString | Bắt buộc | Tên cảng hàng không, sân bay | | | |
| | | | | | | phanLoai | Short Integer | Bắt buộc | Cảng hàng không quốc tế | | | |
| | | | | | | | | | Cảng hàng không nội địa | | | |
| | | | | | | | | | Sân bay chuyên dùng | | | |
| | | | | | | diaDiem | CharacterString | Có thể Null | Địa điểm dự kiến của cảng hàng không, sân bay<br>- Quy hoạch vùng: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp tỉnh.<br>- Quy hoạch tỉnh: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp huyện. | | | |
| | | | | | | capSanBay | CharacterString | Có thể Null | Cấp sân bay dự kiến theo theo mã tiêu chuẩn của ICAO | | | |
| | | | | | | congSuatThietKe | Integer | Có thể Null | Công suất thiết kế dự kiến của cảng hàng không, sân bay (triệu khách/năm) | | | |
| | | | | | | dienTich | Real | Có thể Null | Diện tích dự kiến của cảng hàng không, sân bay (ha). | | | |
| | | | | | | loaiQuyHoach | CharacterString | Bắt buộc | Quy hoạch mới | | | |
| | | | | | | | | | Quy hoạch trên cơ sở điều chỉnh hiện trạng | | | |
| | | | | | | quyHoachBatDau | Date | Bắt buộc | Ngày quy hoạch được quyết định hoặc phê duyệt | | | |
| | | | | | | quyHoachKetThuc | Date | Bắt buộc | Ngày cuối cùng của thời kỳ quy hoạch | | | |
| | | | | | | nguon | CharacterString | Có thể Null | Nguồn gốc dữ liệu | | | |
| 15 | SH08 | | Hiện trạng cảng biển | Là hiện trạng cảng biển được phân tích, đánh giá trong quy hoạch.<br>- Quy hoạch tổng thể quốc gia: Thể hiện cảng biển loại đặc biệt và loại I.<br>- Quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh: Thể hiện cảng biển loại đặc biệt, | HienTrangCangBien | maDoiTuong | CharacterString | Bắt buộc | Mã đối tượng | GM_Point | GM_Point | GM_Point |
| | | | | | | ten | CharacterString | Bắt buộc | Tên cảng biển | | | |
| | | | | | | nhomCangBien | CharacterString | Có thể Null | Nhóm cảng biển số 1 | | | |
| | | | | | | | | | Nhóm cảng biển số 2 | | | |
| | | | | | | | | | Nhóm cảng biển số 3 | | | |
| | | | | | | | | | Nhóm cảng biển số 4 | | | |
| | | | | | | | | | Nhóm cảng biển số 5 | | | |
| | | | | | | phanLoai | CharacterString | Bắt buộc | Phân loại cảng biển bao gồm: | | | |
| | | | | | | | | | Loại đặc biệt | | | |

| TT | Kiểu đối tượng địa lý | | | | Tên lớp/ nhóm lớp | Trường thuộc tính | Kiểu dữ liệu thuộc tính | Yêu cầu | Tên (nhãn)/Mô tả thuộc tính | Phạm vi áp dụng và kiểu dữ liệu hình học | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Mã tên kiểu đối tượng | | Tên | Mô tả | | | | | | Quy hoạch tổng thể quốc gia | Quy hoạch vùng | Quy hoạch tỉnh |
| | Dữ liệu hiện trạng | Dữ liệu định hướng phát triển | | | | | | | | | | |
| | | | | loại I, II, III. | | | | | Loại I | | | |
| | | | | | | | | | Loại II | | | |
| | | | | | | | | | Loại III | | | |
| | | | | | | loaiHienTrang | CharacterString | Bắt buộc | Đối tượng hiện trạng được giữ nguyên trong quy hoạch | | | |
| | | | | | | | | | Đối tượng hiện trạng dự kiến được nâng cấp, điều chỉnh trong quy hoạch | | | |
| | | | | | | | | | Đối tượng hiện trạng không đưa vào quy hoạch | | | |
| | | | | | | nam | Integer | Bắt buộc | Năm cập nhật | | | |
| | | | | | | nguon | CharacterString | Bắt buộc | Nguồn gốc dữ liệu | | | |
| 16 | | SQ08 | Định hướng phát triển cảng biển | Là định hướng phát triển cảng biển được xác định trong quy hoạch.<br>- Quy hoạch tổng thể quốc gia: Thể hiện cảng biển loại đặc biệt và loại I.<br>- Quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh: Thể hiện cảng biển loại đặc biệt, loại I, II, III. | DinhHuongPhatTrienCangBien | maDoiTuong | CharacterString | Bắt buộc | Mã đối tượng | GM_Point | GM_Point | GM_Point |
| | | | | | | ten | CharacterString | Bắt buộc | Tên cảng biển | | | |
| | | | | | | nhomCangBien | CharacterString | Có thể Null | Nhóm cảng biển số 1 | | | |
| | | | | | | | | | Nhóm cảng biển số 2 | | | |
| | | | | | | | | | Nhóm cảng biển số 3 | | | |
| | | | | | | | | | Nhóm cảng biển số 4 | | | |
| | | | | | | | | | Nhóm cảng biển số 5 | | | |
| | | | | | | phanLoai | CharacterString | Bắt buộc | Phân loại cảng biển bao gồm: | | | |
| | | | | | | | | | Loại đặc biệt | | | |
| | | | | | | | | | Loại I | | | |
| | | | | | | | | | Loại II | | | |
| | | | | | | | | | Loại III | | | |
| | | | | | | loaiQuyHoach | CharacterString | Bắt buộc | Quy hoạch mới | | | |
| | | | | | | | | | Quy hoạch trên cơ sở điều chỉnh hiện trạng | | | |
| | | | | | | quyHoachBatDau | Date | Bắt buộc | Ngày quy hoạch được quyết định hoặc phê duyệt | | | |
| | | | | | | quyHoachKetThuc | Date | Bắt buộc | Ngày cuối cùng của thời kỳ quy hoạch | | | |
| | | | | | | nguon | CharacterString | Có thể Null | Nguồn gốc dữ liệu | | | |

| TT | Kiểu đối tượng địa lý | | | | Tên lớp/ nhóm lớp | Trường thuộc tính | Kiểu dữ liệu thuộc tính | Yêu cầu | Tên (nhãn)/Mô tả thuộc tính | Phạm vi áp dụng và kiểu dữ liệu hình học | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Mã tên kiểu đối tượng | | Tên | Mô tả | | | | | | Quy hoạch tổng thể quốc gia | Quy hoạch vùng | Quy hoạch tỉnh |
| | Dữ liệu hiện trạng | Dữ liệu định hướng phát triển | | | | | | | | | | |
| 17 | SH09 | | Hiện trạng khu bến, bến cảng (cảng biển) | Là hiện trạng khu bến, bến cảng (cảng biển) được phân tích, đánh giá trong quy hoạch | HienTrangKhuBenCangBien | maDoiTuong | CharacterString | Bắt buộc | Mã đối tượng | | GM_Point | GM_Point hoặc GM_Polygon |
| | | | | | | ten | CharacterString | Bắt buộc | Công trình khu bến, bến cảng | | | |
| | | | | | | phanLoai | CharacterString | Có thể Null | Phân loại công trình bao gồm: | | | |
| | | | | | | | | | Khu bến | | | |
| | | | | | | | | | Bến cảng | | | |
| | | | | | | cangBien | CharacterString | Có thể Null | Tên cảng biển mà khu bến, bến cảng trực thuộc | | | |
| | | | | | | diaDiem | CharacterString | Có thể Null | Địa điểm của khu bến, bến cảng.<br>- Quy hoạch vùng: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp tỉnh.<br>- Quy hoạch tỉnh: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp huyện. | | | |
| | | | | | | loaiHienTrang | CharacterString | Bắt buộc | Đối tượng hiện trạng được giữ nguyên trong quy hoạch | | | |
| | | | | | | | | | Đối tượng hiện trạng dự kiến được nâng cấp, điều chỉnh trong quy hoạch | | | |
| | | | | | | | | | Đối tượng hiện trạng không đưa vào quy hoạch | | | |
| | | | | | | nam | Integer | Bắt buộc | Năm cập nhật | | | |
| | | | | | | nguon | CharacterString | Bắt buộc | Nguồn gốc dữ liệu | | | |
| 18 | | SQ09 | Định hướng phát triển khu bến, bến cảng (cảng biển) | Là định hướng phát triển khu bến, bến cảng (cảng biển) được xác định trong quy hoạch | DinhHuongPhatTrienKhuBenCangBien | maDoiTuong | CharacterString | Bắt buộc | Mã đối tượng | | GM_Point | GM_Point hoặc GM_Polygon |
| | | | | | | ten | CharacterString | Bắt buộc | Công trình khu bến, bến cảng | | | |
| | | | | | | phanLoai | CharacterString | Có thể Null | Phân loại công trình bao gồm: | | | |
| | | | | | | | | | Khu bến | | | |
| | | | | | | | | | Bến cảng | | | |
| | | | | | | cangBien | CharacterString | Có thể Null | Tên cảng biển mà khu bến, bến cảng trực thuộc | | | |
| | | | | | | diaDiem | CharacterString | Có thể Null | Địa điểm dự kiến của khu bến, bến cảng.<br>- Quy hoạch vùng: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp tỉnh.<br>- Quy hoạch tỉnh: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp huyện. | | | |
| | | | | | | loaiQuyHoach | CharacterString | Bắt buộc | Quy hoạch mới | | | |
| | | | | | | | | | Quy hoạch trên cơ sở điều chỉnh hiện trạng | | | |
| | | | | | | quyHoachBatDau | Date | Bắt buộc | Ngày quy hoạch được quyết định hoặc phê duyệt | | | |

| TT | Kiểu đối tượng địa lý | | | | Tên lớp/ nhóm lớp | Trường thuộc tính | Kiểu dữ liệu thuộc tính | Yêu cầu | Tên (nhãn)/Mô tả thuộc tính | Phạm vi áp dụng và kiểu dữ liệu hình học | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Mã tên kiểu đối tượng | | Tên | Mô tả | | | | | | Quy hoạch tổng thể quốc gia | Quy hoạch vùng | Quy hoạch tỉnh |
| | Dữ liệu hiện trạng | Dữ liệu định hướng phát triển | | | | | | | | | | |
| | | | | | | quyHoachKetThuc | Date | Bắt buộc | Ngày cuối cùng của thời kỳ quy hoạch | | | |
| | | | | | | nguon | CharacterString | Có thể Null | Nguồn gốc dữ liệu | | | |
| 19 | SH10 | | Hiện trạng cảng cạn | Là hiện trạng cảng cạn được phân tích, đánh giá trong quy hoạch | HienTrangCangCan | maDoiTuong | CharacterString | Bắt buộc | Mã đối tượng | | GM_Point | GM_Point hoặc GM_Polygon |
| | | | | | | ten | CharacterString | Bắt buộc | Tên cảng cạn | | | |
| | | | | | | diaDiem | CharacterString | Có thể Null | Địa điểm của cảng cạn.<br>- Quy hoạch vùng: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp tỉnh.<br>- Quy hoạch tỉnh: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp huyện. | | | |
| | | | | | | dienTich | Real | Có thể Null | Diện tích của cảng cạn (ha) | | | |
| | | | | | | nangLucThongQua | Integer | Có thể Null | Năng lực thông qua hàng hóa của cảng cạn (TEU/năm) | | | |
| | | | | | | loaiHienTrang | CharacterString | Bắt buộc | Đối tượng hiện trạng được giữ nguyên trong quy hoạch | | | |
| | | | | | | | | | Đối tượng hiện trạng dự kiến được nâng cấp, điều chỉnh trong quy hoạch | | | |
| | | | | | | | | | Đối tượng hiện trạng không đưa vào quy hoạch | | | |
| | | | | | | nam | Integer | Bắt buộc | Năm cập nhật | | | |
| | | | | | | nguon | CharacterString | Bắt buộc | Nguồn gốc dữ liệu | | | |
| 20 | | SQ10 | Định hướng phát triển cảng cạn | Là định hướng phát triển cảng cạn được xác định trong quy hoạch | DinhHuongPhatTrienCangCan | maDoiTuong | CharacterString | Bắt buộc | Mã đối tượng | | GM_Point | GM_Point hoặc GM_Polygon |
| | | | | | | ten | CharacterString | Bắt buộc | Tên cảng cạn | | | |
| | | | | | | diaDiem | CharacterString | Có thể Null | Địa điểm dự kiến của cảng cạn.<br>- Quy hoạch vùng: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp tỉnh.<br>- Quy hoạch tỉnh: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp huyện. | | | |
| | | | | | | dienTich | Real | Có thể Null | Diện tích dự kiến của cảng cạn (ha) | | | |
| | | | | | | nangLucThongQua | Integer | Có thể Null | Năng lực thông qua hàng hóa dự kiến của cảng cạn (TEU/năm) | | | |
| | | | | | | loaiQuyHoach | CharacterString | Bắt buộc | Quy hoạch mới | | | |
| | | | | | | | | | Quy hoạch trên cơ sở điều chỉnh hiện trạng | | | |
| | | | | | | quyHoachBatDau | Date | Bắt buộc | Ngày quy hoạch được quyết định hoặc phê duyệt | | | |
| | | | | | | quyHoachKetThuc | Date | Bắt buộc | Ngày cuối cùng của thời kỳ quy hoạch | | | |
| | | | | | | nguon | CharacterString | Có thể Null | Nguồn gốc dữ liệu | | | |

## 8. Thông tin và truyền thông

| TT | Kiểu đối tượng địa lý | | | | Tên lớp/ nhóm lớp | Trường thuộc tính | Kiểu dữ liệu thuộc tính | Yêu cầu | Tên (nhãn)/Mô tả thuộc tính | Phạm vi áp dụng và kiểu dữ liệu hình học | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Mã tên kiểu đối tượng | | Tên | Mô tả | | | | | | Quy hoạch tổng thể quốc gia | Quy hoạch vùng | Quy hoạch tỉnh |
| | Dữ liệu hiện trạng | Dữ liệu định hướng phát triển | | | | | | | | | | |
| 1 | TH01 | | Hiện trạng trung tâm bưu chính | Là trung tâm bưu chính hiện trạng được phân tích, đánh giá trong quy hoạch.<br>- Quy hoạch vùng thể hiện trung tâm bưu chính cấp quốc gia, cấp vùng.<br>- Quy hoạch tỉnh: Thể hiện trung tâm bưu chính cấp quốc gia, cấp vùng, cấp tỉnh. | HientrangTrungTamBuuChinh | maDoiTuong | CharacterString | Bắt buộc | Mã đối tượng | | GM_Point | GM_Point |
| | | | | | | ten | CharacterString | Bắt buộc | Tên của trung tâm bưu chính | | | |
| | | | | | | phanLoai | CharacterString | Có thể Null | Trung tâm bưu chính cấp quốc gia | | | |
| | | | | | | | | | Trung tâm bưu chính cấp vùng | | | |
| | | | | | | | | | Trung tâm bưu chính cấp tỉnh | | | |
| | | | | | | diaDiem | CharacterString | Có thể Null | Địa điểm của trung tâm bưu chính.<br>- Quy hoạch vùng: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp tỉnh.<br>- Quy hoạch tỉnh: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp huyện. | | | |
| | | | | | | dienTich | Real | Có thể Null | Diện tích của trung tâm bưu chính (ha) | | | |
| | | | | | | loaiHienTrang | CharacterString | Bắt buộc | Đối tượng hiện trạng được giữ nguyên trong quy hoạch | | | |
| | | | | | | | | | Đối tượng hiện trạng dự kiến được nâng cấp, điều chỉnh trong quy hoạch | | | |
| | | | | | | | | | Đối tượng hiện trạng không đưa vào quy hoạch | | | |
| | | | | | | nam | Integer | Bắt buộc | Năm cập nhật | | | |
| | | | | | | nguon | CharacterString | Bắt buộc | Nguồn gốc dữ liệu | | | |
| 2 | | TQ01 | Định hướng phát triển trung tâm bưu chính | Là trung tâm bưu chính được định hướng phát triển trong quy hoạch.<br>- Quy hoạch vùng thể hiện trung tâm bưu chính cấp quốc gia, cấp vùng.<br>- Quy hoạch tỉnh: Thể hiện trung tâm bưu chính cấp quốc gia, cấp vùng, cấp tỉnh. | DinhHuongTrungTamBuuChinh | maDoiTuong | CharacterString | Bắt buộc | Mã đối tượng | | GM_Point | GM_Point |
| | | | | | | ten | CharacterString | Bắt buộc | Tên của trung tâm bưu chính | | | |
| | | | | | | phanLoai | CharacterString | Có thể Null | Trung tâm bưu chính cấp quốc gia | | | |
| | | | | | | | | | Trung tâm bưu chính cấp vùng | | | |
| | | | | | | | | | Trung tâm bưu chính cấp tỉnh | | | |
| | | | | | | diaDiem | CharacterString | Có thể Null | Địa điểm dự kiến của trung tâm bưu chính.<br>- Quy hoạch vùng: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp tỉnh.<br>- Quy hoạch tỉnh: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp huyện. | | | |
| | | | | | | dienTich | Real | Có thể Null | Diện tích dự kiến của trung tâm bưu chính (ha) | | | |
| | | | | | | loaiQuyHoach | CharacterString | Bắt buộc | Quy hoạch mới | | | |
| | | | | | | | | | Quy hoạch trên cơ sở điều chỉnh hiện trạng | | | |

| TT | Kiểu đối tượng địa lý | | | | Tên lớp/ nhóm lớp | Trường thuộc tính | Kiểu dữ liệu thuộc tính | Yêu cầu | Tên (nhãn)/Mô tả thuộc tính | Phạm vi áp dụng và kiểu dữ liệu hình học | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Mã tên kiểu đối tượng | | Tên | Mô tả | | | | | | Quy hoạch tổng thể quốc gia | Quy hoạch vùng | Quy hoạch tỉnh |
| | Dữ liệu hiện trạng | Dữ liệu định hướng phát triển | | | | | | | | | | |
| | | | | | | quyHoachBatDau | Date | Bắt buộc | Ngày quy hoạch được quyết định hoặc phê duyệt | | | |
| | | | | | | quyHoachKetThuc | Date | Bắt buộc | Ngày cuối cùng của thời kỳ quy hoạch | | | |
| | | | | | | nguon | CharacterString | Có thể Null | Nguồn gốc dữ liệu | | | |
| 3 | TH02 | | Hiện trạng cáp ngoại vi viễn thông | Là cáp ngoại vi viễn thông hiện trạng được phân tích, đánh giá trong quy hoạch.<br>- Quy hoạch vùng: Thể hiện cáp ngoại vi viễn thông quan trọng có phạm vi quốc tế, quốc gia và liên tỉnh.<br>- Quy hoạch: Thể hiện cáp ngoại vi viễn thông quan trọng có phạm vi quốc tế, quốc gia, cấp tỉnh, liên huyện. | HienTrangCapNgoaiViVienThong | maDoiTuong | CharacterString | Bắt buộc | Mã đối tượng | | GM_Polyline | GM_Polyline |
| | | | | | | ten | CharacterString | Bắt buộc | Tên tuyến cáp viễn thông | | | |
| | | | | | | tinhChat | CharacterString | Có thể Null | Tính chất của cáp viễn thông bao gồm: | | | |
| | | | | | | | | | Cáp viễn thông trên đất liền | | | |
| | | | | | | | | | Cáp viễn thông trên biển | | | |
| | | | | | | phanLoai | CharacterString | Có thể Null | Phân loại cáp viễn thông bao gồm: | | | |
| | | | | | | | | | Cáp quang | | | |
| | | | | | | | | | Cáp đồng | | | |
| | | | | | | dungLuong | Real | Có thể Null | Dung lượng của cáp viễn thông (Gbps) | | | |
| | | | | | | loaiHienTrang | | Bắt buộc | Đối tượng hiện trạng được giữ nguyên trong quy hoạch | | | |
| | | | | | | | | | Đối tượng hiện trạng dự kiến được nâng cấp, điều chỉnh trong quy hoạch | | | |
| | | | | | | | | | Đối tượng hiện trạng không đưa vào quy hoạch | | | |
| | | | | | | nam | Integer | Bắt buộc | Năm cập nhật | | | |
| | | | | | | nguon | CharacterString | Bắt buộc | Nguồn gốc dữ liệu | | | |
| 4 | | TQ02 | Định hướng phát triển cáp ngoại vi viễn thông | Là cáp ngoại vi viễn thông được định hướng phát triển trong quy hoạch.<br>- Quy hoạch vùng: Thể hiện cáp viễn thông quan trọng có phạm vi quốc tế, quốc gia và liên tỉnh.<br>- Quy hoạch: Thể hiện cáp viễn thông quan trọng có phạm vi quốc tế, quốc gia, cấp tỉnh, liên huyện. | DinhHuongCapNgoaiViVienThong | maDoiTuong | CharacterString | Bắt buộc | Mã đối tượng | | GM_Polyline | GM_Polyline |
| | | | | | | ten | CharacterString | Bắt buộc | Tên tuyến cáp viễn thông | | | |
| | | | | | | tinhChat | CharacterString | Có thể Null | Tính chất của cáp viễn thông bao gồm: | | | |
| | | | | | | | | | Cáp viễn thông trên đất liền | | | |
| | | | | | | | | | Cáp viễn thông trên biển | | | |
| | | | | | | phanLoai | CharacterString | Có thể Null | Phân loại cáp viễn thông bao gồm: | | | |
| | | | | | | | | | Cáp quang | | | |
| | | | | | | | | | Cáp đồng | | | |
| | | | | | | dungLuong | Real | Có thể Null | Dung lượng dự kiến của cáp viễn thông (Gbps) | | | |
| | | | | | | loaiQuyHoach | CharacterString | Bắt buộc | Quy hoạch mới | | | |
| | | | | | | | | | Quy hoạch trên cơ sở điều chỉnh hiện trạng | | | |

| TT | Kiểu đối tượng địa lý | | | | Tên lớp/ nhóm lớp | Trường thuộc tính | Kiểu dữ liệu thuộc tính | Yêu cầu | Tên (nhãn)/Mô tả thuộc tính | Phạm vi áp dụng và kiểu dữ liệu hình học | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Mã tên kiểu đối tượng | | Tên | Mô tả | | | | | | Quy hoạch tổng thể quốc gia | Quy hoạch vùng | Quy hoạch tỉnh |
| | Dữ liệu hiện trạng | Dữ liệu định hướng phát triển | | | | | | | | | | |
| | | | | | | quyHoachBatDau | Date | Bắt buộc | Ngày quy hoạch được quyết định hoặc phê duyệt | | | |
| | | | | | | quyHoachKetThuc | Date | Bắt buộc | Ngày cuối cùng của thời kỳ quy hoạch | | | |
| | | | | | | nguon | CharacterString | Có thể Null | Nguồn gốc dữ liệu | | | |
| 5 | TH03 | | Hiện trạng trạm viễn thông | Là hiện trạng trạm viễn thông (trung tâm chuyển mạch, truyền dẫn, trung tâm dữ liệu, trạm thu phát sóng vô tuyến điện cố định, đài phát thanh, đài truyền hình) được phân tích, đánh giá trong quy hoạch.<br>- Quy hoạch vùng: Thể hiện trạm viễn thông cấp quốc gia.<br>- Quy hoạch tỉnh: Thể hiện trạm viễn thông cấp quốc gia, cấp vùng, cấp tỉnh. | HienTrangTramVienThong | maDoiTuong | CharacterString | Bắt buộc | Mã đối tượng | | GM_Point | GM_Point |
| | | | | | | ten | CharacterString | Bắt buộc | Tên trạm viễn thông | | | |
| | | | | | | phanLoai | CharacterString | Bắt buộc | Phân loại trạm viễn thông bao gồm: | | | |
| | | | | | | | | | Trung tâm chuyển mạch, truyền dẫn | | | |
| | | | | | | | | | Trung tâm dữ liệu | | | |
| | | | | | | | | | Trạm thu phát sóng vô tuyến điện cố định (sử dụng trong nghiệp vụ vô tuyến điện cố định, thông tin di động, hàng không, hàng hải, dẫn đường, định vị, vệ tinh, phát chuẩn, nghiệp dư) | | | |
| | | | | | | | | | Đài phát thanh, đài truyền hình | | | |
| | | | | | | diaDiem | CharacterString | Có thể Null | Địa điểm của trạm viễn thông.<br>- Quy hoạch vùng: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp tỉnh.<br>- Quy hoạch tỉnh: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp huyện. | | | |
| | | | | | | dienTich | Real | Có thể Null | Diện tích của trạm viễn thông (ha) | | | |
| | | | | | | loaiHienTrang | CharacterString | Bắt buộc | Đối tượng hiện trạng được giữ nguyên trong quy hoạch | | | |
| | | | | | | | | | Đối tượng hiện trạng dự kiến được nâng cấp, điều chỉnh trong quy hoạch | | | |
| | | | | | | | | | Đối tượng hiện trạng không đưa vào quy hoạch | | | |
| | | | | | | nam | Integer | Bắt buộc | Năm cập nhật | | | |
| | | | | | | nguon | CharacterString | Bắt buộc | Nguồn gốc dữ liệu | | | |
| 6 | | TQ03 | Định hướng phát triển trạm viễn thông | Là trạm viễn thông (trung tâm chuyển mạch, truyền dẫn, trung tâm dữ liệu, trạm thu phát sóng vô tuyến điện cố định, | DinhHuongTramVienThong | maDoiTuong | CharacterString | Bắt buộc | Mã đối tượng | | GM_Point | GM_Point |
| | | | | | | ten | CharacterString | Bắt buộc | Tên trạm viễn thông | | | |
| | | | | | | phanLoai | CharacterString | Bắt buộc | Phân loại trạm viễn thông bao gồm: | | | |
| | | | | | | | | | Trung tâm chuyển mạch, truyền dẫn | | | |
| | | | | | | | | | Trung tâm dữ liệu | | | |

| TT | Kiểu đối tượng địa lý | | | | Tên lớp/ nhóm lớp | Trường thuộc tính | Kiểu dữ liệu thuộc tính | Yêu cầu | Tên (nhãn)/Mô tả thuộc tính | Phạm vi áp dụng và kiểu dữ liệu hình học | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Mã tên kiểu đối tượng | | Tên | Mô tả | | | | | | Quy hoạch tổng thể quốc gia | Quy hoạch vùng | Quy hoạch tỉnh |
| | Dữ liệu hiện trạng | Dữ liệu định hướng phát triển | | | | | | | | | | |
| | | | | đài phát thanh, đài truyền hình) được định hướng phát triển trong quy hoạch.<br>- Quy hoạch vùng: Thể hiện cáp viễn thông cấp quốc gia.<br>- Quy hoạch tỉnh: Thể hiện trạm viễn thông cấp quốc gia, cấp vùng, cấp tỉnh. | | | | | Trạm thu phát sóng vô tuyến điện cố định (sử dụng trong nghiệp vụ vô tuyến điện cố định, thông tin di động, hàng không, hàng hải, dẫn đường, định vị, vệ tinh, phát chuẩn, nghiệp dư) | | | |
| | | | | | | | | | Đài phát thanh, đài truyền hình | | | |
| | | | | | | diaDiem | CharacterString | Có thể Null | Địa điểm dự kiến của trạm viễn thông.<br>- Quy hoạch vùng: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp tỉnh.<br>- Quy hoạch tỉnh: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp huyện. | | | |
| | | | | | | dienTich | Real | Có thể Null | Diện tích dự kiến của trạm viễn thông (ha) | | | |
| | | | | | | loaiQuyHoach | CharacterString | Bắt buộc | Quy hoạch mới | | | |
| | | | | | | | | | Quy hoạch trên cơ sở điều chỉnh hiện trạng | | | |
| | | | | | | quyHoachBatDau | Date | Bắt buộc | Ngày quy hoạch được quyết định hoặc phê duyệt | | | |
| | | | | | | quyHoachKetThuc | Date | Bắt buộc | Ngày cuối cùng của thời kỳ quy hoạch | | | |
| | | | | | | nguon | CharacterString | Có thể Null | Nguồn gốc dữ liệu | | | |
| 7 | TH04 | | Hiện trạng khu công nghệ thông tin tập trung | Là khu công nghệ thông tin tập trung hiện trạng được phân tích, đánh giá trong quy hoạch | HienTrangKhuCongNgheThongTinTapTrung | maDoiTuong | CharacterString | Bắt buộc | Mã đối tượng | | GM_Point | GM_Point hoặc GM_Polygon |
| | | | | | | ten | CharacterString | Bắt buộc | Tên khu công nghệ thông tin tập trung | | | |
| | | | | | | phanLoai | CharacterString | Bắt buộc | Công viên phần mềm, khu phần mềm tập trung | | | |
| | | | | | | | | | Khu tổ hợp công nghệ thông tin và các khu công nghệ thông tin tập trung khác | | | |
| | | | | | | diaDiem | CharacterString | Có thể Null | Địa điểm dự kiến của khu công nghệ thông tin tập trung.<br>- Quy hoạch vùng: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp tỉnh.<br>- Quy hoạch tỉnh: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp huyện. | | | |
| | | | | | | dienTich | Real | Có thể Null | Diện tích dự kiến của khu công nghệ thông tin tập trung (ha) | | | |
| | | | | | | loaiHienTrang | CharacterString | Bắt buộc | Đối tượng hiện trạng được giữ nguyên trong quy hoạch | | | |
| | | | | | | | | | Đối tượng hiện trạng dự kiến được nâng cấp, điều chỉnh trong quy hoạch | | | |
| | | | | | | | | | Đối tượng hiện trạng không đưa vào quy hoạch | | | |

| TT | Kiểu đối tượng địa lý | | | | Tên lớp/ nhóm lớp | Trường thuộc tính | Kiểu dữ liệu thuộc tính | Yêu cầu | Tên (nhãn)/Mô tả thuộc tính | Phạm vi áp dụng và kiểu dữ liệu hình học | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Mã tên kiểu đối tượng | | Tên | Mô tả | | | | | | Quy hoạch tổng thể quốc gia | Quy hoạch vùng | Quy hoạch tỉnh |
| | Dữ liệu hiện trạng | Dữ liệu định hướng phát triển | | | | | | | | | | |
| | | | | | | nam | Integer | Bắt buộc | Năm cập nhật | | | |
| | | | | | | nguon | CharacterString | Bắt buộc | Nguồn gốc dữ liệu | | | |
| 8 | | TQ04 | Định hướng phát triển khu công nghệ thông tin tập trung | Là khu công nghệ thông tin tập trung được định hướng phát triển trong quy hoạch | DinhHuongKhuCongNgheThongTinTapTrung | maDoiTuong | CharacterString | Bắt buộc | Mã đối tượng | | GM_Point | GM_Point hoặc GM_Polygon |
| | | | | | | ten | CharacterString | Bắt buộc | Tên khu công nghệ thông tin tập trung | | | |
| | | | | | | phanLoai | CharacterString | Bắt buộc | Công viên phần mềm, khu phần mềm tập trung | | | |
| | | | | | | | | | Khu tổ hợp công nghệ thông tin và các khu công nghệ thông tin tập trung khác | | | |
| | | | | | | diaDiem | CharacterString | Có thể Null | Địa điểm dự kiến của khu công nghệ thông tin tập trung.<br>- Quy hoạch vùng: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp tỉnh.<br>- Quy hoạch tỉnh: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp huyện. | | | |
| | | | | | | dienTich | Real | Có thể Null | Diện tích dự kiến của khu công nghệ thông tin tập trung (ha) | | | |
| | | | | | | loaiQuyHoach | CharacterString | Bắt buộc | Quy hoạch mới | | | |
| | | | | | | | | | Quy hoạch trên cơ sở điều chỉnh hiện trạng | | | |
| | | | | | | quyHoachBatDau | Date | Bắt buộc | Ngày quy hoạch được quyết định hoặc phê duyệt | | | |
| | | | | | | quyHoachKetThuc | Date | Bắt buộc | Ngày cuối cùng của thời kỳ quy hoạch | | | |
| | | | | | | nguon | CharacterString | Có thể Null | Nguồn gốc dữ liệu | | | |

## 9. Khoa học và công nghệ

| TT | Kiểu đối tượng địa lý | | | | Tên lớp/nhóm lớp | Trường thuộc tính | Kiểu dữ liệu thuộc tính | Yêu cầu | Tên (nhãn)/Mô tả thuộc tính | Phạm vi áp dụng và kiểu dữ liệu hình học | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Mã tên kiểu đối tượng | | Tên | Mô tả | | | | | | Quy hoạch tổng thể quốc gia | Quy hoạch vùng | Quy hoạch tỉnh |
| | Dữ liệu hiện trạng | Dữ liệu định hướng phát triển | | | | | | | | | | |
| 1 | UH01 | | Hiện trạng khu công nghệ cao | Là khu công nghệ cao (thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ) được phân tích, đánh | HienTrangKhuCongNgheCao | maDoiTuong | CharacterString | Bắt buộc | Mã đối tượng | | GM_Point | GM_Point hoặc GM_Polygon |
| | | | | | | ten | CharacterString | Bắt buộc | Tên khu công nghệ cao | | | |

| TT | Kiểu đối tượng địa lý | | | | Tên lớp/nhóm lớp | Trường thuộc tính | Kiểu dữ liệu thuộc tính | Yêu cầu | Tên (nhãn)/Mô tả thuộc tính | Phạm vi áp dụng và kiểu dữ liệu hình học | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Mã tên kiểu đối tượng | | Tên | Mô tả | | | | | | Quy hoạch tổng thể quốc gia | Quy hoạch vùng | Quy hoạch tỉnh |
| | Dữ liệu hiện trạng | Dữ liệu định hướng phát triển | | | | | | | | | | |
| | | | | giá trong quy hoạch. | | diaDiem | CharacterString | Có thể Null | Địa điểm của khu công nghệ cao.<br>- Quy hoạch vùng: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp tỉnh.<br>- Quy hoạch tỉnh: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp huyện. | | | |
| | | | | | | dienTich | Real | Có thể Null | Diện tích của khu công nghệ cao (ha) | | | |
| | | | | | | loaiHienTrang | CharacterString | Bắt buộc | Đối tượng hiện trạng được giữ nguyên trong quy hoạch | | | |
| | | | | | | | | | Đối tượng hiện trạng dự kiến được nâng cấp, điều chỉnh trong quy hoạch | | | |
| | | | | | | | | | Đối tượng hiện trạng không đưa vào quy hoạch | | | |
| | | | | | | nam | Integer | Bắt buộc | Năm cập nhật | | | |
| | | | | | | nguon | CharacterString | Bắt buộc | Nguồn gốc dữ liệu | | | |
| 2 | | UQ01 | Định hướng phát triển khu công nghệ cao | Là khu công nghệ cao (thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ) được định hướng phát triển trong quy hoạch | DinhHuongKhuCongNgheCao | maDoiTuong | CharacterString | Bắt buộc | Mã đối tượng | | GM_Point | GM_Point hoặc GM_Polygon |
| | | | | | | ten | CharacterString | Bắt buộc | Tên khu công nghệ cao | | | |
| | | | | | | diaDiem | CharacterString | Có thể Null | Địa điểm dự kiến của khu công nghệ cao.<br>- Quy hoạch vùng: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp tỉnh.<br>- Quy hoạch tỉnh: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp huyện. | | | |
| | | | | | | dienTich | Real | Có thể Null | Diện tích dự kiến của khu công nghệ cao (ha) | | | |
| | | | | | | loaiQuyHoach | CharacterString | Bắt buộc | Quy hoạch mới | | | |
| | | | | | | | | | Quy hoạch trên cơ sở điều chỉnh hiện trạng | | | |
| | | | | | | quyHoachBatDau | Date | Bắt buộc | Ngày quy hoạch được quyết định hoặc phê duyệt | | | |
| | | | | | | quyHoachKetThuc | Date | Bắt buộc | Ngày cuối cùng của thời kỳ quy hoạch | | | |
| | | | | | | nguon | CharacterString | Có thể Null | Nguồn gốc dữ liệu | | | |

**10. Y tế**

| TT | Kiểu đối tượng địa lý | | | | Tên lớp/nhóm lớp | Trường thuộc tính | Kiểu dữ liệu thuộc tính | Yêu cầu | Tên (nhãn)/Mô tả thuộc tính | Phạm vi áp dụng và kiểu dữ liệu hình học | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Mã tên kiểu đối tượng | | Tên | Mô tả | | | | | | Quy hoạch tổng thể quốc gia | Quy hoạch vùng | Quy hoạch tỉnh |
| | Dữ liệu hiện trạng | Dữ liệu định hướng phát triển | | | | | | | | | | |
| 1 | VH01 | | Hiện trạng cơ sở y tế | Là cơ sở y tế được phân tích, đánh giá trong quy hoạch<br>- Quy hoạch tổng thể quốc gia: thể hiện bệnh viện tuyến trung ương trực thuộc Bộ Y tế.<br>- Quy hoạch vùng: thể hiện cơ sở y tế đã được xác định trong quy hoạch cấp quốc gia trên địa bàn vùng.<br>- Quy hoạch tỉnh: thể hiện cơ sở y tế đã được xác định trong quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng; cơ sở y tế cấp tỉnh, liên huyện. | HienTrangCoSoYTe | maDoiTuong | CharacterString | Bắt buộc | Mã đối tượng | GM_Point | GM_Point | GM_Point hoặc GM_Polygon |
| | | | | | | ten | CharacterString | Bắt buộc | Tên cơ sở y tế | | | |
| | | | | | | capQuanLy | CharacterString | Có thể Null | Cấp quản lý cơ sở y tế bao gồm: | | | |
| | | | | | | | | | Trung ương | | | |
| | | | | | | | | | Cấp tỉnh | | | |
| | | | | | | phanLoai | CharacterString | Có thể Null | Phân loại cơ sở y tế bao gồm: | | | |
| | | | | | | | | | Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng | | | |
| | | | | | | | | | Cơ sở giám định y khoa, giám định pháp y và pháp y tâm thần | | | |
| | | | | | | | | | Cơ sở y tế dự phòng, y tế công cộng | | | |
| | | | | | | | | | Cơ sở kiểm nghiệm, kiểm định, kiểm chuẩn về thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm, vắc xin và sinh phẩm y tế, trang thiết bị y tế | | | |
| | | | | | | | | | Cơ sở y tế thuộc lĩnh vực dân số - kế hoạch hóa gia đình | | | |
| | | | | | | | | | Cơ sở y tế khác | | | |
| | | | | | | dienTich | Real | Có thể Null | Diện tích cơ sở y tế (ha) | | | |
| | | | | | | diaDiem | CharacterString | Có thể Null | Địa điểm của cơ sở y tế.<br>- Quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp tỉnh.<br>- Quy hoạch tỉnh: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp huyện. | | | |
| | | | | | | loaiHienTrang | Short Integer | Bắt buộc | Đối tượng hiện trạng được giữ nguyên trong quy hoạch | | | |
| | | | | | | | | | Đối tượng hiện trạng dự kiến được nâng cấp, điều chỉnh trong quy hoạch | | | |
| | | | | | | | | | Đối tượng hiện trạng không đưa vào quy hoạch | | | |
| | | | | | | nam | Integer | Bắt buộc | Năm cập nhật | | | |
| | | | | | | nguon | CharacterString | Bắt buộc | Nguồn gốc dữ liệu | | | |

| TT | Kiểu đối tượng địa lý | | | | Tên lớp/nhóm lớp | Trường thuộc tính | Kiểu dữ liệu thuộc tính | Yêu cầu | Tên (nhãn)/Mô tả thuộc tính | Phạm vi áp dụng và kiểu dữ liệu hình học | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Mã tên kiểu đối tượng | | Tên | Mô tả | | | | | | Quy hoạch tổng thể quốc gia | Quy hoạch vùng | Quy hoạch tỉnh |
| | Dữ liệu hiện trạng | Dữ liệu định hướng phát triển | | | | | | | | | | |
| 2 | | VQ01 | Định hướng phát triển cơ sở Y tế | Là cơ sở y tế được định hướng phát triển trong quy hoạch<br>- Quy hoạch tổng thể quốc gia: thể hiện bệnh viện tuyến trung ương trực thuộc Bộ Y tế.<br>- Quy hoạch vùng: thể hiện cơ sở y tế đã được xác định trong quy hoạch cấp quốc gia trên địa bàn vùng.<br>- Quy hoạch tỉnh: thể hiện cơ sở y tế đã được xác định trong quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng; cơ sở y tế cấp tỉnh, liên huyện. | DinhHuongPhatTrienCoSoYTe | maDoiTuong | CharacterString | Bắt buộc | Mã đối tượng | GM_Point | GM_Point | GM_Point hoặc GM_Polygon |
| | | | | | | ten | CharacterString | Bắt buộc | Tên cơ sở y tế | | | |
| | | | | | | capQuanLy | CharacterString | Có thể Null | Cấp quản lý cơ sở y tế bao gồm: | | | |
| | | | | | | | | | Trung ương | | | |
| | | | | | | | | | Cấp tỉnh | | | |
| | | | | | | phanLoai | CharacterString | Có thể Null | Phân loại cơ sở y tế bao gồm: | | | |
| | | | | | | | | | Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng | | | |
| | | | | | | | | | Cơ sở giám định y khoa, giám định pháp y và pháp y tâm thần | | | |
| | | | | | | | | | Cơ sở y tế dự phòng, y tế công cộng | | | |
| | | | | | | | | | Cơ sở kiểm nghiệm, kiểm định, kiểm chuẩn về thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm, vắc xin và sinh phẩm y tế, trang thiết bị y tế | | | |
| | | | | | | | | | Cơ sở y tế thuộc lĩnh vực dân số - kế hoạch hóa gia đình | | | |
| | | | | | | | | | Cơ sở y tế khác | | | |
| | | | | | | dienTich | Real | Có thể Null | Diện tích dự kiến của cơ sở y tế (ha) | | | |
| | | | | | | diaDiem | CharacterString | Có thể Null | Địa điểm dự kiến của cơ sở y tế.<br>- Quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp tỉnh.<br>- Quy hoạch tỉnh: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp huyện. | | | |
| | | | | | | loaiQuyHoach | CharacterString | Bắt buộc | Quy hoạch mới | | | |
| | | | | | | | | | Quy hoạch trên cơ sở điều chỉnh hiện trạng | | | |
| | | | | | | quyHoachBatDau | Date | Bắt buộc | Ngày quy hoạch được quyết định hoặc phê duyệt | | | |
| | | | | | | quyHoachKetThuc | Date | Bắt buộc | Ngày cuối cùng của thời kỳ quy hoạch | | | |
| | | | | | | nguon | CharacterString | Có thể Null | Nguồn gốc dữ liệu | | | |

## 11. Giáo dục và đào tạo

| TT | Kiểu đối tượng địa lý | | | | Tên lớp/ nhóm lớp | Trường thuộc tính | Kiểu dữ liệu thuộc tính | Yêu cầu | Tên (nhãn)/Mô tả thuộc tính | Phạm vi áp dụng và kiểu dữ liệu hình học | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Mã tên kiểu đối tượng | | Tên | Mô tả | | | | | | Quy hoạch tổng thể quốc gia | Quy hoạch vùng | Quy hoạch tỉnh |
| | Dữ liệu hiện trạng | Dữ liệu định hướng phát triển | | | | | | | | | | |
| 1 | WH01 | | Hiện trạng cơ sở giáo dục đại học | Là cơ sở giáo dục đại học hiện trạng được phân tích, đánh giá trong quy hoạch.<br>- Quy hoạch tổng thể quốc gia: Thể hiện đại học quốc gia.<br>- Quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh: Thể hiện đại học, trường đại học, học viện. | HienTrangCoSoGiaoDucDaiHoc | maDoiTuong | CharacterString | Bắt buộc | Mã đối tượng | GM_Point | GM_Point | GM_Point hoặc GM_Polygon |
| | | | | | | ten | CharacterString | Bắt buộc | Tên cơ sở giáo dục đại học | | | |
| | | | | | | diaDiem | CharacterString | Có thể Null | Địa điểm của cơ sở giáo dục đại học.<br>- Quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp tỉnh.<br>- Quy hoạch tỉnh: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp huyện. | | | |
| | | | | | | dienTich | Real | Có thể Null | Diện tích cơ sở giáo dục đại học (ha) | | | |
| | | | | | | loaiHienTrang | CharacterString | Bắt buộc | Đối tượng hiện trạng được giữ nguyên trong quy hoạch | | | |
| | | | | | | | | | Đối tượng hiện trạng dự kiến được nâng cấp, điều chỉnh trong quy hoạch | | | |
| | | | | | | | | | Đối tượng hiện trạng không đưa vào quy hoạch | | | |
| | | | | | | nam | Integer | Bắt buộc | Năm cập nhật | | | |
| | | | | | | nguon | CharacterString | Bắt buộc | Nguồn gốc dữ liệu | | | |
| 2 | | WQ01 | Định hướng phát triển cơ sở giáo dục đại học | Là cơ sở giáo dục đại học được định hướng phát triển trong quy hoạch.<br>- Quy hoạch tổng thể quốc gia: Thể hiện đại học quốc gia.<br>- Quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh: Thể hiện đại học, trường đại học, học viện. | DinhHuongCoSoGiaoDucDaiHoc | maDoiTuong | CharacterString | Bắt buộc | Mã đối tượng | GM_Point | GM_Point | GM_Point hoặc GM_Polygon |
| | | | | | | ten | CharacterString | Bắt buộc | Tên cơ sở giáo dục đại học | | | |
| | | | | | | diaDiem | CharacterString | Có thể Null | Địa điểm dự kiến của cơ sở giáo dục đại học.<br>- Quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp tỉnh.<br>- Quy hoạch tỉnh: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp huyện. | | | |
| | | | | | | dienTich | Real | Có thể Null | Diện tích dự kiến của cơ sở giáo dục đại học (ha) | | | |
| | | | | | | loaiQuyHoach | CharacterString | Bắt buộc | Quy hoạch mới | | | |
| | | | | | | | | | Quy hoạch trên cơ sở điều chỉnh hiện trạng | | | |
| | | | | | | quyHoachBatDau | Date | Bắt buộc | Ngày quy hoạch được quyết định hoặc phê duyệt | | | |
| | | | | | | quyHoachKetThuc | Date | Bắt buộc | Ngày cuối cùng của thời kỳ quy hoạch | | | |
| | | | | | | nguon | CharacterString | Có thể Null | Nguồn gốc dữ liệu | | | |

| TT | Kiểu đối tượng địa lý | | | | Tên lớp/ nhóm lớp | Trường thuộc tính | Kiểu dữ liệu thuộc tính | Yêu cầu | Tên (nhãn)/Mô tả thuộc tính | Phạm vi áp dụng và kiểu dữ liệu hình học | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Mã tên kiểu đối tượng | | Tên | Mô tả | | | | | | Quy hoạch tổng thể quốc gia | Quy hoạch vùng | Quy hoạch tỉnh |
| | Dữ liệu hiện trạng | Dữ liệu định hướng phát triển | | | | | | | | | | |
| 3 | WH02 | | Hiện trạng cơ sở giáo dục phổ thông | Là cơ sở giáo dục phổ thông cấp tỉnh, liên huyện được phân tích, đánh giá trong quy hoạch. | HienTrangCoSoGiaoDucPhoThong | maDoiTuong | CharacterString | Bắt buộc | Mã đối tượng | | | GM_Point hoặc GM_Polygon |
| | | | | | | ten | CharacterString | Bắt buộc | Tên cơ sở giáo dục phổ thông | | | |
| | | | | | | phanLoai | CharacterString | Có thể Null | Phân loại cơ sở giáo dục phổ thông bao gồm: | | | |
| | | | | | | | | | Trường trung học phổ thông | | | |
| | | | | | | | | | Trường trung học cơ sở và trung học phổ thông | | | |
| | | | | | | | | | Trường tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông | | | |
| | | | | | | diaDiem | CharacterString | Có thể Null | Địa điểm của cơ sở giáo dục phổ thông chi tiết đến đơn vị hành chính cấp huyện | | | |
| | | | | | | dienTich | Real | Có thể Null | Diện tích cơ sở giáo dục phổ thông (ha) | | | |
| | | | | | | thanhLap | CharacterString | Có thể Null | Công lập | | | |
| | | | | | | | | | Dân lập | | | |
| | | | | | | | | | Tư thục | | | |
| | | | | | | soLuongGiaoVien | Integer | Có thể Null | Số lượng giáo viên của cơ sở giáo dục phổ thông (người) | | | |
| | | | | | | loaiHienTrang | CharacterString | Bắt buộc | Đối tượng hiện trạng được giữ nguyên trong quy hoạch | | | |
| | | | | | | | | | Đối tượng hiện trạng dự kiến được nâng cấp, điều chỉnh trong quy hoạch | | | |
| | | | | | | | | | Đối tượng hiện trạng không đưa vào quy hoạch | | | |
| | | | | | | nam | Integer | Bắt buộc | Năm cập nhật | | | |
| | | | | | | nguon | CharacterString | Bắt buộc | Nguồn gốc dữ liệu | | | |
| 4 | | WQ02 | Định hướng phát triển cơ sở giáo dục phổ thông | Là cơ sở giáo dục phổ thông được định hướng phát triển trong quy hoạch | DinhHuongCoSoGiaoDucPhoThong | maDoiTuong | CharacterString | Bắt buộc | Mã đối tượng | | | GM_Point hoặc GM_Polygon |
| | | | | | | ten | CharacterString | Bắt buộc | Tên cơ sở giáo dục phổ thông | | | |
| | | | | | | phanLoai | CharacterString | Có thể Null | Phân loại cơ sở giáo dục phổ thông bao gồm: | | | |
| | | | | | | | | | Trường trung học phổ thông | | | |
| | | | | | | | | | Trường trung học cơ sở và trung học phổ thông | | | |
| | | | | | | | | | Trường tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông | | | |
| | | | | | | diaDiem | CharacterString | Có thể Null | Địa điểm dự kiến của cơ sở giáo dục phổ thông chi tiết đến đơn vị hành chính cấp huyện | | | |

| TT | Kiểu đối tượng địa lý | | | | Tên lớp/ nhóm lớp | Trường thuộc tính | Kiểu dữ liệu thuộc tính | Yêu cầu | Tên (nhãn)/Mô tả thuộc tính | Phạm vi áp dụng và kiểu dữ liệu hình học | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Mã tên kiểu đối tượng | | Tên | Mô tả | | | | | | Quy hoạch tổng thể quốc gia | Quy hoạch vùng | Quy hoạch tỉnh |
| | Dữ liệu hiện trạng | Dữ liệu định hướng phát triển | | | | | | | | | | |
| | | | | | | dienTich | Real | Có thể Null | Diện tích dự kiến của cơ sở giáo dục phổ thông (ha) | | | |
| | | | | | | loaiQuyHoach | CharacterString | Bắt buộc | Quy hoạch mới | | | |
| | | | | | | | | | Quy hoạch trên cơ sở điều chỉnh hiện trạng | | | |
| | | | | | | quyHoachBatDau | Date | Bắt buộc | Ngày quy hoạch được quyết định hoặc phê duyệt | | | |
| | | | | | | quyHoachKetThuc | Date | Bắt buộc | Ngày cuối cùng của thời kỳ quy hoạch | | | |
| | | | | | | nguon | CharacterString | Có thể Null | Nguồn gốc dữ liệu | | | |
| 5 | WH03 | | Hiện trạng trường chuyên biệt | Là hiện trạng trường chuyên biệt cấp tỉnh được phân tích, đánh giá trong quy hoạch. | HienTrangTruongChuyenBiet | maDoiTuong | CharacterString | Bắt buộc | Mã đối tượng | | | GM_Point hoặc GM_Polygon |
| | | | | | | ten | CharacterString | Bắt buộc | Tên trường chuyên biệt | | | |
| | | | | | | phanLoai | CharacterString | Có thể Null | Phân loại trường chuyên biệt cấp tỉnh bao gồm: | | | |
| | | | | | | | | | Trường phổ thông dân tộc nội trú, trường dự bị đại học | | | |
| | | | | | | | | | Trường chuyên, trường năng khiếu | | | |
| | | | | | | | | | Trường dành cho người tàn tật, khuyết tật | | | |
| | | | | | | | | | Trường giáo dưỡng | | | |
| | | | | | | diaDiem | CharacterString | Có thể Null | Địa điểm của trường chuyên biệt chi tiết đến đơn vị hành chính cấp huyện | | | |
| | | | | | | dienTich | Real | Có thể Null | Diện tích trường chuyên biệt (ha) | | | |
| | | | | | | soLuongGiaoVien | Integer | Có thể Null | Số lượng giáo viên của trường chuyên biệt (người) | | | |
| | | | | | | loaiHienTrang | CharacterString | Bắt buộc | Đối tượng hiện trạng được giữ nguyên trong quy hoạch | | | |
| | | | | | | | | | Đối tượng hiện trạng dự kiến được nâng cấp, điều chỉnh trong quy hoạch | | | |
| | | | | | | | | | Đối tượng hiện trạng không đưa vào quy hoạch | | | |
| | | | | | | nam | Integer | Bắt buộc | Năm cập nhật | | | |
| | | | | | | nguon | CharacterString | Bắt buộc | Nguồn gốc dữ liệu | | | |
| 6 | | WQ03 | Định hướng phát triển trường chuyên biệt | Là trường chuyên biệt cấp tỉnh được định hướng phát triển trong quy hoạch | DinhHuongTruongChuyenBiet | maDoiTuong | CharacterString | Bắt buộc | Mã đối tượng | | | GM_Point hoặc GM_Polygon |
| | | | | | | ten | CharacterString | Bắt buộc | Tên trường chuyên biệt | | | |
| | | | | | | phanLoai | CharacterString | Có thể Null | Phân loại trường chuyên biệt cấp tỉnh bao gồm: | | | |
| | | | | | | | | | Trường phổ thông dân tộc nội trú, trường dự bị đại học | | | |

| TT | Kiểu đối tượng địa lý | | | | Tên lớp/ nhóm lớp | Trường thuộc tính | Kiểu dữ liệu thuộc tính | Yêu cầu | Tên (nhãn)/Mô tả thuộc tính | Phạm vi áp dụng và kiểu dữ liệu hình học | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Mã tên kiểu đối tượng | | Tên | Mô tả | | | | | | Quy hoạch tổng thể quốc gia | Quy hoạch vùng | Quy hoạch tỉnh |
| | Dữ liệu hiện trạng | Dữ liệu định hướng phát triển | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | Trường chuyên, trường năng khiếu | | | |
| | | | | | | | | | Trường dành cho người tàn tật, khuyết tật | | | |
| | | | | | | | | | Trường giáo dưỡng | | | |
| | | | | | | diaDiem | CharacterString | Có thể Null | Địa điểm dự kiến của trường chuyên biệt chi tiết đến đơn vị hành chính cấp huyện | | | |
| | | | | | | dienTich | Real | Có thể Null | Diện tích dự kiến của trường chuyên biệt (ha) | | | |
| | | | | | | loaiQuyHoach | CharacterString | Bắt buộc | Quy hoạch mới | | | |
| | | | | | | | | | Quy hoạch trên cơ sở điều chỉnh hiện trạng | | | |
| | | | | | | quyHoachBatDau | Date | Bắt buộc | Ngày quy hoạch được quyết định hoặc phê duyệt | | | |
| | | | | | | quyHoachKetThuc | Date | Bắt buộc | Ngày cuối cùng của thời kỳ quy hoạch | | | |
| | | | | | | nguon | CharacterString | Có thể Null | Nguồn gốc dữ liệu | | | |

## 12. Lao động - Thương binh và xã hội

| TT | Kiểu đối tượng địa lý | | | | Tên lớp/nhóm lớp | Trường thuộc tính | Kiểu dữ liệu thuộc tính | Yêu cầu | Tên (nhãn)/Mô tả thuộc tính | Phạm vi áp dụng và kiểu dữ liệu hình học | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Mã tên kiểu đối tượng | | Tên | Mô tả | | | | | | Quy hoạch tổng thể quốc gia | Quy hoạch vùng | Quy hoạch tỉnh |
| | Dữ liệu hiện trạng | Dữ liệu định hướng phát triển | | | | | | | | | | |
| 1 | XH01 | | Hiện trạng cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập | Là cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập được phân tích, đánh giá trong quy hoạch.<br>- Quy hoạch vùng: Thể hiện cơ sở giáo dục nghề nghiệp được xác định trong quy hoạch cấp | HienTrangCoSoGiaoDucNgheNghiepCongLap | maDoiTuong | CharacterString | Bắt buộc | Mã đối tượng | | GM_Point | GM_Point hoặc GM_Polygon |
| | | | | | | ten | CharacterString | Bắt buộc | Tên cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập | | | |
| | | | | | | capQuanLy | CharacterString | Có thể Null | Cấp quản lý cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập bao gồm: | | | |
| | | | | | | | | | Trung ương | | | |
| | | | | | | | | | Cấp tỉnh | | | |
| | | | | | | phanLoai | CharacterString | Có thể Null | Phân loại cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập bao gồm: | | | |
| | | | | | | | | | Trung tâm giáo dục nghề nghiệp | | | |
| | | | | | | | | | Trường trung cấp | | | |
| | | | | | | | | | Trường cao đẳng | | | |

| TT | Kiểu đối tượng địa lý | | | | Tên lớp/nhóm lớp | Trường thuộc tính | Kiểu dữ liệu thuộc tính | Yêu cầu | Tên (nhãn)/Mô tả thuộc tính | Phạm vi áp dụng và kiểu dữ liệu hình học | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Mã tên kiểu đối tượng | | Tên | Mô tả | | | | | | Quy hoạch tổng thể quốc gia | Quy hoạch vùng | Quy hoạch tỉnh |
| | Dữ liệu hiện trạng | Dữ liệu định hướng phát triển | | | | | | | | | | |
| | | | | quốc gia trên địa bàn vùng.<br>- Quy hoạch tỉnh: Thể hiện cơ sở giáo dục nghề nghiệp đã được xác định trong quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng; cơ sở giáo dục nghề nghiệp thuộc phạm vi quản lý của cấp tỉnh. | | diaDiem | CharacterString | Có thể Null | Địa điểm của cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập.<br>- Quy hoạch vùng: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp tỉnh.<br>- Quy hoạch tỉnh: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp huyện. | | | |
| | | | | | | dienTich | Real | Có thể Null | Diện tích cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập (ha). | | | |
| | | | | | | loaiHienTrang | CharacterString | Bắt buộc | Đối tượng hiện trạng được giữ nguyên trong quy hoạch | | | |
| | | | | | | | | | Đối tượng hiện trạng dự kiến được nâng cấp, điều chỉnh trong quy hoạch | | | |
| | | | | | | | | | Đối tượng hiện trạng không đưa vào quy hoạch | | | |
| | | | | | | nam | Integer | Bắt buộc | Năm cập nhật | | | |
| | | | | | | nguon | CharacterString | Bắt buộc | Nguồn gốc dữ liệu | | | |
| 2 | | XQ01 | Định hướng phát triển cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập | Là cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập được định hướng phát triển trong quy hoạch.<br>- Quy hoạch vùng: Thể hiện cơ sở giáo dục nghề nghiệp được xác định trong quy hoạch cấp quốc gia trên địa bàn vùng.<br>- Quy hoạch tỉnh: Thể hiện cơ sở giáo dục nghề nghiệp đã được xác định trong quy | DinhHuongPhatTrienCoSoGiaoDucNgheNghiepCongLap | maDoiTuong | CharacterString | Bắt buộc | Mã đối tượng | | GM_Point | GM_Point hoặc GM_Polygon |
| | | | | | | ten | CharacterString | Bắt buộc | Tên cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập | | | |
| | | | | | | capQuanLy | CharacterString | Có thể Null | Cấp quản lý cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập bao gồm: | | | |
| | | | | | | | | | Trung ương | | | |
| | | | | | | | | | Cấp tỉnh | | | |
| | | | | | | phanLoai | CharacterString | Có thể Null | Phân loại cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập bao gồm: | | | |
| | | | | | | | | | Trung tâm giáo dục nghề nghiệp | | | |
| | | | | | | | | | Trường trung cấp | | | |
| | | | | | | | | | Trường cao đẳng | | | |
| | | | | | | diaDiem | CharacterString | Có thể Null | Địa điểm dự kiến của cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập.<br>- Quy hoạch vùng: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp tỉnh.<br>- Quy hoạch tỉnh: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp huyện. | | | |
| | | | | | | dienTich | Real | Có thể Null | Diện tích dự kiến của cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập (ha). | | | |

| TT | Kiểu đối tượng địa lý | | | | Tên lớp/nhóm lớp | Trường thuộc tính | Kiểu dữ liệu thuộc tính | Yêu cầu | Tên (nhãn)/Mô tả thuộc tính | Phạm vi áp dụng và kiểu dữ liệu hình học | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Mã tên kiểu đối tượng | | Tên | Mô tả | | | | | | Quy hoạch tổng thể quốc gia | Quy hoạch vùng | Quy hoạch tỉnh |
| | Dữ liệu hiện trạng | Dữ liệu định hướng phát triển | | | | | | | | | | |
| | | | | hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng; cơ sở giáo dục nghề nghiệp thuộc phạm vi quản lý của cấp tỉnh. | | loaiQuyHoach | CharacterString | Bắt buộc | Quy hoạch mới | | | |
| | | | | | | | | | Quy hoạch trên cơ sở điều chỉnh hiện trạng | | | |
| | | | | | | quyHoachBatDau | Date | Bắt buộc | Ngày quy hoạch được quyết định hoặc phê duyệt | | | |
| | | | | | | quyHoachKetThuc | Date | Bắt buộc | Ngày cuối cùng của thời kỳ quy hoạch | | | |
| | | | | | | nguon | CharacterString | Có thể Null | Nguồn gốc dữ liệu | | | |
| 3 | XH02 | | Hiện trạng cơ sở trợ giúp xã hội | Là cơ sở trợ giúp xã hội được phân tích, đánh giá trong quy hoạch | HienTrangCoSoTroGiupXaHoi | maDoiTuong | CharacterString | Bắt buộc | Mã đối tượng | | | GM_Point hoặc GM_Polygon |
| | | | | | | ten | CharacterString | Bắt buộc | Tên cơ sở trợ giúp xã hội | | | |
| | | | | | | phanLoai | CharacterString | Có thể Null | Phân loại cơ sở trợ giúp xã hội bao gồm: | | | |
| | | | | | | | | | Cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc người cao tuổi | | | |
| | | | | | | | | | Cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt | | | |
| | | | | | | | | | Cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc người khuyết tật | | | |
| | | | | | | | | | Cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc và phục hồi chức năng cho người tâm thần, người rối nhiễu tâm trí | | | |
| | | | | | | | | | Cơ sở bảo trợ xã hội tổng hợp | | | |
| | | | | | | capQuanLy | CharacterString | Có thể Null | Cấp quản lý cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập bao gồm: | | | |
| | | | | | | | | | Trung ương | | | |
| | | | | | | | | | Cấp tỉnh | | | |
| | | | | | | diaDiem | CharacterString | Có thể Null | Địa điểm của cơ sở trợ giúp xã hội chi tiết đến đơn vị hành chính cấp huyện | | | |
| | | | | | | dienTich | Real | Có thể Null | Diện tích cơ sở trợ giúp xã hội (ha) | | | |
| | | | | | | loaiHienTrang | CharacterString | Bắt buộc | Đối tượng hiện trạng được giữ nguyên trong quy hoạch | | | |
| | | | | | | | | | Đối tượng hiện trạng dự kiến được nâng cấp, điều chỉnh trong quy hoạch | | | |
| | | | | | | | | | Đối tượng hiện trạng không đưa vào quy hoạch | | | |
| | | | | | | nam | Integer | Bắt buộc | Năm cập nhật | | | |
| | | | | | | nguon | CharacterString | Bắt buộc | Nguồn gốc dữ liệu | | | |

| TT | Kiểu đối tượng địa lý | | | | Tên lớp/nhóm lớp | Trường thuộc tính | Kiểu dữ liệu thuộc tính | Yêu cầu | Tên (nhãn)/Mô tả thuộc tính | Phạm vi áp dụng và kiểu dữ liệu hình học | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Mã tên kiểu đối tượng | | Tên | Mô tả | | | | | | Quy hoạch tổng thể quốc gia | Quy hoạch vùng | Quy hoạch tỉnh |
| | Dữ liệu hiện trạng | Dữ liệu định hướng phát triển | | | | | | | | | | |
| 4 | | XQ02 | Định hướng phát triển cơ sở trợ giúp xã hội | Là cơ sở trợ giúp xã hội được định hướng phát triển trong quy hoạch | DinhHuongPhatTrienCoSoTroGiupXaHoi | maDoiTuong | CharacterString | Bắt buộc | Mã đối tượng | | | GM_Point hoặc GM_Polygon |
| | | | | | | ten | CharacterString | Bắt buộc | Tên cơ sở trợ giúp xã hội | | | |
| | | | | | | phanLoai | CharacterString | Có thể Null | Phân loại cơ sở trợ giúp xã hội bao gồm: | | | |
| | | | | | | | | | Cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc người cao tuổi | | | |
| | | | | | | | | | Cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt | | | |
| | | | | | | | | | Cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc người khuyết tật | | | |
| | | | | | | | | | Cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc và phục hồi chức năng cho người tâm thần, người rối nhiễu tâm trí | | | |
| | | | | | | | | | Cơ sở bảo trợ xã hội tổng hợp | | | |
| | | | | | | capQuanLy | CharacterString | Có thể Null | Cấp quản lý cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập bao gồm: | | | |
| | | | | | | | | | Trung ương | | | |
| | | | | | | | | | Cấp tỉnh | | | |
| | | | | | | diaDiem | CharacterString | Có thể Null | Địa điểm dự kiến của cơ sở trợ giúp xã hội chi tiết đến đơn vị hành chính cấp huyện | | | |
| | | | | | | dienTich | Real | Có thể Null | Diện tích dự kiến của cơ sở trợ giúp xã hội (ha) | | | |
| | | | | | | loaiQuyHoach | CharacterString | Bắt buộc | Quy hoạch mới | | | |
| | | | | | | | | | Quy hoạch trên cơ sở điều chỉnh hiện trạng | | | |
| | | | | | | quyHoachBatDau | Short Integer | Bắt buộc | Ngày quy hoạch được quyết định hoặc phê duyệt | | | |
| | | | | | | quyHoachKetThuc | Short Integer | Bắt buộc | Ngày cuối cùng của thời kỳ quy hoạch | | | |
| | | | | | | nguon | CharacterString | Có thể Null | Nguồn gốc dữ liệu | | | |
| 5 | XH03 | | Hiện trạng cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng | Là cơ sở xã hội nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng được phân tích, đánh giá | HienTrangNuoiDuongNguoiCoCong | maDoiTuong | CharacterString | Bắt buộc | Mã đối tượng | | | GM_Point hoặc GM_Polygon |
| | | | | | | ten | CharacterString | Bắt buộc | Tên cơ sở xã hội nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng | | | |
| | | | | | | capQuanLy | CharacterString | Có thể Null | Cấp quản lý cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập bao gồm: | | | |
| | | | | | | | | | Trung ương | | | |
| | | | | | | | | | Cấp tỉnh | | | |

| TT | Kiểu đối tượng địa lý | | | | Tên lớp/nhóm lớp | Trường thuộc tính | Kiểu dữ liệu thuộc tính | Yêu cầu | Tên (nhãn)/Mô tả thuộc tính | Phạm vi áp dụng và kiểu dữ liệu hình học | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Mã tên kiểu đối tượng | | Tên | Mô tả | | | | | | Quy hoạch tổng thể quốc gia | Quy hoạch vùng | Quy hoạch tỉnh |
| | Dữ liệu hiện trạng | Dữ liệu định hướng phát triển | | | | | | | | | | |
| | | | | trong quy hoạch. | | diaDiem | CharacterString | Có thể Null | Địa điểm của cơ sở xã hội nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng chi tiết đến đơn vị hành chính cấp huyện. | | | |
| | | | | | | dienTich | Real | Có thể Null | Diện tích của cơ sở xã hội nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng (ha) | | | |
| | | | | | | soLuongNguoiCoCong | Integer | Có thể Null | Số lượng người có công với cách mạng đang được điều dưỡng tập trung tại cơ sở xã hội nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng (người). | | | |
| | | | | | | loaiHienTrang | CharacterString | Bắt buộc | Đối tượng hiện trạng được giữ nguyên trong quy hoạch | | | |
| | | | | | | | | | Đối tượng hiện trạng dự kiến được nâng cấp, điều chỉnh trong quy hoạch | | | |
| | | | | | | | | | Đối tượng hiện trạng không đưa vào quy hoạch | | | |
| | | | | | | nam | Integer | Bắt buộc | Năm cập nhật | | | |
| | | | | | | nguon | CharacterString | Bắt buộc | Nguồn gốc dữ liệu | | | |
| 6 | | XQ03 | Định hướng phát triển cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng | Là cơ sở xã hội nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng được định hướng phát triển trong quy hoạch | DinhHuongPhatTrienCoSoNuoiDuongNguoiCoCong | maDoiTuong | CharacterString | Bắt buộc | Mã đối tượng | | | GM_Point hoặc GM_Polygon |
| | | | | | | ten | CharacterString | Bắt buộc | Tên cơ sở xã hội nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng | | | |
| | | | | | | capQuanLy | CharacterString | Có thể Null | Cấp quản lý cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập bao gồm: | | | |
| | | | | | | | | | Trung ương | | | |
| | | | | | | | | | Cấp tỉnh | | | |
| | | | | | | diaDiem | CharacterString | Có thể Null | Địa điểm dự kiến của cơ sở xã hội nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng chi tiết đến đơn vị hành chính cấp huyện. | | | |
| | | | | | | dienTich | Real | Có thể Null | Diện tích dự kiến của cơ sở xã hội nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng (ha) | | | |
| | | | | | | loaiQuyHoach | CharacterString | Bắt buộc | Quy hoạch mới | | | |
| | | | | | | | | | Quy hoạch trên cơ sở điều chỉnh hiện trạng | | | |
| | | | | | | quyHoachBatDau | Date | Bắt buộc | Ngày quy hoạch được quyết định hoặc phê duyệt | | | |
| | | | | | | quyHoachKetThuc | Date | Bắt buộc | Ngày cuối cùng của thời kỳ quy hoạch | | | |
| | | | | | | nguon | CharacterString | Có thể Null | Nguồn gốc dữ liệu | | | |

**13. Quốc phòng, an ninh**

**14. Ngoại giao**

| TT | Kiểu đối tượng địa lý | | | | Tên lớp | Trường thuộc tính | Kiểu dữ liệu thuộc tính | Yêu cầu | Tên (nhãn)/Mô tả thuộc tính | Phạm vi áp dụng và kiểu dữ liệu hình học | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Mã tên kiểu đối tượng | | Tên | Mô tả | | | | | | Quy hoạch tổng thể quốc gia | Quy hoạch vùng | Quy hoạch tỉnh |
| | Dữ liệu hiện trạng | Dữ liệu định hướng phát triển | | | | | | | | | | |
| 1 | ZH01 | | Hiện trạng hệ thống cửa khẩu biên giới đất liền | Là cửa khẩu biên giới đất liền được phân tích, đánh giá trong quy hoạch.<br>- Quy hoạch vùng: Thể hiện cửa khẩu quốc tế.<br>- Quy hoạch tỉnh: Thể hiện cửa khẩu quốc tế, cửa khẩu chính, cửa khẩu phụ. | HienTrangHeThongCuaKhauBienGioiDatLien | maDoiTuong | CharacterString | Bắt buộc | Mã đối tượng | | GM_Point | GM_Point |
| | | | | | | ten | CharacterString | Bắt buộc | Tên cửa khẩu biên giới đất liền | | | |
| | | | | | | phanLoai | CharacterString | Bắt buộc | Phân loại cửa khẩu biên giới đất liền bao gồm: | | | |
| | | | | | | | | | Cửa khẩu quốc tế | | | |
| | | | | | | | | | Cửa khẩu chính | | | |
| | | | | | | | | | Cửa khẩu phụ | | | |
| | | | | | | loaiHinh | CharacterString | Có thể Null | Loại hình cửa khẩu biên giới đất liền bao gồm: | | | |
| | | | | | | | | | Cửa khẩu đường bộ | | | |
| | | | | | | | | | Cửa khẩu đường sắt | | | |
| | | | | | | | | | Cửa khẩu biên giới đường thủy nội địa | | | |
| | | | | | | diaDiem | CharacterString | Có thể Null | Địa điểm của cửa khẩu biên giới đất liền.<br>- Quy hoạch vùng: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp tỉnh.<br>- Quy hoạch tỉnh: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp huyện. | | | |
| | | | | | | quocGiaTiepGiap | CharacterString | Có thể Null | Quốc gia tiếp giáp có cửa khẩu biên giới đất liền với Việt Nam bao gồm: | | | |
| | | | | | | | | | Trung Quốc | | | |
| | | | | | | | | | Lào | | | |
| | | | | | | | | | Campuchia | | | |
| | | | | | | loaiHienTrang | CharacterString | Bắt buộc | Đối tượng hiện trạng được giữ nguyên trong quy hoạch | | | |
| | | | | | | | | | Đối tượng hiện trạng dự kiến được nâng cấp, điều chỉnh trong quy hoạch | | | |
| | | | | | | | | | Đối tượng hiện trạng không đưa vào quy hoạch | | | |
| | | | | | | nam | Integer | Bắt buộc | Năm cập nhật | | | |
| | | | | | | nguon | CharacterString | Bắt buộc | Nguồn gốc dữ liệu | | | |

| TT | Kiểu đối tượng địa lý | | | | Tên lớp | Trường thuộc tính | Kiểu dữ liệu thuộc tính | Yêu cầu | Tên (nhãn)/Mô tả thuộc tính | Phạm vi áp dụng và kiểu dữ liệu hình học | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Mã tên kiểu đối tượng | | Tên | Mô tả | | | | | | Quy hoạch tổng thể quốc gia | Quy hoạch vùng | Quy hoạch tỉnh |
| | Dữ liệu hiện trạng | Dữ liệu định hướng phát triển | | | | | | | | | | |
| 2 | | ZQ01 | Định hướng phát triển hệ thống cửa khẩu biên giới đất liền | Là cửa khẩu biên giới đất liền được phân tích, đánh giá trong quy hoạch.<br>- Quy hoạch vùng: Thể hiện cửa khẩu quốc tế.<br>- Quy hoạch tỉnh: Thể hiện cửa khẩu quốc tế, cửa khẩu chính, cửa khẩu phụ. | DinhHuongHeThongCuaKhauBienGioiDatLien | maDoiTuong | CharacterString | Bắt buộc | Mã đối tượng | | GM_Point | GM_Point |
| | | | | | | ten | CharacterString | Bắt buộc | Tên cửa khẩu biên giới đất liền | | | |
| | | | | | | phanLoai | CharacterString | Bắt buộc | Phân loại cửa khẩu biên giới đất liền bao gồm: | | | |
| | | | | | | | | | Cửa khẩu quốc tế | | | |
| | | | | | | | | | Cửa khẩu chính | | | |
| | | | | | | | | | Cửa khẩu phụ | | | |
| | | | | | | loaiHinh | CharacterString | Có thể Null | Loại hình cửa khẩu biên giới đất liền bao gồm: | | | |
| | | | | | | | | | Cửa khẩu đường bộ | | | |
| | | | | | | | | | Cửa khẩu đường sắt | | | |
| | | | | | | | | | Cửa khẩu biên giới đường thủy nội địa | | | |
| | | | | | | diaDiem | CharacterString | Có thể Null | Địa điểm dự kiến của cửa khẩu biên giới đất liền.<br>- Quy hoạch vùng: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp tỉnh.<br>- Quy hoạch tỉnh: Chi tiết đến đơn vị hành chính cấp huyện. | | | |
| | | | | | | quocGiaTiepGiap | CharacterString | Có thể Null | Quốc gia tiếp giáp có cửa khẩu biên giới đất liền với Việt Nam bao gồm: | | | |
| | | | | | | | | | Trung Quốc | | | |
| | | | | | | | | | Lào | | | |
| | | | | | | | | | Campuchia | | | |
| | | | | | | loaiQuyHoach | CharacterString | Bắt buộc | Đối tượng hiện trạng được nâng cấp, điều chỉnh trong quy hoạch | | | |
| | | | | | | | | | Đối tượng được xác định mới trong quy hoạch | | | |
| | | | | | | quyHoachBatDau | Date | Bắt buộc | Ngày quy hoạch được quyết định hoặc phê duyệt | | | |
| | | | | | | quyHoachKetThuc | Date | Bắt buộc | Ngày cuối cùng của thời kỳ quy hoạch | | | |
| | | | | | | nguon | CharacterString | Có thể Null | Nguồn gốc dữ liệu | | | |